Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THÀNH PHỐ
Email: ttttdttp@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Tiếp theo Công báo điện tử số 358 + 359)

Phụ lục II

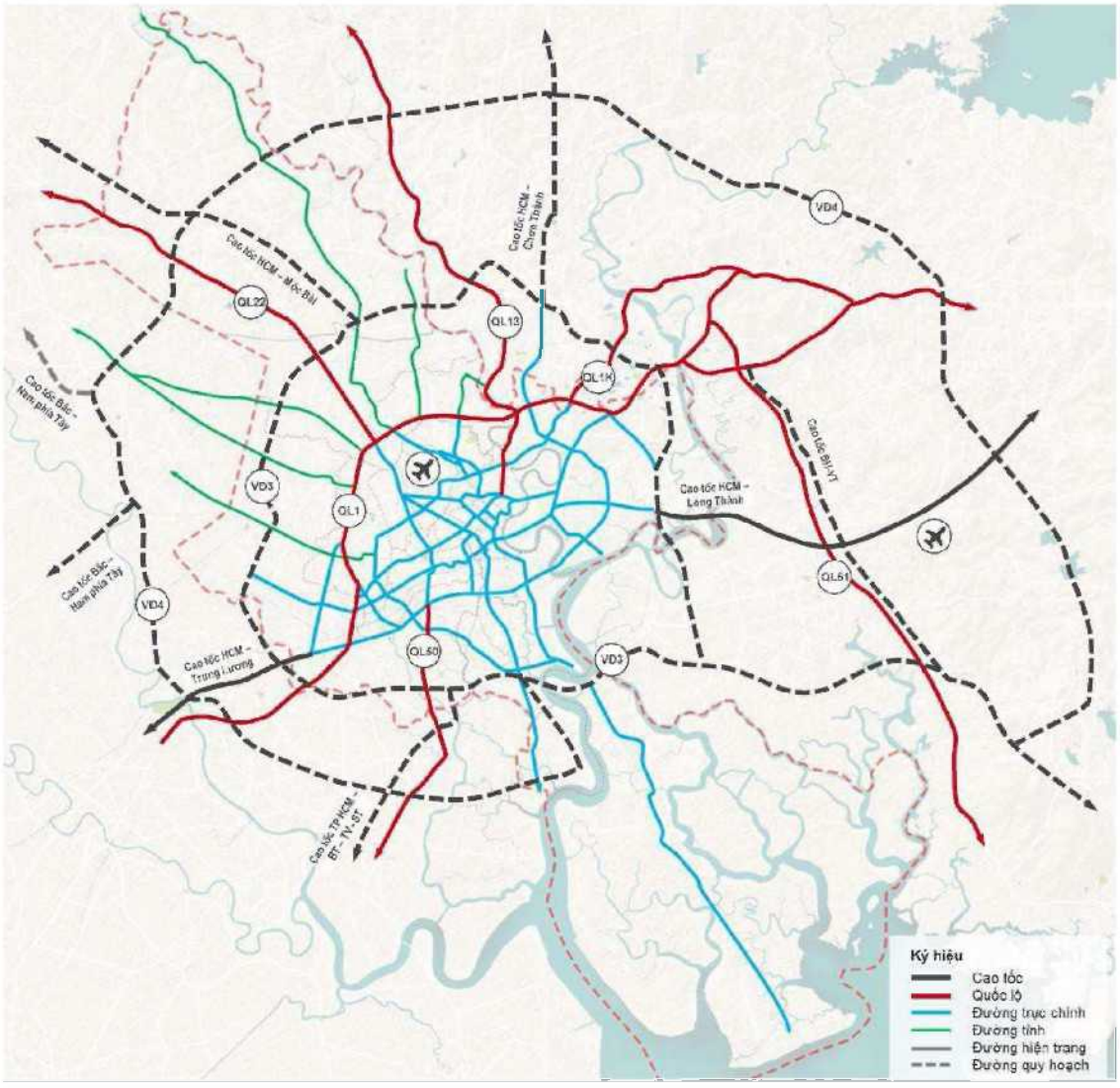
CÁC TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*Ghi chú: *Vị trí và ranh giới cụ thể các khu vực được xác định tại các pháp lý quy hoạch hiện hành. Việc bổ sung các khu vực theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này khi ranh thiết kế cơ sở công viên được xác định và phê duyệt*

Các trục đường chính là các trục đường có lộ giới từ 30m trở lên theo quyhoạch được duyệt và các đường chính đô thị, đường liên khu vực, các trục cảnh quan, đường trên cao, đường vành đai… theo các mục saudây:

I. KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (CŨ)



Hình 2-1: Mạng lưới giao thông chính khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)

1. Các tuyến đường vànhđai

- QL1 - Tuyến Quốc lộ1A: *đoạn qua địa bàn Thành phố có tổng chiều dài khoảng 50.5km, gồm đoạn từ cầu Đồng Nai đến Nút giao Trạm 2, đoạn từ đoạn Nút giao Trạm 2 - Ngã 4 An Sương, đoạn ngã 4 An Sương - An Lạc, đoạn nút giao An Lạc - Ranh Long An cũ;*

- VD2 - Vành đai 2: *gồm đoạn Phạm Văn Đồng - Gò Dưa khoảng 2,7km và đoạn An Lạc –Nguyễn Văn Linh, khoảng 5.3km và đoạn Phú Hữu - Phạm Văn Đồng khoảng 6.0km;*

- VD3 - Vành đai 3;

- VD4 - Vành đai 4;

- Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh- Long Thành;

- Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Bến Lức - Long Thành;

- Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương.

2. Các tuyến đường hướng tâm

- QL50 - Tuyến Quốc lộ 50: *đoạn từ Vành đai 2 đến thị trấn Cần Giuộc, chiều dài 15,0 km, quy mô quy hoạch 6 làn xe, hiện khai thác quy mô 2-4 làn xe*;

- QL22 - Tuyến Quốc lộ 22:*toàn tuyến dài 59 km, trong đó đoạn thuộc địa bàn Thành phố dài 31,0km, quy mô quy hoạch 10-12 làn xe. Quy mô đang khai thác 4 - 6 làn xe*;

- QL13 - Tuyến Quốc lộ 13:*tổng chiều dài 19.5 km, trong đó đoạn ngã tư Bình Phước (Vành đai 2) - khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh dài khoảng 6 km, đang khai thác quy mô 4-6 làn xe (18,5-25m), hiện đang khó khăn về nguồn vốn đầu tư để đầu tư mở rộng*;

- QL1K - Tuyến Quốc lộ 1K*: tổng chiều dài 10,2 km, trong đó đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh dài 2,5 km, quy mô quy hoạch 8 làn xe, mặt cắt ngang rộng 60m, hiện đang khai thác giai đoạn 1, quy mô 4 làn xe (Bn=20m)*;

- Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh- Mộc Bài;

- Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh- Chơn Thành;

- Cao tốc Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Cao tốc Bắc Nam phía Tây;

- Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh- Sóc Trăng.

3. Các tuyến đường trên cao

- Tuyến số 1: từ nút giao Cộng Hòa - Phan Thúc Duyện - Hoàng Văn Thụ;

- Phan Đăng Lưu - Phan Xích Long - Điện Biên Phủ - Ngô Tất Tố, kết thúc trước cầu Phú An. Chiều dài khoảng 9,5 km;

- Tuyến số 2: giao với tuyến số 1 (Lăng Cha Cả) - Bùi Thị Xuân - Cách Mạng Tháng Tám - Bắc Hải - Đầm Sen - Hương lộ 2, kết thúc tại điểm giao với Quốc lộ 1 (Vành đai 2). Chiều dài khoảng 11,8 km;

- Tuyến số 3: giao với Tuyến số 2 tại đường Thành Thái - Lý Thái Tổ - Nguyễn Văn Cừ - rạch Ông Lớn - Nguyễn Văn Linh. Chiều dài khoảng 8,1 km;

- Tuyến số 4: bắt đầu từ Quốc lộ 1 (giao với Tuyến số 5) - Vườn Lài - Điện Biên Phủ, giao với Tuyến số 1. Chiều dài khoảng 7,3 km;

- Tuyến số 5: đi trùng đường Vành đai 2 (Quốc lộ 1) từ nút giao trạm 2 đến nút giao An Lạc. Chiều dài khoảng 34,0 km.

4. Các tuyến đường tỉnh lộ

- Đường mở mới phía Tây - Bắc;

- Đường tỉnh 15;

- Đường tỉnh 12 (đường Hà Huy Giáp), đoạn Vành đai 2 - Cầu Phú Long;

- Đường tỉnh 9 (Đặng Thúc Vịnh);

- Tỉnh lộ 8.

5. Cầu lớn, hầm vượt sông

- Vượt sông Nhà Bè, sông Lòng Tàu và sông Thị Vải: các cầu Bình Khánh (vượt sông Nhà Bè), cầu Phước Khánh (vượt sông Lòng Tàu) trên tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành;

- Vượt sông Đồng Nai: cầu Long Thành trên tuyến cao tốc Hồ Chí Minh- Long Thành - Dầu Giây và cầu Hóa An 2 trên tuyến Quốc lộ 1K;

- Vượt sông Sài Gòn: cầu Sài Gòn 2 ,cầu Bình Lợi 2 và cầu Thủ Thiêm 2, cầu Ba Son.

6. Các tuyến giao thông đường sắt

- Đường sắt Trảng Bom - Hòa Hưng;

- Đường sắt Dĩ An - Lộc Ninh;

- Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu;

- Đường sắt tốc độ cao Thành phốHồ Chí Minh- Mỹ Tho - Cần Thơ;

- Đường sắt Thành phốHồ Chí Minh - Tây Ninh;

- Đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Cảng hàng không Quốc tế Long Thành;

- Tuyến đường sắt tốc độ cao Thành phốHồ Chí Minh- Nha Trang.

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
Cao tốc	1	CT Hồ Chí Minh - Mộc Bài	140	24.711	Vành Đai 3	Xã Phước Thạnh, Củ Chi *cũ*
	2	Vành đai 4	74,5	16.494	-	-
	3	Vành đai 3	74,5-120,5	61.105	-	-
	4	Hồ Chí Minh - Trung Lương	120	17.209	QL 1	TT Tân Túc,Bình Chánh *cũ*
	5	Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây	140	3.975	Vành Đai 3	P. LongPhước,TP Thủ Đức*cũ*
Quốc lộ	1	QL 22	45-60 (đề xuất giảm lộ giới từ 120m xuống 45m đoạn từ vị trí Đông Bắc KCN Tân Phú Trung đến ranh tỉnh Tây Ninh, do tuyến đường đã được quy hoạch bổ sung Tuyến đường tránh QL 22 và đề xuất giảm lộ giới xuống còn 60m đoạn từ An Sương đến vị trí Đông Bắc KCN Tân Phú Trung kết hợp bố trí đường trên cao để tạo thuận lợi cho giao thông đô thị, giảm chia cắt và tác động đến các khu đô thị lân cận, với quy mô và kinh phí đền bù giải tỏa được giảm đi với khối lượng rất lớn)	31.469	QL 1	Xã Phước Thạnh, Củ Chi *cũ*

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
	2	QL 1	70 - 120	11.103	Hồ Học Lãm	Xã Bình Chánh, Bình Chánh cũ
	3	QL50	40 (đề xuất giảm lộ giới 40m, do tuyến đường đã được chuyển thành đường đô thị và có đường quốc lộ 50B song hành, giảm chia cắt và tác động đến các khu đô thị lân cận, với quy mô và kinh phí đền bù giải tỏa được giảm đi với khốilượng rất lớn)	11.043	Phạm Thế Hiển	Xã Quý Đức, Bình Chánh cũ
	4	QL 13	30-60	8.546	Điện Biên Phủ	Thuận An, BìnhDương cũ
	5	QL50B	40	8.712	NguyễnVănLinh	Cao Tốc BếnLức- Long Thành
	6	QL 1K	60	2.5	QL 1	Ranh giớitỉnhBình Dương *cũ*
Trục chính đô thị	1	Đường tránh QL 22	50	19.778	Xã Tân Phú Trung	Phước Thạnh
	2	Đường tránh QL 22 kéo dài	30	5.389	QL 22	CT Hồ Chí Minh - Tây Ninh
	3	Đường trục Đông Tây mở mới	40	17.610	TL 7	Bình Dương
	4	Nguyễn Văn Bứa - Phan Văn Hớn	23-40	12.306	Cầu Tỉnh lộ 9	Trường Chinh
	5	Đường mở mới	60	9.962	Vành đai 2	Long An *cũ*

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
	6	Hương lộ 65B - Hương lộ 65B nối dài	40	16.848	Nguyễn Văn Bứa	Bùi Công Trừng
	7	Hoàng Văn Thụ - Thoại Ngọc Hầu	30-60	17.467	Sân bay TSN	Kênh An Hạ
	8	Đại lộ Đông Tây	42-60	28.974	Hầm Thủ Thiêm	Kênh An Hạ
	9	Điện Biên Phủ - Võ Thị Sáu - 3 tháng 2	30-120	17.840	Cầu Sài Gòn	Quốc lộ 1
	10	Bạch Đằng - Phạm Văn Đồng	20-96	15.312	Sân bay TSN	Quốc lộ 1K
	11	Quốc lộ 1K	60	2.007	QL 1	P. LinhXuân, TP Thủ Đức
	12	Nguyễn Cơ Thạch - Ngô Tất Tố - Vườn Lài	30-48	17.317	Thủ Thiêm	Thạnh Xuân
	13	Đường Tam Tân - Dọc kênh Xáng	40	25.487	QL 22	TL 7
	14	Trường Chinh - Âu Cơ	30-60	12.901	Ngã tư An Sương	Phạm Thế Hiển
	15	Tô Ký -Quang Trung	40	6.240	QL 1	Ngã 6 Gò Vấp
	16	Nguyễn Oanh	40	4.043	QL 1	Ngã 6 Gò Vấp
	17	Nguyễn Kiệm - Phan Đình Phùng	30-40	4.893	Võ Thị Sáu	Ngã 6 Gò Vấp
	18	Cách mạng tháng 8 - Nguyễn Thái Học - Tôn Đản - Lê Văn Lương	20-40	12.385	Trường Chinh	Nguyễn Văn Linh

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
	19	Nguyễn Tri Phương -Phạm Hùng	30-40	13.046	3 Tháng 2	CT Bến Lức - Long Thành
	20	Nguyễn Lương Bằng	29,5-50,5	12.603	Nguyễn Văn Linh	Đường Rừng Sác
	21	Đường Rừng Sác	40-50	39.033	-	-
	22	Đường trục Đô thị phía Tây Bắc	40-86	34.839	Tân Bửu	Cầu Phú Long
	23	Trịnh Quang Nghị	40-70	11.430	Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Lương Bằng
	24	Đường ven sông Sài Gòn	40	44.514	Thạnh Xuân	Cầu Bến Súc
	25	Nguyễn Văn Linh	120	17.802	QL 1A	Huỳnh Tấn Phát
	26	Nguyễn Hữu Thọ	60	16.427	Nguyễn Văn Linh	
	27	Võ Nguyên Giáp - VĐ 2	113,5-153,5	13.357	Cầu Sài Gòn 1	Đồng Nai
	28	Đồng Văn Cống	60	5.597	Mai Chí Thọ	Đồng Nai
	29	Đường mở mới	60	4.627	Vành đai 3	Đồng Nai
	30	Đường mở mới	40-50	5.694	Vành đai 3	Đường trục đô thị phía Tây Bắc
	31	Lý Thường Kiệt - Quang Trung - Đặng Thúc Vịnh - Bùi Công Trừng	40	12.031	QL 22	Bình Dương *cũ*
	32	Lê Văn Khương	40	6.290	Đặng Thúc Vịnh	HL65B kéo dài
	33	Mai Chí Thọ	100	6.463	Hầm Thủ Thiêm	Võ Nguyên Giáp
	34	Hồ Học Lãm	60	5.196	QL 1A	Nguyễn Văn Linh
	35	Nguyễn Văn Quỳ - Võ Chí Công	44,5-67	13.594	Nguyễn Văn Linh	Vành đai 2

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
	36	Vành đai 2	67-70	8.491	QL 1A	Võ Chí Công
	37	Vành đai 2 (QL 1A)	67 (cục bộ một số đoạn 120-124m)	33.285	Hồ Học Lãm	Vành đai 3
	38	Đường nối Vành Đai 3 - Quốc lộ 1	67 -120	5.712	QL 1A	Vành đai 3 CT
	39	ĐT 743 - ĐT 43	60	5.173	QL 1A	Bình Dương
	40	Đường mở mới	35-50	26.989	Đường Rừng Sác	Đồng Nai
	41	Đường mở mới	30	6.712	Đường Rừng Sác	Đường mở mới
	42	Đường mở mới	30-41	9.133	Đường mở mới	Biển
	43	Đường Duyên Hải	40	10.435	-	-
	44	Đường mở mới	40	2.182	-	-
	45	Đường mở mới	41-120	9.581	-	-
	46	Đường mở mới	30-50	15.057	-	-
Đường chính đô thị	1	Đường An Nhơn Tây	25	12.512	CT Hồ Chí Minh-Mộc Bài	Xã Trung Lập Thượng *cũ*
	2	Nguyễn Thị Rành	30	12.140	Vành đai 4	TL 15
	3	Phạm Văn Cội - Cây Bài	25-40	27.323	Đường Tam Tân	Võ Thị Bảng
	4	Huỳnh Minh Mương - Du Thị Hồi	25	14.540	Đường Cây Bài	Đường 210 - Xã Hòa Phú
	5	Trần Đại Nghĩa	36-55	13.954	QL 1A	Long An
	6	Nguyễn Văn Bứa	40	3.684	QL 22	Phan Văn Hớn
	7	Đường mở mới	40	7.759	Hồ Học Lãm	Đoàn Nguyễn Tuấn
	8	Đoàn Nguyễn Tuấn	40	9.118	QL 1A	Long An

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
	9	Hà Huy Giáp	40	3.703	QL 1A	Cầu Phú Long
	10	Ung Văn Khiêm - Nguyễn Xí - Đặng Thuỳ Trâm - đường ven sông	30-40	12.333	Ngã tư Hàng Xanh	Thạnh Xuân
	11	Đường ven sông Vàm Thuật	40	12.194	Trường Chinh	Đặng Thuỳ Trâm
	12	An Dương Vương - Phan Anh - Bình Long - Hương lộ 3	30	11.926	Phú Định	QL 1
	13	Minh Phụng - Bình Tiên - Cây Sung	30	6.789	Hồng Bàng	Trịnh Quang Nghị
	14	Hoàng Quốc Việt	30-40	12.313	Đào Trí	Trịnh Quang Nghị
	15	Huỳnh Tấn Phát	30	10.730	CầuTân Thuận1	Phà Bình Khánh
	16	Nguyễn Bình - Đường Vành đai trong	30-60	22.000	Hương Lộ 2	Huỳnh Tấn Phát
	17	Đào Trí - Chuyên Dùng Chính - Phạm Hữu Lầu	30-40	5.259	Cầu Phú Mỹ	Nguyễn Lương Bằng
	18	Tôn Đức Thắng - Nguyễn Tất Thành - Huỳnh Tấn Phát	30-40	4.935	Cầu Ba Son	Huỳnh Tấn Phát
	19	Đinh Tiên Hoàng - Tôn Đức Thắng - Đường R12	30-40	4.131	Phan Đăng Lưu	Tố Hữu
	20	Cộng Hoà - Hoàng Văn Thụ	30-40	5.392	Trường Chinh	Nguyễn Kiệm
	21	Phan Đăng Lưu - Bạch Đằng	30-40	3.684	Nguyễn Kiệm	Bạch Đằng
	22	Xô Viết Nghệ Tĩnh - Bình Quới	30-34	4.731	QL 13	Cầu Bình Quới
	23	Nguyễn Thị Tú - Lê Trọng Tấn	30-40	6.457	Tân Kỳ Tân Quý	Đường mở mới
	24	Tân Kỳ Tân Quý	30	4.928	QL 1A	Cộng Hòa

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
	25	Đường mở mới tại Hóc Môn	40	9.565	Trường Chinh	VĐ 3
	26	TL 6	30	2.930	Trung Lập	TL 15
	27	Trung Lập	30	10.181	TL 6	TL 7
	28	Hương lộ 6	25-30	9.949	TL 15	Đường mở mới
	29	Đường mở mới	25-40	6.125	Hương lộ 6	Đường mở mới
	30	TL 15	35	27.228	TL 6	Bến Than
	31	Bến Súc	25	3.214	TL 15	Đường mở mới
	32	Đường mở mới	25	9.505	TL 15	Đường 667
	33	Đường mở mới	30-40	23.550	Tam Tân	Bình Dương
	34	Đường mở mới	40	5.318	Tam Tân	Đường mở mới
	35	Đường mở mới	30	7.438	Đường mở mới	CT Hồ Chí Minh -Mộc Bài
	36	Đường mở mới	30	2.274	Đường mở mới	Nguyễn Thị Rành
	37	TL 2	40	20.357	QL 22	Tây Ninh
	38	Đường mở mới	35-40	16.261	TL 7	Đường mở mới
	39	ĐT 8 - Nguyễn Văn Kha	30-40	15.919	Vành đai 4	TL 15
	40	TL 8	40	19.197	QL 22	Bình Dương
	41	Đường mở mới	30-70	8.525	Tam Tân	CT Hồ Chí Minh - Mộc Bài
	42	Trung An	30	7.147	TL 8	Bình Dương
	43	Nguyễn Thị Hai kéo dài	25-40	12.160	TL 2	Bình Dương
	44	Đường mở mới	40	8.390	TL 8	Đường Tam

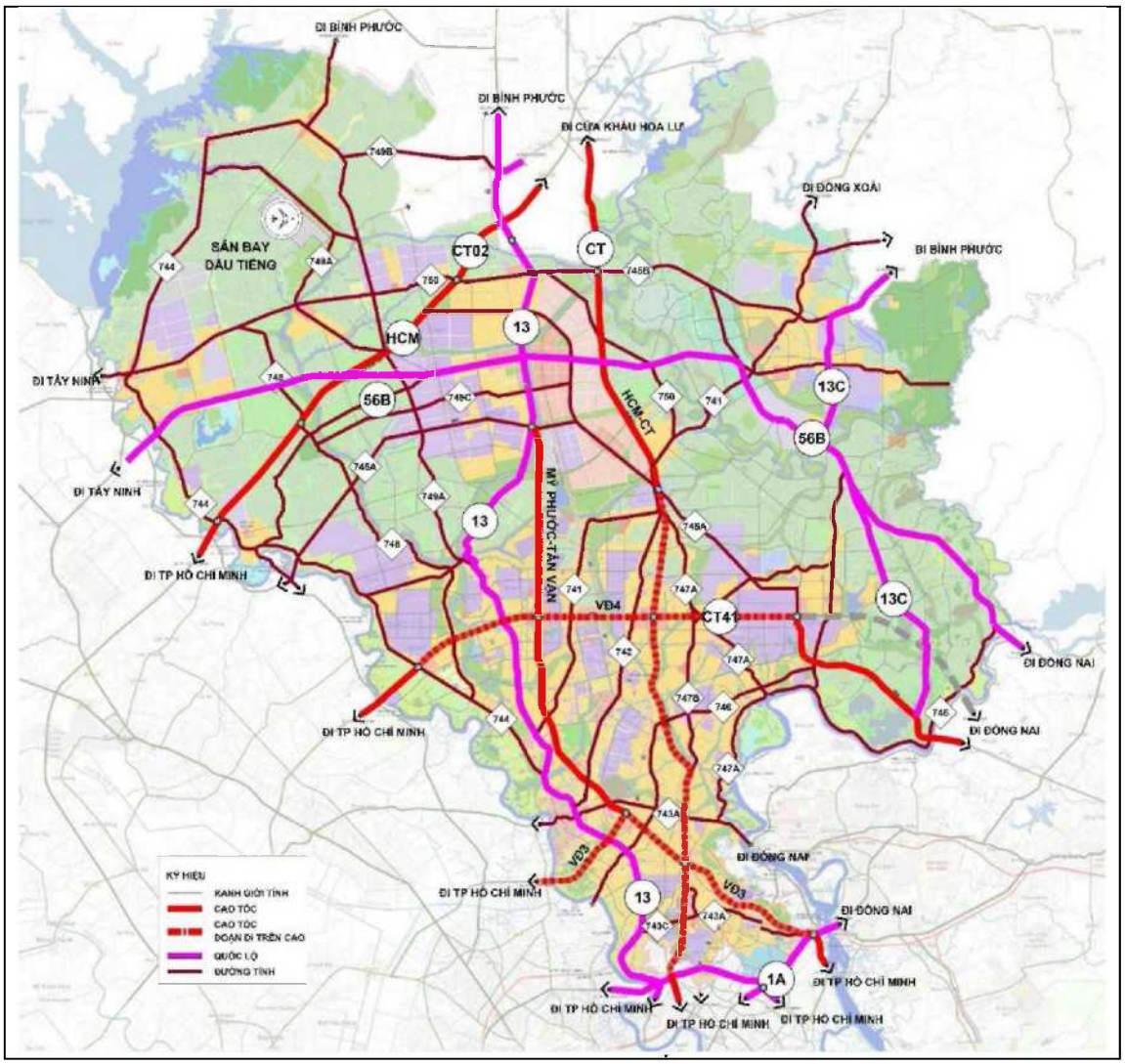
Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
						Tân kéo dài
	45	Đường mở mới	30	4.543	Đường tránh QL 22	CT Hồ Chí Minh - Mộc Bài
	46	Đường Tam Tân kéo dài	40	4.170	QL 22	TL 15
	47	Bếp Than - TL 15	40	6.975	TL 8	Đường Tam Tân kéo dài
	48	Võ Văn Bích	20-23	6.292	TL 9	Bình Mỹ
	49	Đường mở mới	30	4.913	Võ Văn Bích	Đặng Thúc Vịnh
	50	ĐT 9	40	6.544	TL 8	Đường mở mới tại Ấp 3
	51	Đường D4 KCN kéo dài	40	850	Đường D4	Long An
	52	Đường mở mới	40	8.717	QL 22	Đường D4 KCN kéo dài
	53	Đường mở mới	30-40	6.398	Đường ven sông Sài Gòn	QL 1A
	54	Đường Trung Mỹ Tây kéo dài	40	9.722	QL 22	Bình Dương
	55	Đường mở mới	20-30	3.988	Nguyễn Văn Bứa	Phạm Văn Sáng
	56	Đường mở mới	30	4.551	Vành đai 3	Phạm Văn Sáng
	57	Trần Văn Giàu	40	10.352	QL 1A	Long An
	58	Nguyễn Thị Diệp	23-40	1.981	ĐT 43	Bình Dương
	59	Nguyễn Thị Nhung - Đường số 23 - Đường 410 - Đại lộ 3 - Trịnh Công Sơn - Võ Chí Công	20-50	16.160	Ngô Tất Tố kéo dài	Nguyễn Văn Tăng
	60	Đường số 4 - Đường số 5	20-30	4.753	QL 13	Tô Ngọc Vân

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
	61	Tô Ngọc Vân - Võ Văn Ngân - Lê Văn Việt	30	10.131	Cầu vượt Gò Dưa	Nguyễn Văn Tăng
	62	Tô Vĩnh Diện - Đường số 2	30-34	3.497	Võ Văn Ngân	Bình Dương
	63	Đường mở mới	25-40	6.557	Võ Nguyên Giáp	Võ Văn Ngân
	64	Đường vận hành - Đường D1	30-50	10.385	Lê Văn Chí	Đường số 1
	65	Đinh Phong Phú	30	4.112	Lê Văn Việt	Đỗ Xuân Hợp
	66	Lã Xuân Oai	30-40	7.348	Lê Văn Việt	CT Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây
	67	Bưng Ông Thoàn	30-52	4.934	Dương Đình Hội	CT Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây
	68	Đường số 11 - Đường số 13	30	3.858	QL 1A	Vành đai 3
	69	Hoàng Hữu Nam - Nguyễn Văn Tăng -Nguyễn Xiển	30	8.930	Đường số 13	Vành đai 3
	70	Phước Thiện	30	1.810	Nguyễn Xiển	Phước Thiện kéo dài
	71	Phước Thiện kéo dài - Long Phước - Đường mở mới	30-40	10.196	Vành đai 3	CT Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây
	72	Đỗ Xuân Hợp kéo dài	30-40	6.550	VõNguyên Giáp	Võ Chí Công
	73	Đường Liên Phường - Long Thuận	30-80	13.157	Võ Nguyên Giáp	Đồng Nai
	74	Nguyễn Hữu Cảnh	40-50	2.684	Điện Biên Phủ	Đinh Tiên Hoàng
	75	Trần Trọng Kim	35	2.986	Cầu Sài	Cầu Ba Son

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
					Gòn	
	76	Trần Não	60	1.604	QL 52	Lương Định Của
	77	Nguyễn Hoàng	29,5-37,5	1.793	QL 52	Mai Chí Thọ
	78	Trần Bạch Đằng	30-55	5.876	Đường ChâuThổ trên cao	Mai Chí Thọ
	79	Cầu Thủ Thiêm	36	1.251	Nguyễn Tất Thành	Tố Hữu
	80	Nguyễn Duy Trinh	30	10.420	CT Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây	Long Thuận
	81	Tam Đa	30-44	3.587	Nguyễn Duy Trinh	CT Hồ Chí Minh- Long Thành - Dầu Giây
	82	Đường mở mới	30-40	6.689	Lã Xuân Oai	Đường số 5
	83	Phan Văn Đáng kéo dài	30-60	3.045	Trương Văn Bang	Đỗ Xuân Hợp kéo dài
	84	Trương Văn Bang - Đường 75.CL	40-60	11.034	Mai Chí Thọ	CT Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây
	85	Trương Gia Mô kéo dài	40	3.551	Đồng Văn Cống	Đường mở mới
	86	Đường số 1 - Đường số 8	30	2.769	Huỳnh Tấn Phát	Nguyễn Văn Quỳ
	87	Hồng Bàng - Ngô Gia Tự - Điện Biên Phủ	20-40	7.690	Bình Tiên	Đinh Tiên Hoàng
	88	Bến Vân Đồn	25	2.695	Nguyễn VănCừ	Nguyễn Tất Thành
	89	Nguyễn Hữu Thọ - Lê Văn Lương	25-60	11.225	Tôn ThấtThuyết	Long An

Cấp đường	Stt	Tên tuyến	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
	90	Nguyễn Thị Thập	35-40	3.396	Phạm Hùng	Huỳnh Tấn Phát
	91	Tạ Quang Bửu	30	2.176	Chánh Hưng	Đường số 21
	92	An Phú Tây - Hưng Long - Đường mở mới	30	12.642	QL 1A	Nguyễn Văn Linh
	93	Nguyễn Hữu Thọ - Đường số 1	60	9.837	Nguyễn Bình	CT đi Long An
	94	Đường mở mới	23	2.725	Đường mở mới	Đường Rừng Sác
	95	Đường mở mới	45	1.697	Đường Rừng sác	CT bến Lức - Hồ Chí Minh– LongThành
	96	Đường mở mới	30-45	43.591	Song hành CT Bến Lức -Hồ Chí Minh-Long Thành	Đường Rừng Sác
	97	Đường Bà Xán - Đường mở mới	30	14.278	Đường Rừng Sác	Đường mở mới
	98	Đường mở mới	30-40	4.659	Đường mở mới	Đường Rừng Sác
	99	Lương Văn Nho	30-40	9.846	-	-
	100	Đường ven biển	50	8.851	-	-
	101	Đường mở mới	16-41	2.224	-	-

KHU VỰC TỈNH BÌNH DƯƠNG (CŨ)



Hình 2-2: Mạng lưới giao thông chính khu vực tỉnh Bình Dương (cũ)

1. Các tuyến đường vànhđai

- Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02): Đoạn qua địa bàn tỉnh BìnhDương đi trùng với đường Hồ Chí Minh;

- Đường Vành đai 3 - Thành phốHồ Chí Minh (CT.40) đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Đường Vành đai 4 -Thành phố Hồ Chí Minh(CT.41) đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương;

- QL.1- Tuyến Quốc lộ 1;

- QL.56B - Tuyến Quốc lộ 56B.

2. Các tuyến đường hướng tâm

- Cao tốc Thành phốHồ Chí Minh- Chơn Thành - Hoa Lư (CT.30): Đoạn Thành phốHồ Chí Minh- Chơn Thành (Bình Phước);

- QL.13 - Tuyến Quốc lộ 13;

- QL.13B - Tuyến Quốc lộ 13B;

- QL.13C - Tuyến Quốc lộ 13C.

3. Các tuyến đường trên cao

- Một phần đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh- Chơn Thành - Hoa Lư (CT.30);

- Một phần đường Vành đai 3 -Thành phố Hồ Chí Minh (CT.40);

- Một phần đường Vành đai 4 -Thành phố Hồ Chí Minh (CT.41);

- QL.13 - Tuyến Quốc lộ 13;

- QL.1K -Tuyến Quốc lộ 1K;

- ĐT.743B - Tuyến đường tỉnh 743B.

4. Cầu lớn, hầm vượt sông

- Hành lang công nghiệp Bình Dương - Tây Ninh (ĐT.749F) kết nối bằng đường QL56B (kể cả cầu), quy mô 10 làn xe, định hướng nâng cấp thành đường cao tốc vành đai theo Quốc lộ 56B.

- Cầu kết nối đường ĐT.789 (Tây Ninh) với đường ĐT.744 và đường ĐT.749E (Bình Dương), quy mô 6 làn xe.

- Cầu Thanh An (huyện Dầu Tiếng) kết nối với huyện Trảng Bàng (đường CT.02/đường Hồ Chí Minh), quy mô 6 làn xe.

- Cầu kết nối huyện Dầu Tiếng với huyện Tân Châu thông qua đường ĐT.749B,quy mô 6 làn xe.

- Cầu Hiếu Liêm 2 (QL.56B): huyện Bắc Tân Uyên huyện Vĩnh Cửu, quy mô 6 làn xe.

- Cầu kết nối Tân Hiền (huyện Vĩnh Cửu) với Thường Tân (ĐT.746E) huyện Bắc Tân Uyên, quy mô 6 làn xe.

- Cầu kết nối Tân An (huyện Vĩnh Cửu) với Lạc An (ĐT.746G) huyện Bắc Tân Uyên, quy mô 06 làn xe.

- Cầu Thanh Hội 2 (ĐT.747) kết nối TP. Tân Uyên với huyện Vĩnh Cửu, quy mô 06 làn xe.

- Đường và cầu kết nối Vành đai 3 -Thành phố Hồ Chí Minh với Sân bay Biên Hòa (đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phạm Văn Diêu và cầu kết nối đường Phạm Văn Diêu đến Sân Bay Biên Hòa), quy mô 08 làn xe.

- Cầu Thủ Biên trên đường Vành đai 4 - Thành phố Hồ Chí Minh kết nối huyện Bắc Tân Uyên với huyện Vĩnh Cữu, quy mô 08 làn xe.

- Cầu Bạch Đằng 2 (ĐT.742C) kết nối TP. Tân Uyên với huyện Vĩnh Cữu, quy mô 6 làn xe.

- Cầu Tân An (ĐT.741): TP. Thủ Dầu Một với huyện Củ Chi, quy mô 6 làn xe.

- Cầu Tương Bình Hiệp: Tp. Thủ Dầu Một với huyện Củ Chi.

- Cầu Tàu (ĐT.746): TP. Thuận An với huyện Hóc Môn, quy mô 6 làn xe.

- Cầu kết nối đường Bùi Công Trừng: Tp. Thuận An với huyện Hóc Môn.

- Cầu kết nối đường 3/2 TP. Thuận An với đường Hà Huy Giáp Quận 12 (khôi phục cầu Phú Long cũ).

- Cầu và đường kết nối TP. Thuận An với Quận 12 qua đường Vĩnh Phú 10 (đường LKV11) kết nối thành phố Thủ Đức, quy mô 6 làn xe.

- Cầu An Tây: kết nối TP. Bến Cát với huyện Củ Chi (tỉnh lộ 7).

- Cầu Phú Thuận: TP. Bến Cát với huyện Củ Chi (cao tốc CT.41), quy mô 8 làn xe.

- Cầu Bình Gởi (VĐ3): TP. Thuận An với huyện Hóc Môn, quy mô 8 làn xe.

5. Các tuyến giao thông đường sắt quốc gia

- Tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh;

- Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ;

- Tuyến Trảng Bom - Hòa Hưng (thuộc tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phốHồ Chí Minh);

- An Bình - Thủ Thiêm - Tân Kiên;

- Tuyến đường sắt Bàu Bàng - Mộc Bài.

6. Các tuyến giao thông đường sắt đô thị

- Tuyến số 1: TP mới Bình Dương - Suối Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tuyến số 1B: Tân Đông Hiệp - An Bình - Gò Dưa;
- Tuyến số 2: Thủ Dầu Một - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tuyến số 2B: Thủ Đầu Một - TP. Bến Cát;
- Tuyến số 2C: Tp Thủ Dầu Một - Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tuyến số 3: Bắc Tân Uyên - Thành phố Hồ Chí Minh (Đoạn 1: Tân Uyên - Thành phố Hồ Chí Minh, Đoạn 2: Tân Uyên - Bắc Tân Uyên);
- Tuyến số 3B: Thủ Dầu Một - Biên Hòa;
- Tuyến 4: Tân Uyên - TP mới - TP. Bến Cát;
- Tuyến 5: Cầu Thủ Biên, Bắc Tân Uyên - TP mới - cầu Phú Thuận, TP. Bến Cát;
- Tuyến 6: TP mới Bình Dương - Bến Cát - Bàu Bàng;
- Tuyến 7: Bến Cát - Dầu Tiếng;
- Tuyến 8: Bắc Tân Uyên - Phú Giáo;

Stt	Tên tuyến	Quy mô	Chiềudài(km)	Điểm đầu	Điểm cuối
I	**Trung ương**				
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02): Đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương đi trùng với đường Hồ Chí Minh	Cao tốc, 6làn xe	32	Giáp ranh tỉnh Bình Phước	Giáp ranh tỉnhTâyNinh
2	Thành phốHồ Chí Minh - ChơnThành - Hoa Lư(CT.30): Đoạn Thành phốHồ Chí Minh - Chơn Thành (Bình Phước)	Cao tốc, 6làn xe	60	Vành đai 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Chơn Thành, Bình Phước
3	Đường Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh (CT.40) đoạnqua địa bàn tỉnh Bình Dương	Cao tốc, 8làn xe	26,6	Nút giao Tân Vạn	Cầu Bình Gởi

Stt	Tên tuyến	Quy mô	Chiềudài(km)	Điểm đầu	Điểm cuối
4	Đường Vành đai 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (CT.41) đoạnqua địa bàn tỉnh Bình Dương	Cao tốc, 8làn xe	49	Cầu Thủ Biên	Cầu Phú Thuận
5	QL.1	I, 10 làn xe	7,3	Cầu Đồng Nai	Chân cầu vượt Sóng Thần
6	QL.56B	III, 4 làn xe	82	Xã HiếuLiêm,Bắc TânUyên	Xã Thanh An, DầuTiếng
7	QL.13B	III, 6 làn xe	41	Bầu Trư, ranh BìnhDương,Bình Phước	Giao vành Đai 4,Thành phố Hồ Chí Minh
8	QL.13C	III, 6 làn xe	34,5	Xã An Bình	Giao vành Đai 4,Thành phốHồ Chí Minh
II	**Địa phương**				
1	QL.13	II, 6-8 làn xe và đường trên cao	64,1	Cầu Vĩnh Bình	Ranh Bình Dương - Bình Phước
2	QL.1K	II, 6 làn xevà đườngtrên cao	5,68	Cầu Hóa An	Giáp Thủ Đức,Thành phố Hồ Chí Minh
3	ĐT.741	II, 6 làn xe	15	Ranh phườngTân An, TP.Thủ Dầu Một, với xãTrungAn, huyện CủChi	Giao vành đai 4,Thành phố Hồ Chí Minh tại phường Hòa Lợi
4	ĐT.741B	III, 6 làn xe	12,18	Ngã 3 Bố Lá	Giáp ĐT.741C
5	ĐT.741C	III, 6 làn xe	17,09	Km0+000 (giaoQL13)	Km 17+090, giápranh tỉnh Bình Phước
6	ĐT.742	II, 6 làn xe	23,87	Ngã ba Sao Quỳ	Giao với ĐT.747 tại Thị trấn Tân Bình,huyện

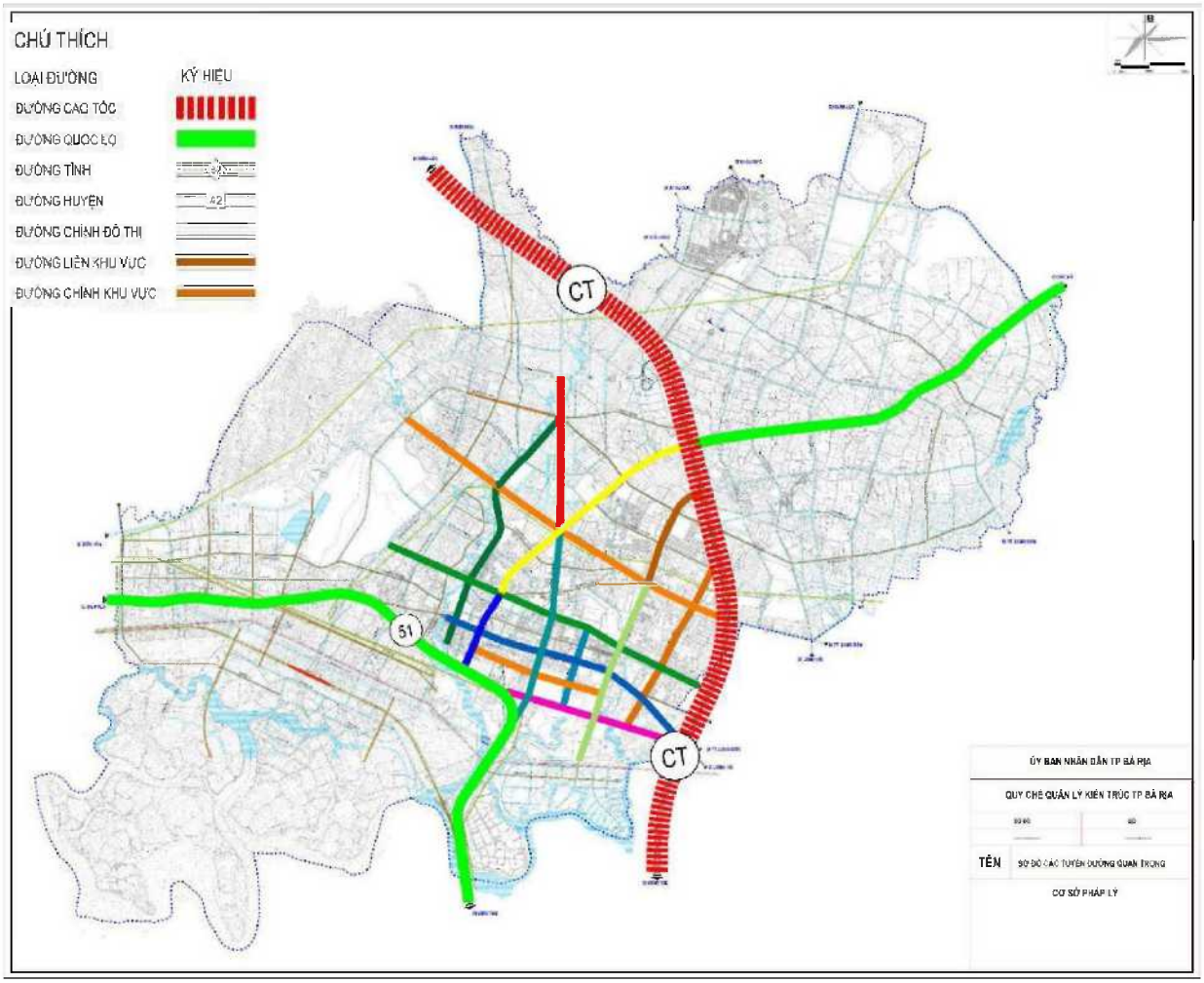
Stt	Tên tuyến	Quy mô	Chiềudài(km)	Điểm đầu	Điểm cuối
					Bắc Tân Uyên
7	ĐT.741D		10	Giao QL.56B	Giao đường Mỹ Phước - Tân Vạn
8	ĐT.742B	II, 6 làn xe	40	Km0+000 giao ĐT746F, xã Tân Định, huyện BắcTân Uyên	Giao ĐT.744, xã An Tây, TP. Bến Cát
9	ĐT742C (VĐ3,5)	II, 6 làn xe	28	Cầu Bạch Đằng 2	Giao ĐT.744, xã PhúAn, TP. Bến Cát
10	ĐT.743 (ĐT.743A)	II, 6-8 làn xe	13,5	Ngã tư Chợ Đình,giao QL.13, TP. Thủ Dầu Một	Cầu Ông Tiếp,P.Thái Hòa, TP. Tân Uyên
11	ĐT.743B	II, 6-8 làn xe và đường trên cao	7	Giao đường Mỹ Phước - Tân Vạn (VD3), P. An Phú, TP. Thuận An	Ranh TP. Dĩ An và TP. Thủ Đức, Thành phốHồ Chí Minh
12	ĐT.744	II, tối thiểu 4 làn xe	67,46	Ngã 3 Suối Giữa, giao QL.13	Ngã 3 Minh Hòa
13	ĐT.744B	II, tối thiểu 4 làn xe	47	Giao ĐT.744, xã Thanh Tuyền	Ranh xã Minh Hòa - tỉnh Bình Dương với xã Đồng Nơ - tỉnh Bình Phước
14	ĐT.745 (VĐ5)	II, 6 làn xe	58	Giao Vành đai 4 Thành phốHồ Chí Minh	Ranh huyện Dầu Tiếng, Bình Dương với huyện Củ Chi, Thành phốHồ Chí Minh
15	ĐT.745B (VĐ4,5)	II, tối thiểu 4 làn xe	53	Giao QL56B, xã Tân Định	Giao ĐT.744 (xã Thanh Tuyền
16	ĐT.746	II, 6 làn xe	50	Giao QL.56B,gần cầu	Phường Bình Nhâm, TP.

Stt	Tên tuyến	Quy mô	Chiềudài(km)	Điểm đầu	Điểm cuối
				Hiếu Liêm, xã Hiếu Liêm, Bắc TânUyên	Thuận An (cầu Tàu)
17	ĐT.746B	III,ĐĐT,tối thiểu4làn xe	15,5	Giao QL.13C, xãTân Định, huyện Bắc Tân Uyên	Giao ĐT.746, xã Tân Mỹ, huyện Bắc TânUyên
18	ĐT.746C	III, tối thiểu4 làn xe	12	Giao QL.56B, xãHiếu Liêm, BắcTân Uyên	Giao ĐT.746E, xã Tân Mỹ, BắcTânUyên
19	ĐT.746D	III,ĐĐT,tối thiểu4làn xe	2,5	Giao ĐT.747, p.Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên	Giao ĐT.746B, xã Tân Mỹ, Bắc TânUyên
20	ĐT.746E	III, tối thiểu4 làn xe	14,5	Giao ĐT.746, xã An Lạc, Bắc TânUyên	Cầu Tân Hiền – Thường Tân, xã Tân Mỹ, Bắc Tân Uyên
21	ĐT.746F	II, tối thiểu 4 làn xe	18	Giao QL.56B, xã Hiếu Liêm, Bắc Tân Uyên	Giao ĐT.747C, p. Hội Nghĩa, TP. Tân Uyên
22	ĐT.746G	III, tối thiểu 4 làn xe	6,5	Giao QL.13C, xã Lạc An	Cầu Tân An - Lạc An,
23	ĐT.747	II, 6 làn xe	31	Giao ĐT.743, ngã ba Tân Ba	Giao QL.13B, ngã ba Cổng Xanh
24	ĐT.747B	II, 6-8 làn xe	16,83	Giao ĐT.743, ngã ba Tân Ba	Giao ĐT.747 phường Uyên Hưng, TP. Tân Uyên
25	ĐT.747C	II, 6 làn xe	8,5	Giao ĐT.746F, p. Hội Nghĩa, TP. Tân Uyên	Giao ĐT.747B, p. Khánh Bình, TP. Tân Uyên
26	ĐT.748	III, 6 làn xe	60	Ngã tư Phú Thứ, giao ĐT.744	Ranh xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng và xã Minh Hưng,huyện Chơn Thành

Stt	Tên tuyến	Quy mô	Chiềudài(km)	Điểm đầu	Điểm cuối
27	ĐT.748B	III,ĐĐT, tối thiểu4 làn xe	19,5	Giao ĐT.745B, xã Lai Hưng	Giáp ranh tỉnh Bình Phước tại xã CâyTrường II
28	ĐT.748C	II, 8 làn xe	19	Giao vớiĐT.742B, xã Lai Hưng, H.BàuBàng	Giáp ranh tỉnh Bình Phước tại xã Trừ Văn Thố, H.BàuBàng
29	ĐT.749 (ĐT.749A)	III, tối thiểu4 làn xe	38,7	Cầu Quan	Ngã ba Minh Thạnh,huyện Dầu Tiếng
30	ĐT.749B	III, 6 làn xe	22,2	Cầu Bà Và	Hồ Dầu Tiếng, 1 nhánh kết nối sang xã Phước Ninh,huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
31	ĐT.749C	II-III, tối thiểu 4 làn xe	16,5	Giao QL.13, H. Bàu Bàng	Giao ĐT.748, huyện Dầu Tiếng
32	ĐT.749D	II, 6 làn xe	18,7	Giao với ĐT.749, ngã ba Long Tân	Giao ĐT.744 ngã tư Chú Thai
33	ĐT.749E	II, 6 làn xe	9	Giao ĐT.749D, xã Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	Cầu kết nối Tây Ninh, xã Thanh An, Dầu Tiếng
34	ĐT.749F	III, 10 làn xe	21	Giao QL.56B, xã Long Tân	TT Dầu Tiếng, cầu kết nối Bình Dương - Tây Ninh
35	ĐT.749G	III, tối thiểu 4 làn xe	10	Giao ĐT.749, xã Minh Thạnh, Dầu Tiếng	Giao ĐT.749, xãLong Tân, Dầu Tiếng
36	ĐT.750 (VĐ6)	III, tối thiểu4 làn xe	57,5	Giao QL.13C, xãAn Bình, Phú Giáo	Cầu Tàu, TT Dầu Tiếng

Stt	Tên tuyến	Quy mô	Chiềudài(km)	Điểm đầu	Điểm cuối
37	ĐT.750B	III, tối thiểu4 làn xe	16	Giao ĐT.750 xãTân Hiệp	Giao QL.13C, tại xãTam Lập
38	ĐT.750C	III, 4-6 lànxe	8	giao ĐT.750, xãTân Hiệp	giao QL.56B, xã TânLong
39	ĐT.750D	III, tối thiểu4 làn xe	13,7	Giao ĐT.750(ranh xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng và xã Tân Long, huyện PhúGiáo	Giao ĐT.742B, ranh xã Phước Hòa, xã Tân Long, huyện Phú Giáo
40	ĐT.750E	III, tối thiểu4 làn xe	7,5	Ranh xã An Thái,H. Phú Giáo với Huyện Đồng Phútỉnh Bình Phước	Ranh phường Minh Thành, TX. Chơn Thành, tỉnh BìnhPhước
41	ĐT.750F	III, tối thiểu4 làn xe	6,5	GiaoĐH.507,ranh H. Đồng Phú, tỉnh BìnhPhước	Ranh phường Minh Thành, TXChơnThành, tỉnhBìnhPhước
42	Bàu Bàng - Mỹ Phước – Tân Vạn	II, 6-10 lànxe	54,3	Huyện Bàu Bàng	Ngã 03 Tân Vạn
43	Đường Độc Lập	8-10 làn xe	2	ĐT743B	Nút giao sóng thần
44	Đường ven sông Sài Gòn	ĐĐT, 6-8làn xe	54,7	TP Thuận An	H.Dầu Tiếng
45	Đường An Bình	ĐĐT, 6 lànxe	1,02	Nút giao Sóng Thần, kết nối ga đầu mối đường sắt An Bình	Giáp đườngĐàoTrinh Nhất để kết nối vào đườngPhạmVăn Đồng, Thành phốHồ Chí Minh
46	Đường ven sông ThịTính	tối thiểu 4làn xe	76	Khu vực huyện Dầu Tiếng	Khu vực phường TânAn, TP. Thủ Dầu Một

II. KHU VỰC THÀNH PHỐ BÀ RỊA (CŨ)



Hình 2-3: Các trục đường chính khu vực thành phố Bà Rịa (cũ)

Phụ lục III

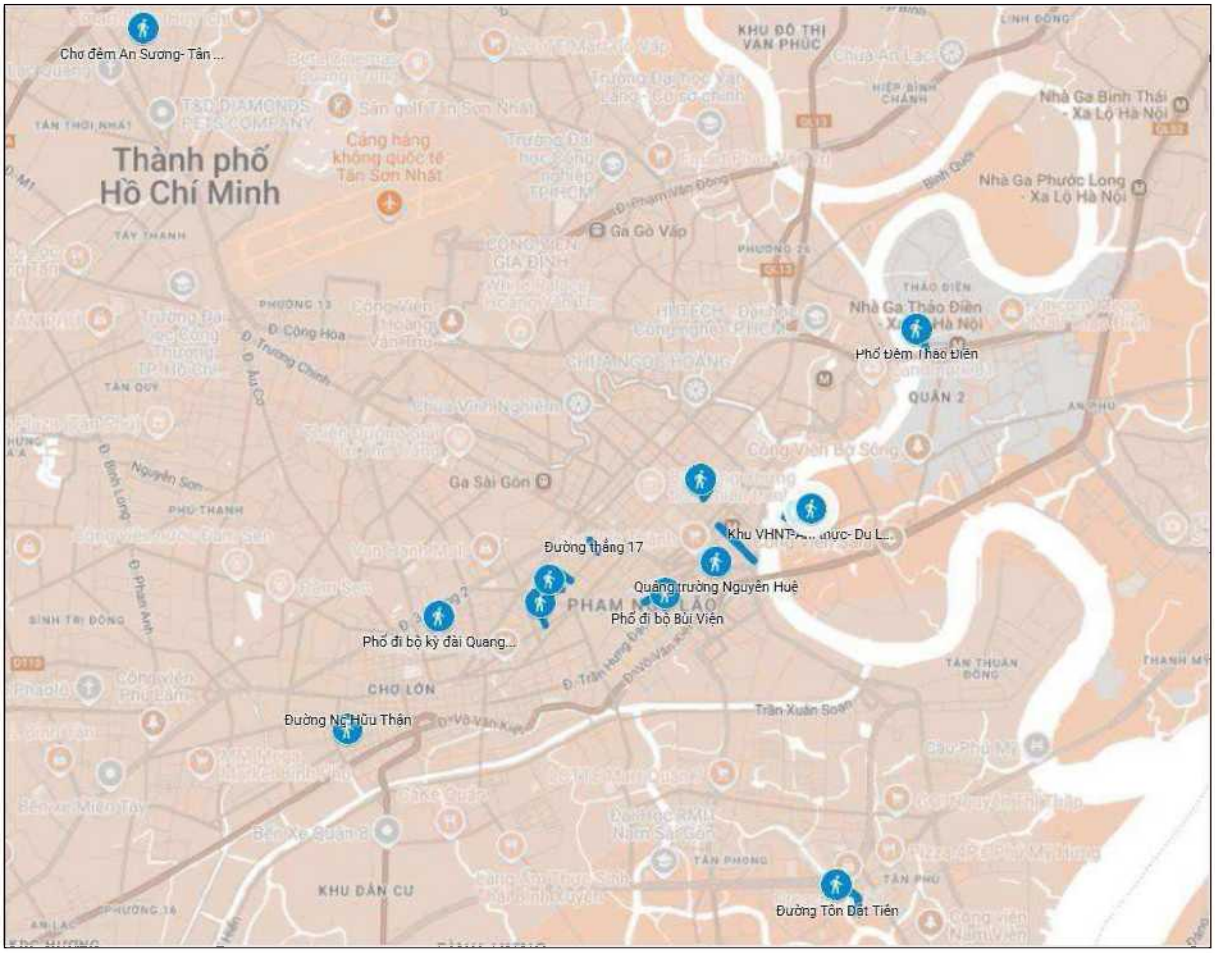
CÁC TUYẾN PHỐ ĐI BỘ

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*Ghi chú: *Vị trí và ranh giới cụ thể các khu vực được xác định tại các pháp lý hiện hành. Việc bổ sung các khu vực theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này khi ranh thiết kế cơ sở các khu vực tuyến phố đi bộ,tuyến thương mại dịch vụ được xác định và phê duyệt.*

I. KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (CŨ)

Các tuyến phố đi bộ hiện có trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) gồm 11 tuyến:



Hình 3-1: Các tuyến phố đi bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)

1. Phố đi bộ NguyễnHuệ *(đường Nguyễn Huệ, Quận 1 cũ)*;

2. Phố đi bộ Bùi Viện (*đường Bùi Viện, Quận 1 cũ);*

3. Đường sách Nguyễn Văn Bình *(đường sách Nguyễn Văn Bình, Quận 1 cũ);*

4. Phố ẩm thực Quận 3 *(đường Nguyễn Thượng Hiền, đường Bàn Cờ, Quận 3 cũ);*

5. Phố đi bộ đêm Kỳ Đài Quang Trung *(đường Nguyễn Lâm, Quận 10 cũ);*

6. Chợ hoa Hồ Thị Kỷ *(đường Hồ Thị Kỷ, Quận 10 cũ);*

7. Phố đi bộ Tôn Dật Tiên *(đường Tôn Dật Tiên, Phú Mỹ Hưng, Quận 7 cũ);*

8. Phố ẩm thực ThảoĐiền *(đường Xuân Thủy, thành phố Thủ Đức cũ);*

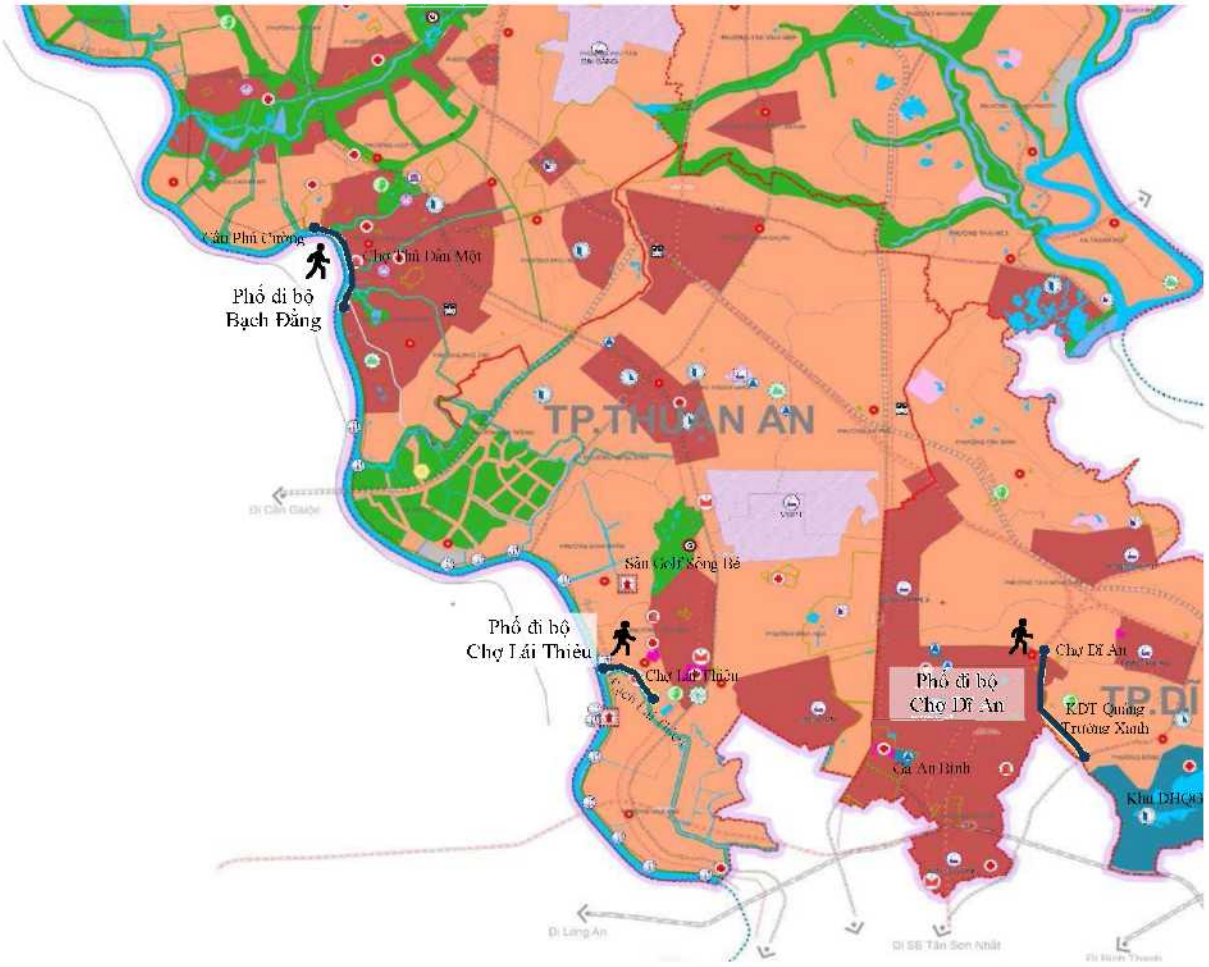
9. Khu văn hóa nghệ thuật ẩm thực du lịch bờ sông Sài Gòn, ThủThiêm *(đường Nguyễn Thiện Thành, thành phố Thủ Đức cũ);*

10. Phố đêm ChợLớn *(đường Nguyễn Hữu Thận, Tháp Mười, Lê Tấn Kế và Trần Bình, Quận 6 cũ);*

11. Chợ đêm AnSương*(phường Tân Hưng Thuận, Quận 12 cũ).*

II. KHU VỰC TỈNH BÌNH DƯƠNG (CŨ)

Các tuyến phố đi bộ hiện có trên địa bàn tỉnh Bình Dương (cũ) gồm 3 tuyến:



Hình 3-2: Các tuyến phố đi bộ trên địa bàn tỉnh Bình Dương (cũ)

1. Phố đi bộ Bạch Đằng *(dọc sông SàiGòn, phường Phú Cường, Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một cũ);*

2. Phố đi bộ chợ DĩAn *(phường Dĩ An, Đông Hòa, thành phố Dĩ Ancũ);*

3. Phố đi bộ chợ LáiThiêu*(phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An cũ).*

III. KHU VỰC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU (CŨ)

Các tuyến phố đi bộ hiện có trên địa bàn tỉnh Bà Rịa (cũ) gồm 3 tuyến:

1. Phố đi bộ Nguyễn Thanh Đằng;

2. Phố đi bộ Phạm Văn Đồng;

3. Phố đi bộ Điện Biên Phủ

Phụ lục IV

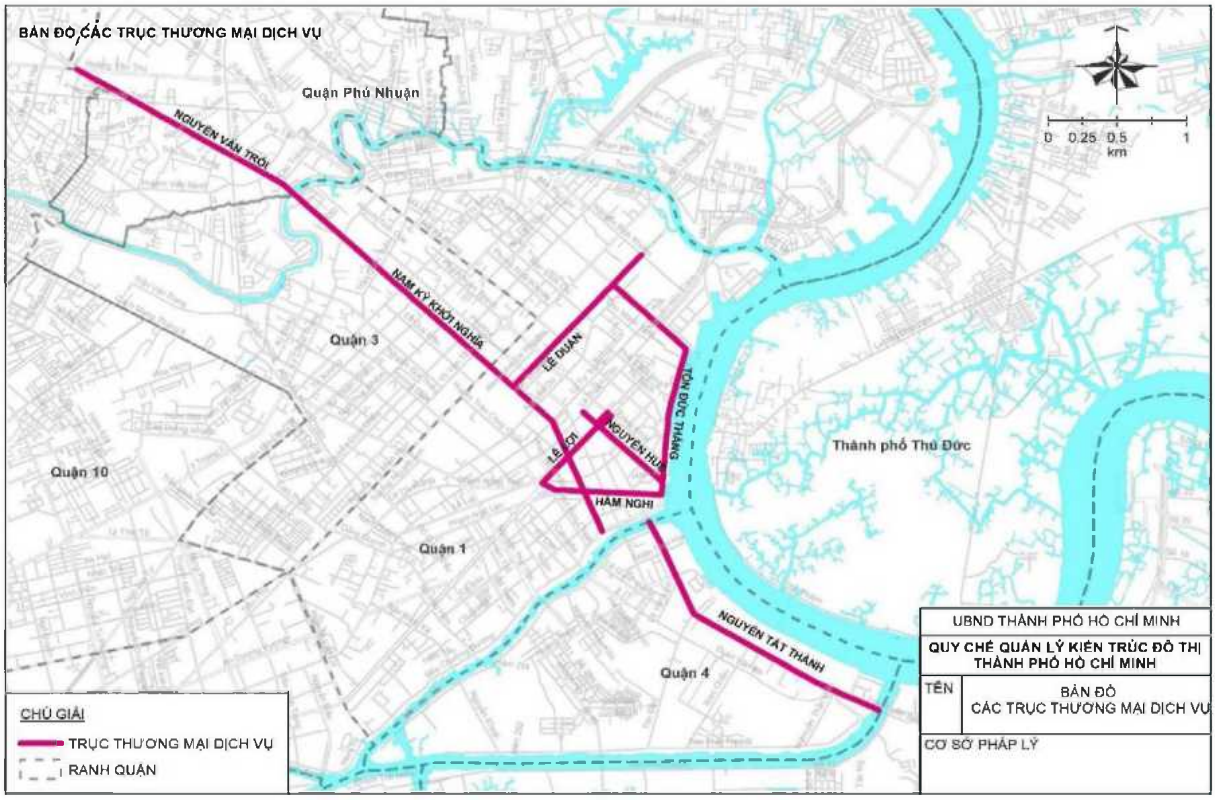
CÁC TRỤC ĐƯỜNG CÓ TÍNH CHẤT QUAN TRỌNG VỀ HÀNH CHÍNH - CHÍNH TRỊ, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*Ghi chú: *vị trí và ranh giới cụ thể các trục hành chính - chính trị, thương mại, dịch vụ quan trọng được xác định tại các pháp lý quy hoạch hiện hành. Việc bổ sung các trục thương mại, du lịch theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chếnày.*

I. KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (CŨ)

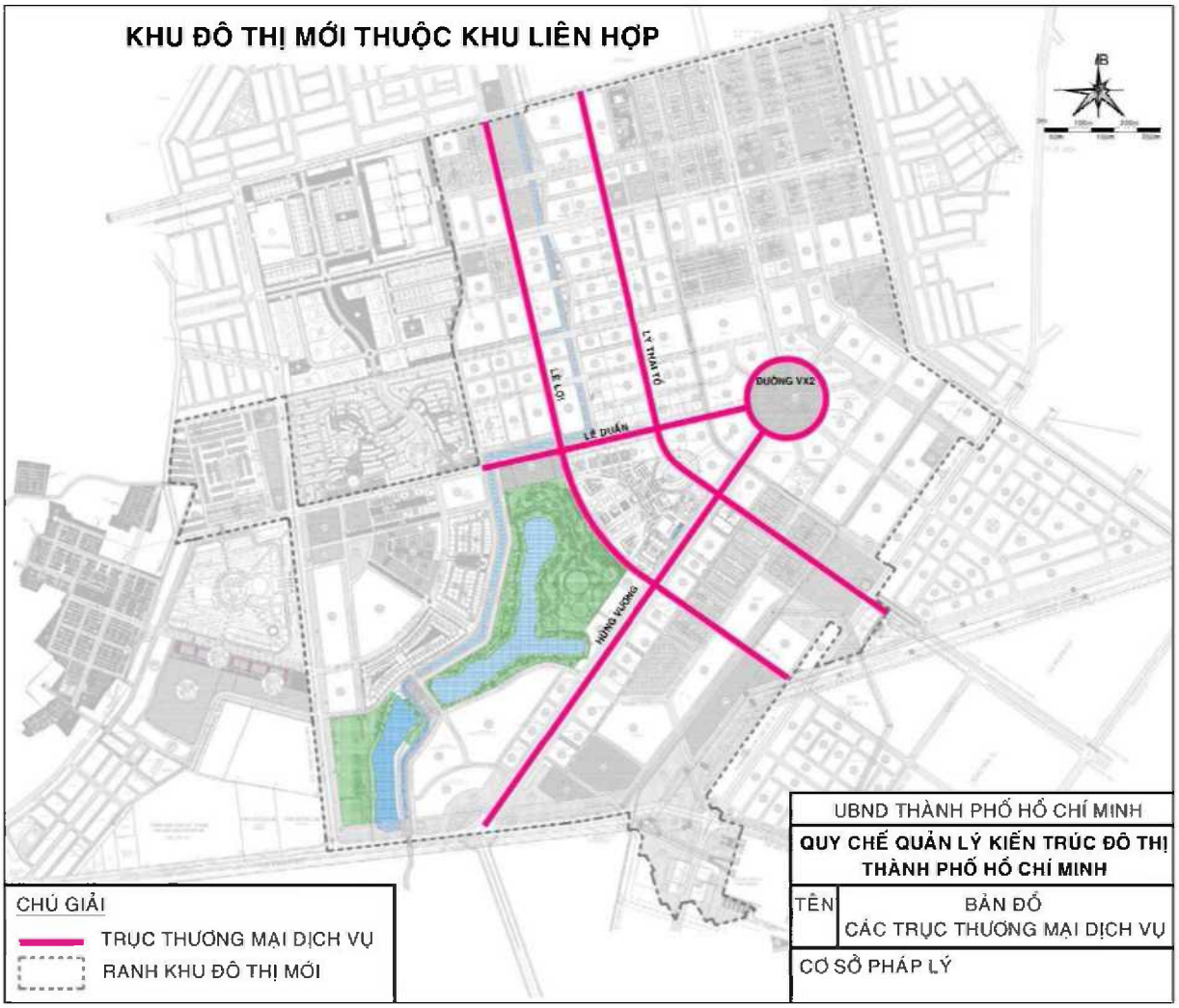
Các trục đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Hàm Nghi, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Văn Trỗi, Nam Kỳ Khởi Nghĩa *(và tiếp tục được bổ sung)*.



Hình 4-1: Các trục đường có tính chất quan trọng về thương mại, dịch vụ khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)

II. KHU VỰC TỈNH BÌNH DƯƠNG (CŨ)

Khu đô thị mới, phường Bình Dương, các trục đường VX2, Lê Thái Tổ, Lê Duẩn, Lê Lợi, Hùng Vương.



Hình 4-2: Các trục đường có tính chất quan trọng về thương mại, dịch vụ khu vực tỉnh Bình Dương (cũ)

III. KHU VỰC TỈNH BÀ RỊA (CŨ)

Các trục đường có tính chất đặc biệt quan trọng về hành chính - chính trị, thương mại, dịch vụ:

- Đường Bạch Đằng, đường Trường Chinh;
- Đường Cách Mạng Tháng 8.

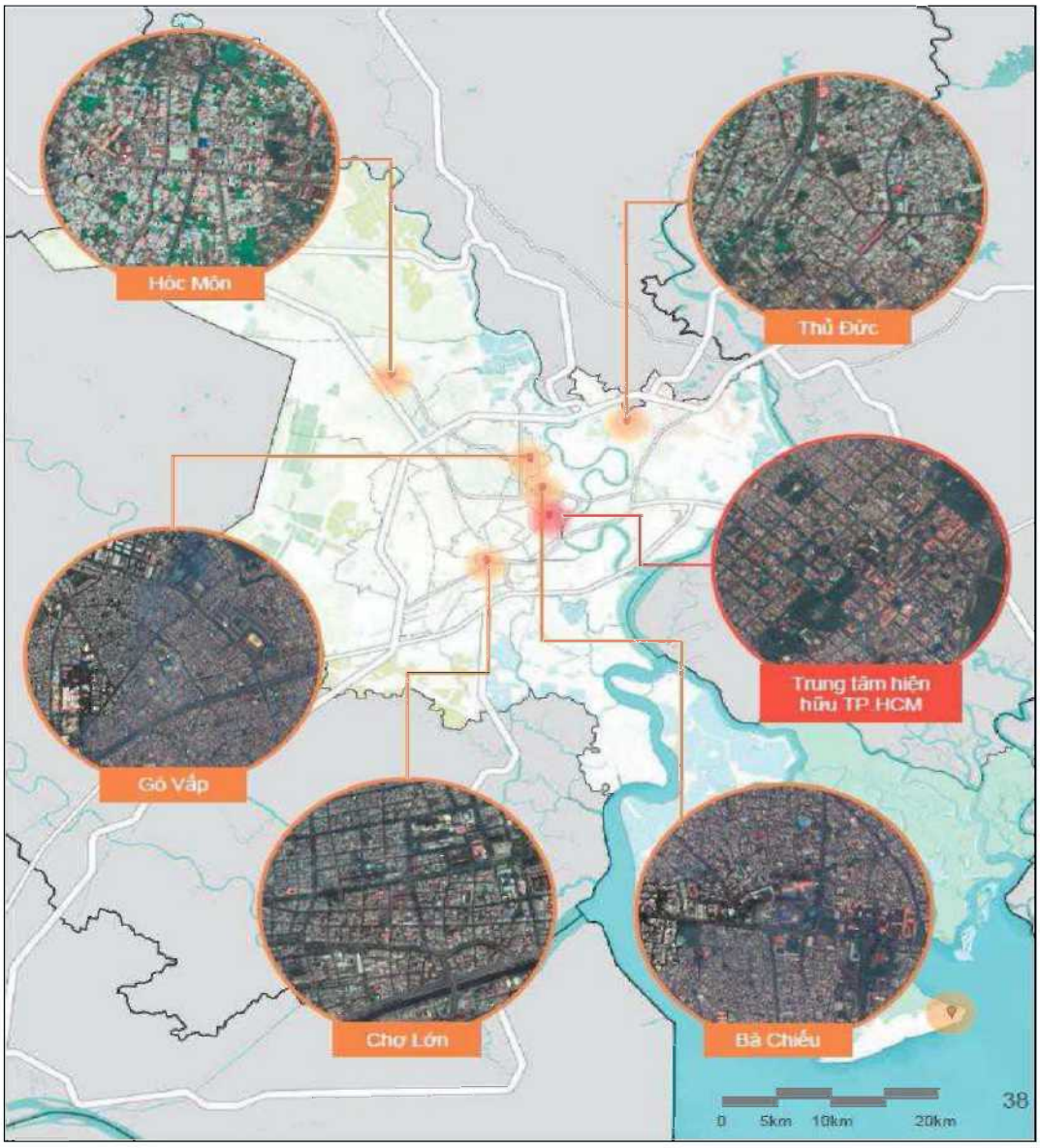
Phụ lục V

CÁC KHU VỰC DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH, BẢO TỒN

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*Ghi chú: *Vị trí và ranh giới cụ thể các khu vực được xác định tại các pháp lýquy hoạch hiện hành. Việc bổ sung các khu vực theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chếnày.*

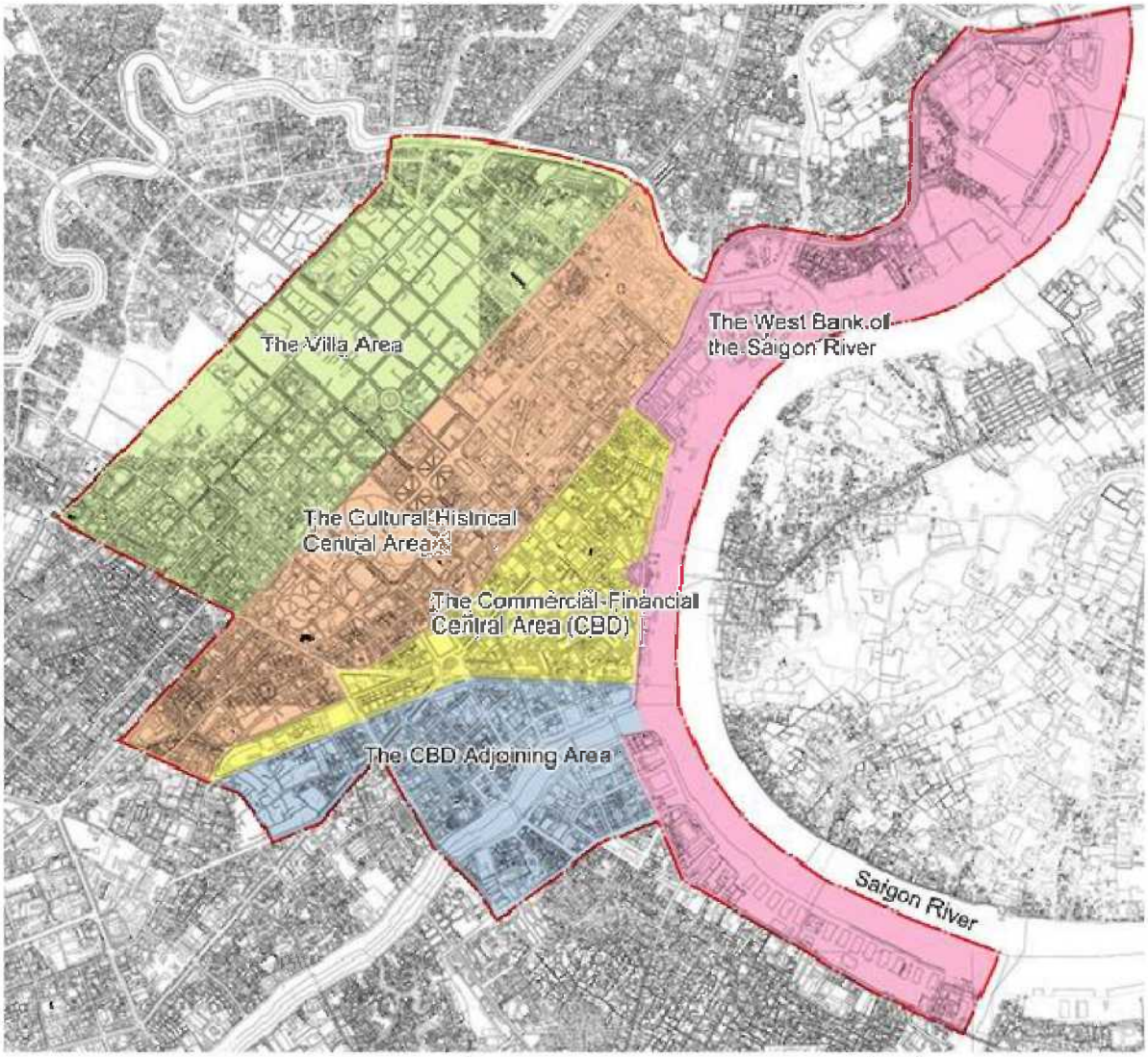
I. KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (CŨ)



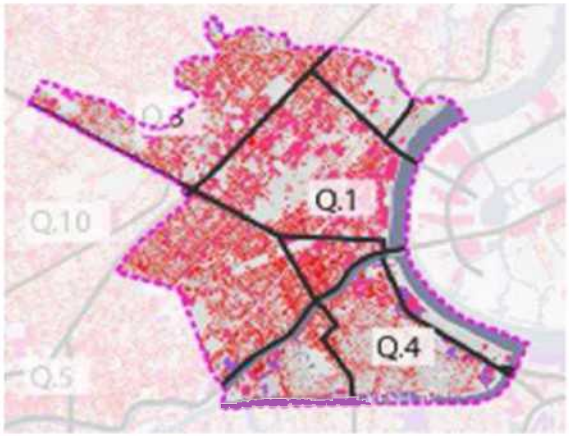
Hình 5-1:Sơ đồ vị trí các khu vực di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)

1. Khu đô thị lịchsử

a) Khu trung tâm tổng hợp hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh: quy mô 930ha;



Hình 5-2a: Khu trung tâm tổng hợp hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh



Hình 5-2b: Hiện trạng khu vực



Hình 5-2c: Các trục giao thông quan trọng của khu vực và mảng công viên cây xanh lớn

Danh mục di tích kiến trúc - nghệ thuật, lịch sử cấp tỉnh thuộc khu vực:

Tên chính thức của công trình	Đường	Số nhà	Xã phường, thị trấn (cũ)	Quận huyện(cũ)
Chùa Xá Lợi	Bà Huyện Thanh Quan	89- 89B	P. 7	3
Nhà hát Giao hưởng Nhạc Vũ kịch Thành phố Hồ Chí Minh	Công trường Lam Sơn	07	P. Bến Nghé	1
Trường THPT Nguyễn thị Minh Khai	Điện Biên Phủ	275	P. 7	3
Khách Sạn Continental	Đồng Khởi	132	P. Bến Nghé	1
Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh	Lý Tự Trọng	65	P. Bến Nghé	1
Bệnh viện Nhi Đồng II	Lý Tự Trọng	14	P. Bến Nghé	1
Chùa Phước Hải (Điện Ngọc Hoàng)	Mai Thị Lựu	73	P. Đa Kao	1
Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	131	P. Bến Nghé	1
Trường THPT Marie Curie	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	159	P. 7	3
Bảo tàng lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh - Bảo tàng lịch sử Việt Nam	Nguyễn Bỉnh Khiêm	2-2bis	P. Bến Nghé	1
Đền thờ Vua Hùng - Đền thờ Hùng Vương	Nguyễn Bỉnh Khiêm	2bis	P. Bến Nghé	1
Bến nhà Rồng - Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Tất Thành	01	P. Nguyễn Thái Bình	1
Trường THPT Lê Quý Đôn	Nguyễn Thị Minh Khai	110	P. 6	3
Mộ cổ họ Lâm (Khuôn viên công viên Tao Đàn)	Nguyễn Thị Minh Khai	55C	P. Bến Thành	1

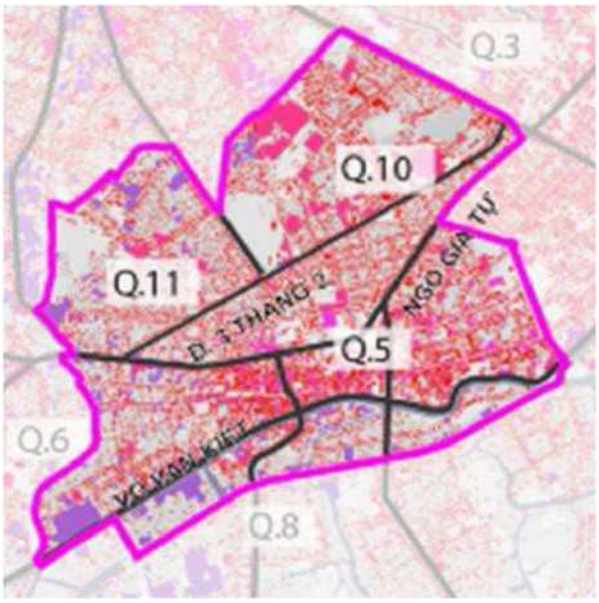
Tên chính thức của công trình	Đường	Số nhà	Xã phường, thị trấn (cũ)	Quận huyện(cũ)
Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Pasteur	167	P. 8	3
Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Phó Đức Chính	97	P. Bến Thành	1
Cầu Mống	Rạch Bến Nghé		P. Nguyễn Thái Bình	1
Cột cờ Thủ Ngữ	Tôn Đức Thắng	01	P. Nguyễn Thái Bình	1
Quán Nhan Hương	Nguyễn Bỉnh Khiêm	02	P. Bến Nghé	1
Đình Nam Chơn	Trần Quang Khải	29	P. Tân Định	1
Dinh Thống Nhất - Hội trường Thống Nhất	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	133-135	P. Bến Thành	1
Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thánh Tôn	86	P. Bến Nghé	1
Đình Nhơn Hòa	Cô Giang	27-29	P. Cầu Ông Lãnh	1
Tổng công ty TNHH MTV cấp nước Sài Gòn Sawaco & Thủy đài	Công trường quốc tế	01	P. 6	3
Tổng Lãnh sự quán Hợp chủng quốc Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Duẩn	4	P. Bến Nghé	1
Nơi thành lập Kỳ bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội	Lê Lợi	88 (Phòng 5)	P. Bến Thành	1
Nơi thành lập An Nam Cộng sản Đảng năm 1929	Nguyễn Trung Trực	1 (P.1-Lầu2)	P. Bến Thành	1
Trụ sở báo Dân Chúng	Lê Thị Hồng Gấm	43	P. Nguyễn Thái Bình	1
Cơ sở Ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam bộ -> Trung Tâm văn	Cao Thắng	51/10/14	P. 3	3

Tên chính thức của công trình	Đường	Số nhà	Xã phường, thị trấn (cũ)	Quận huyện(cũ)
hóa Quận 3				
Cơ sở giấu vũ khí của Biệt động Thành đánh dinh Độc Lập	Nguyễn Đình Chiểu	287/70	P. 5	3
Sở Chỉ huy tiền phương Phân khu 6 trong chiến dịch Mâu Thân 1968 -Tiệm Phở Bình	Lý Chính Thắng	7	P. 8	3
Miếu Thiên Hậu - Quảng Triệu Hội quán	Võ Văn Kiệt	122	P. Nguyễn Thái Bình	1
Nhà số 14 Cách Mạng Tháng Tám	CáchMạng ThángTám	14	P. Bến Thành	1
Đình Xuân Hòa	Lý Chính Thắng	129	P. 7	3
Miếu Thánh Mẫu	Nguyễn Thị Minh Khai	284	P. 5	3
Đình Phú Thạnh (Quận 3)	CáchMạng ThángTám	199	P. 4	3

b) Khu phố cổ Chợ Lớn:



Hình 5-3a:Khu phố cổ Chợ Lớn



Hình 5-3b: Hiện trạng khu vực



Hình 5-3c: Các trục giao thông quan trọng của khu vực và mảng công viên cây xanh lớn

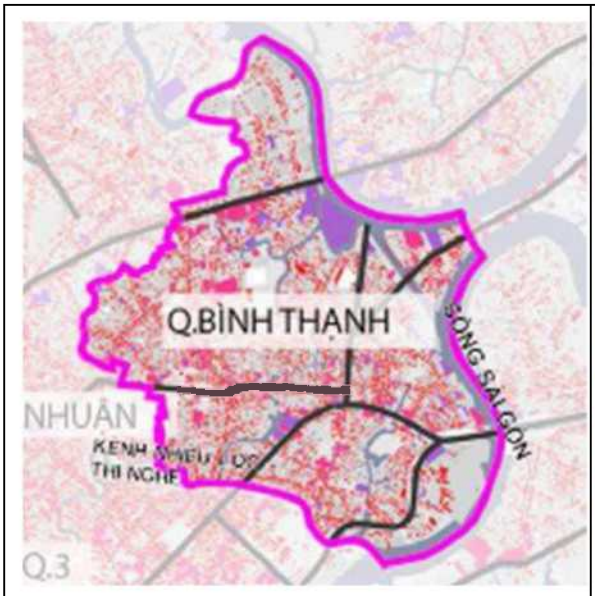
Danh mục di tích kiến trúc- nghệ thuật, lịch sử cấp tỉnh thuộc khu vực:

Tên chính thức của công trình	Đường	Số nhà	Xã phường, Thị trấn (cũ)	Quận huyện (cũ)
Chùa Thiên Tôn	An Bình	117/3/2	P. 6	5
Bệnh viện Nhiệt đới (Khu trại giam bệnh viện Chợ Quán) - 190 Bến Hàm Tử cũ	Võ Văn Kiệt	764	P. 1	5
Từ đường họ Lý - Nhà truyền thống	Hải Thượng Lãn Ông	292	P. 14	5
Chùa Minh Hương (Phước An Hội Quán)	Hồng Bàng	184	P. 12	5
Trường THCS Hồng Bàng	Hồng Bàng	132	P. 12	5
Chùa Giác Hải	Hồng Bàng	1017/3	P. 12	6
Chùa Giác Lâm	Lạc Long Quân	565 (số cũ 118)	P. 11	5
Nghĩa An Hội Quán (Chùa Ông)	Nguyễn Trãi	676	P. 11	5
Tuệ Thành Hội Quán - Miếu Thiên Hậu	Nguyễn Trãi	710	P. 11	5
Chùa Bà Hà Chương - Hội Quán Hà Chương - Hà Chương Hội Quán	Nguyễn Trãi	802	P. 14	5
Phước Kiến Nghĩa Tự - Phúc Kiến Nghĩa Tự (khuôn viên bệnh viện) - Bệnh viện NguyễnTrãi	Nguyễn Trãi	314	P. 8	5
Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Văn Cừ	235	P. 4	5
Chợ Bình Tây	Tháp Mười	57A	P. 2	6
Đình Minh Hương - Hội quán Minh Hương	Trần Hưng Đạo	380	P. 11	5

Tên chính thức của công trình	Đường	Số nhà	Xã phường, Thị trấn (cũ)	Quận huyện (cũ)
Đình Lệ Châu (Lệ Châu Hội Quán)	Trần Hưng Đạo	586	P. 11	5
Hội quán Tam Sơn (nhà cổ)	Triệu QuangPhục	118	P. 11	5
Mộ và đền thờ ông Phạm Văn Chí - Đình Bình Hòa Quận 6	Phạm Văn Chí	703	P. 7	6
Nơi đồng chí Nguyễn Tất Thành ở trước khi ra đi tìm đường cứu nước	Châu Văn Liêm	5	P. 14	5
Hầm bí mật in tài liệu Ban Tuyên huấn Hoa vận thời ký chống Mỹ cứu nước	Gia Phú	341/10	P. 1	6
Hội quán Nghĩa Nhuận	Phan Văn Khỏe	27	P. 13	5
Miếu Nhị Phủ - Chùa Ông Bổn	Hải Thượng Lãn Ông	264	P. 16	5
Quỳnh Phủ Hội Quán	Trần Hưng Đạo B	276	P. 11	5
Hội quán Ôn Lăng	Lão Tử	12	P. 11	5
Cơ sở bí mật của Thành ủy Sài Gòn - Gia Định giai đoạn 1968 -1972	Phạm Văn Chí	91	P. 1	6
Đình Tân Kiểng (xuống cấp)	Trần Hưng Đạo	718	P. 2	5
Đình Bình Tiên	Minh Phụng	122	P. 6	6

c) Khu đô thị lịch sử Gia Định - Bà Chiểu:

Hình thành với các trục: Bùi Hữu Nghĩa, Lê Văn Duyệt - Lê Quang Định - Phan Văn Trị, Phan Đăng Lưu - Bạch Đằng, Nguyễn Văn Đậu - Trần Quý Cáp - Rạch Lăng.



Hình 5-4a:Hiện trạng khu vực



Hình 5-4b:Các trục giao thông quan trọng của khu vực và mảng công viên cây xanh lớn

Danh mục di tích kiến trúc- nghệ thuật, lịch sử cấp tỉnh thuộc khu vực:

Tên chính thức của công trình	**Đường**	**Số nhà**	**Xã phường, Thị trấn (cũ)**	**Quận huyện (cũ)**
Chùa Sắc Tứ Tập Phước	Phan Văn Trị	233	P. 11	Bình Thạnh
Lăng Ông - Lăng Lê Văn Duyệt - Bà Chiểu	Vũ Tùng	01	P. 1	Bình Thạnh
Đình Bình Hòa (quận Bình Thạnh)	Chu Văn An	115/77	P. 12	Bình Thạnh
Đình Cầu Sơn	Xô Viết Nghệ Tĩnh - Khu phố 2	281 hoặc 281/1	P. 26	Bình Thạnh
Nhà cổ truyền thống của cụ Vương Hồng Sển	Nguyễn Thiện Thuật	9/1	P. 14	Bình Thạnh
Chùa Văn Thánh	Ngô Tất Tố	115/9	P. 22	Bình Thạnh
Đình Bình Quới Tây	Xô Viết Nghệ Tĩnh - Khu phố 3		P. 28	Bình Thạnh

d) Khu đô thị lịch sử Gò Vấp:

e) Khu đô thị lịch sử Hóc Môn:

f) Khu đô thị lịch sử Thủ Đức:

2. Khu di tích Khảo cổ cấp Quốc gia

a) Khu di tích lịch sử Giồng Cá Vồ (*theo Quyết định Số 2000/QĐ - BVHTT 13/4/2000*) tại Khu Bảo tồn sinh quyển Cần Giờ, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ.

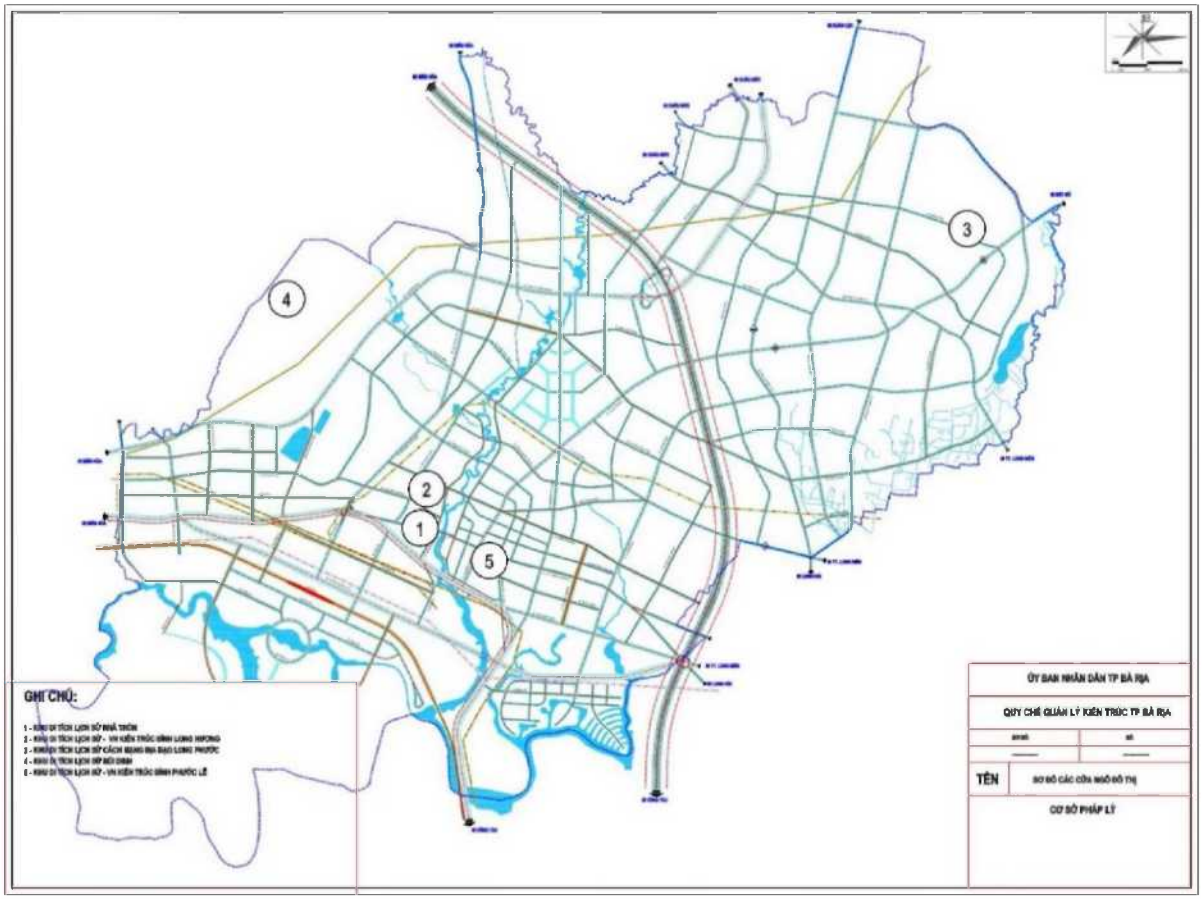
b) Khu Lò gốm cổ Hưng Lợi (*Theo Quyết định số 722/QĐ - BVHTT 25/4/1998*) tại Phường 16, Quận 8.

3. Khu di tích lịch sử Cánh mạng cấp Quốc gia đặc biệt

Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi (*theo Quyết định Số 2367/QĐ-TTg ngày 23/12/2015*) tại 2 khu vực Địa đạo Bến Dược và Địa đạo Bến Đình, xã Phú Mỹ Hưng, xã Phạm Văn Cội và xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi.

II.KHU VỰC THÀNH PHỐ BÀ RỊA (CŨ)

Các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn



Hình 5-5:Sơ đồ vị trí các khu vực di tích - văn hoá, danh lam thắng cảnh, bảo tồn

Phụ lục VI

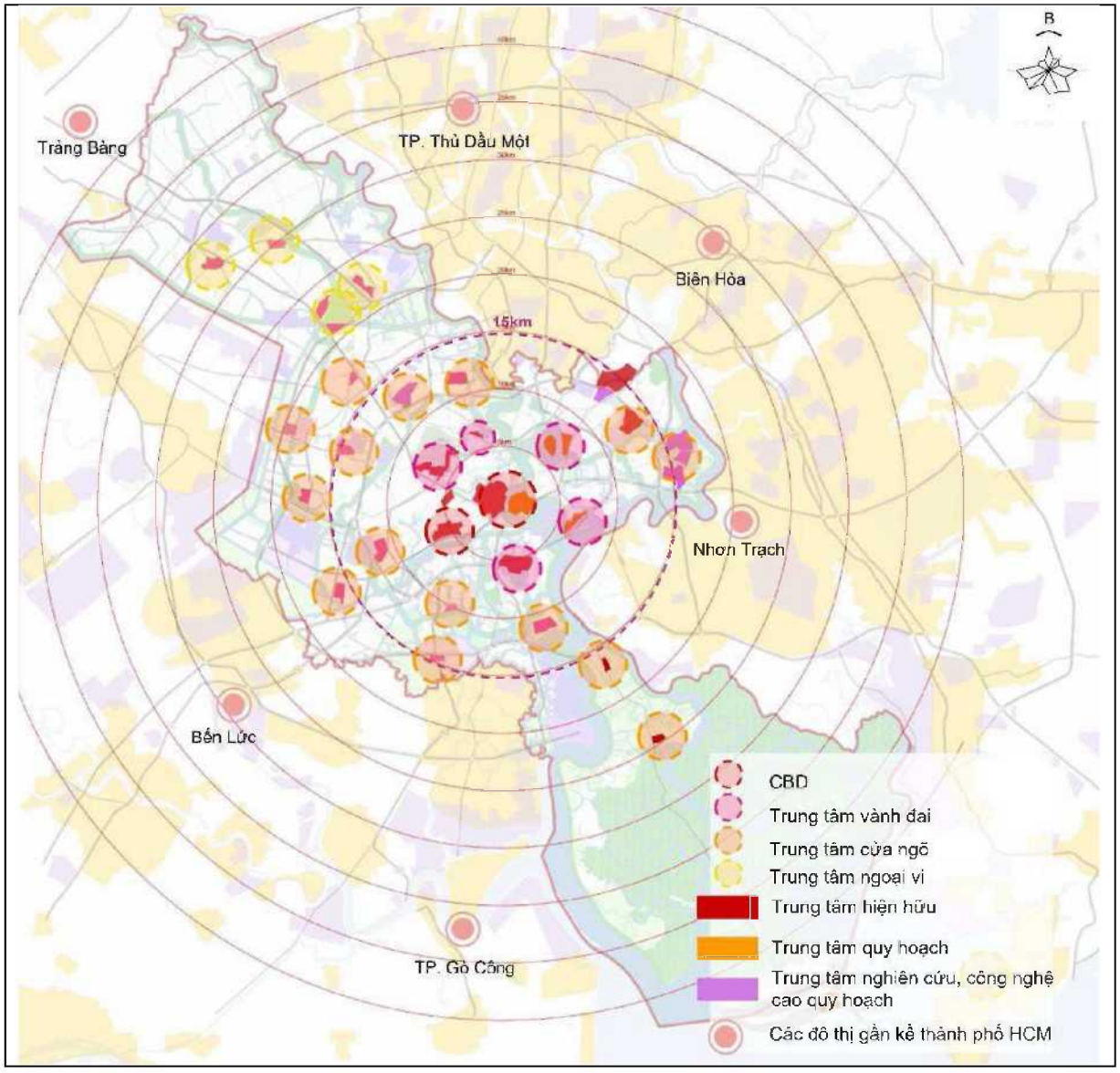
CÁC KHU VỰC TRUNG TÂM CÔNG CỘNG

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*Ghi chú: *vị trí và ranh giới cụ thể các khu vực được xác định tại các pháp lý quy hoạch hiện hành. Việc bổ sung các khu vực theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này khi ranh thiết kế cơ sở công viên được xác định và phê duyệt.*

I. KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (CŨ)

Đây là các khu vực được cộng hệ số ưu đãi theo quy định tại khoản 4, Điều 6.



Hình 6-1: Sơ đồ vị trí các Trung tâm công cộng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)

I. Khu vực đô thị trung tâm

1a. Vùng Sài Gòn

1b. Vùng Chợ Lớn

1c. KV Bình Thạnh

1d. KV Nam Sân bay

2. KV Bình Quới - ThanhĐa

3. KV sânbay

4a. KV Đông Nam quận 12 cũ

4b. KV phía Đông quận Gò Vấp cũ

4c. KV phía Tây quận Gò Vấp cũ

4d. KV phía Tây Nam quận 12 cũ

4e. KV Tây sân bay

5. Vùng phía Tây khu đô thị trung tâm

II. Phân Vùng đô thị Tây Sài Gòn

6a. KV Tân Nhựt - Lê Minh Xuân

6b. KV nằm giữa QL1 và đường Tân Tạo Chợ Đệm

7. KV Lê Minh Xuân

8. KV Vĩnh Lộc

9a. KV Bình Lợi - Lê Minh Xuân

9b. KV Phạm Văn Hai

13a. KV Tân Túc

13d. KV phía Nam đường VĐ3

III. Phân Vùng đô thị Bắc Sài Gòn

10a. Khu vực phía Tây Nam huyện Hóc Môn cũ

10b. Khu vực nằm trong QL 1A, QL22, đường Lê Văn Khương thuộc quận 12, huyện Hóc Môn cũ.

10c. Khu vực TT hiện hữu huyện Hóc Môn cũ

10d. Khu vực phía Tây huyện Hóc Môn (nằm trong đường Vành Đai 3, QL22)

11. KV trung tâm phát triển mới quận12 - huyện Hóc Môn cũ

12. KV phía Tây đường VĐ3 (huyện Hóc Môn)

15f. KV ĐT công nghiệp - Củ Chi

15g. KV ĐT Tây Bắc - Củ Chi

15h. KV ĐT Đông Bắc - Củ Chi

IV. Phân Vùng đô thị Nam Sài Gòn

13b. Khu vực phía Nam kênh Đôi

13c. KV phía Đông sông Cần Giuộc đến rạch Ông Lớn

14a. Khu vực Quận 7 cũ

14b. Khu vực phía Tây đường Nguyễn Hữu Thọ

14c. Khu vực phía Đông đường Nguyễn Hữu Thọ

14d. Khu vực Long Thới

14e. Khu vực Hiệp Phước

17a. KV ĐT Bình Khánh

17b. KV ĐT thích ứng

17c. KV ĐT gắn với cảng Bình Khánh

17d. KV sinh thái nông nghiệp, du lịch

17g. KV ĐT Cần Thạnh

17h. KV đô thị lấn biển

V. Thành phố Thủ Đức cũ

16a. KV Thủ Thiêm, An Phú, An Khánh

16b. KV ĐT ven sông Sài Gòn (đối diện bán đảo Thanh Đa)

16c. KV ĐT phía Đông hạ lưu sông Sài Gòn (đối diện Quận 7 cũ)

16d. KV ĐT thương mại, cảng, công nghiệp Thạch Mỹ Lợi - Cát Lái - Phú Hữu

16e. KV ĐT Rạch Chiếc và vùng phụ cận

16f. KV Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và vùng phụ cận

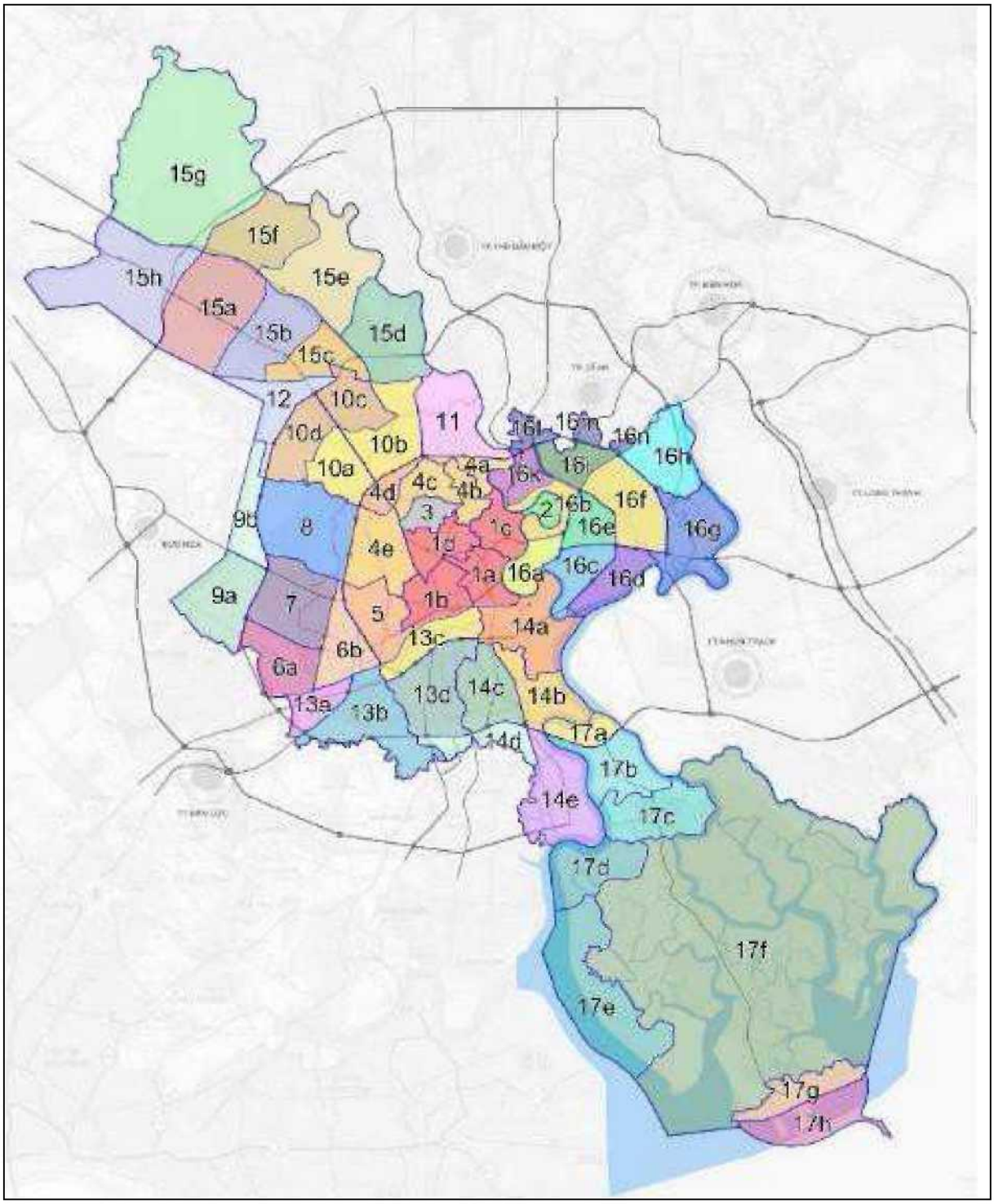
16g. KV ĐT phía Đông Nam TP.Thủ Đức cũ

16h. KV ĐT phía Đông Bắc TP.Thủ Đức cũ

16i. KV ĐT phía Tây Bắc Xa lộ Hà Nội

16k. KV ĐT Tây Bắc TP.Thủ Đức cũ

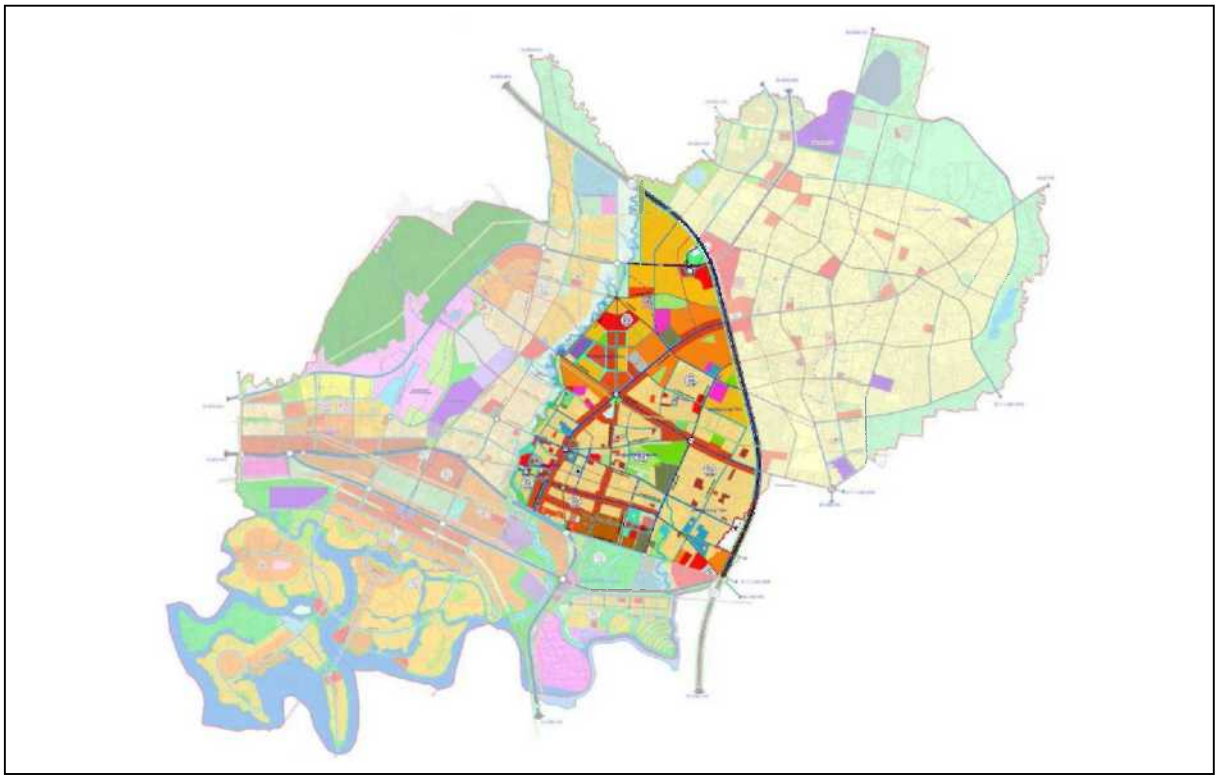
15a. KV ĐT hiện hữu Củ Chi cũ 15b. KV ĐT Tây Nam - Củ Chi cũ 15c. KV ĐT Đông Nam - Củ Chi cũ 15d. KV ĐT sinh thái - Củ Chi 15e. KV ĐT công viên sinh thái lâm nghiệp	16l,m,n. Các khu ĐT phía Bắc QL1



Hình 6-2: Sơ đồ các khu vực trung tâm theo phường, xã

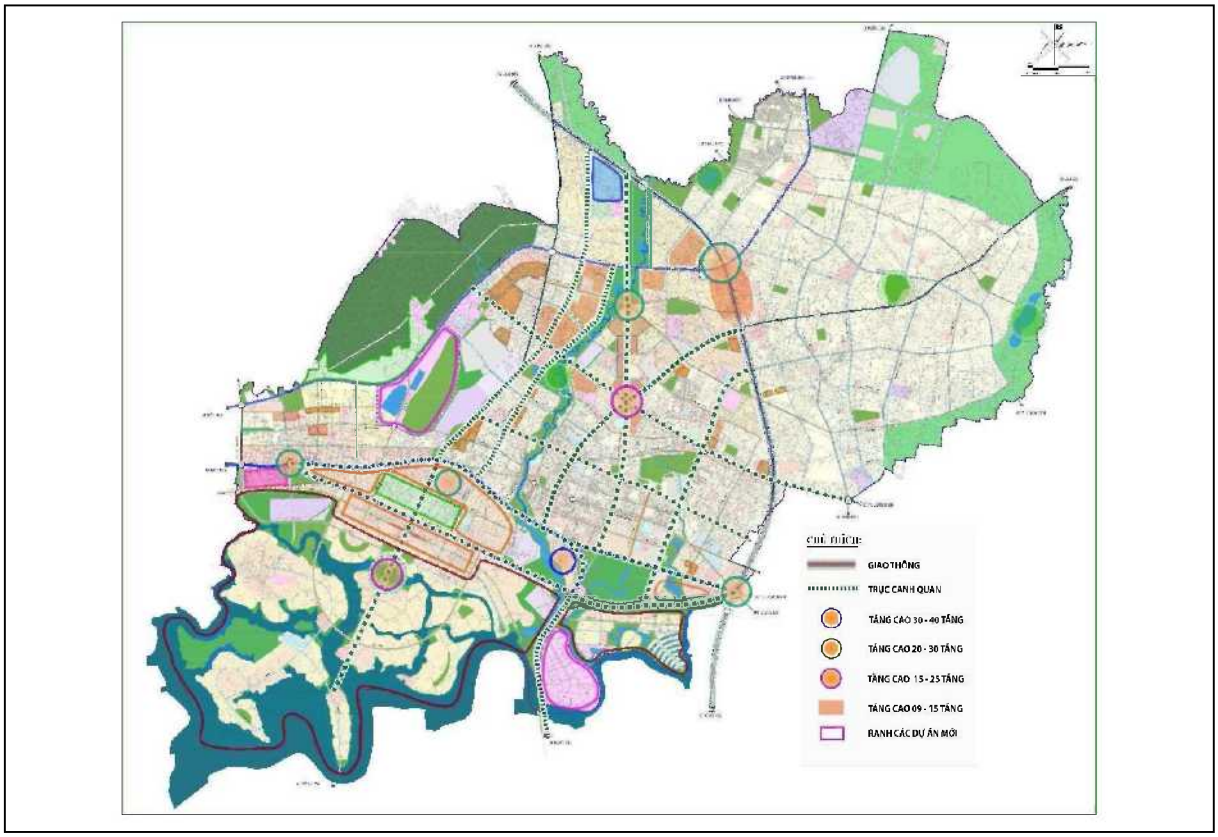
II. KHU VỰC THÀNH PHỐ BÀ RỊA (CŨ)

1. Khu vực trung tâm thành phố Bà Rịa (cũ)



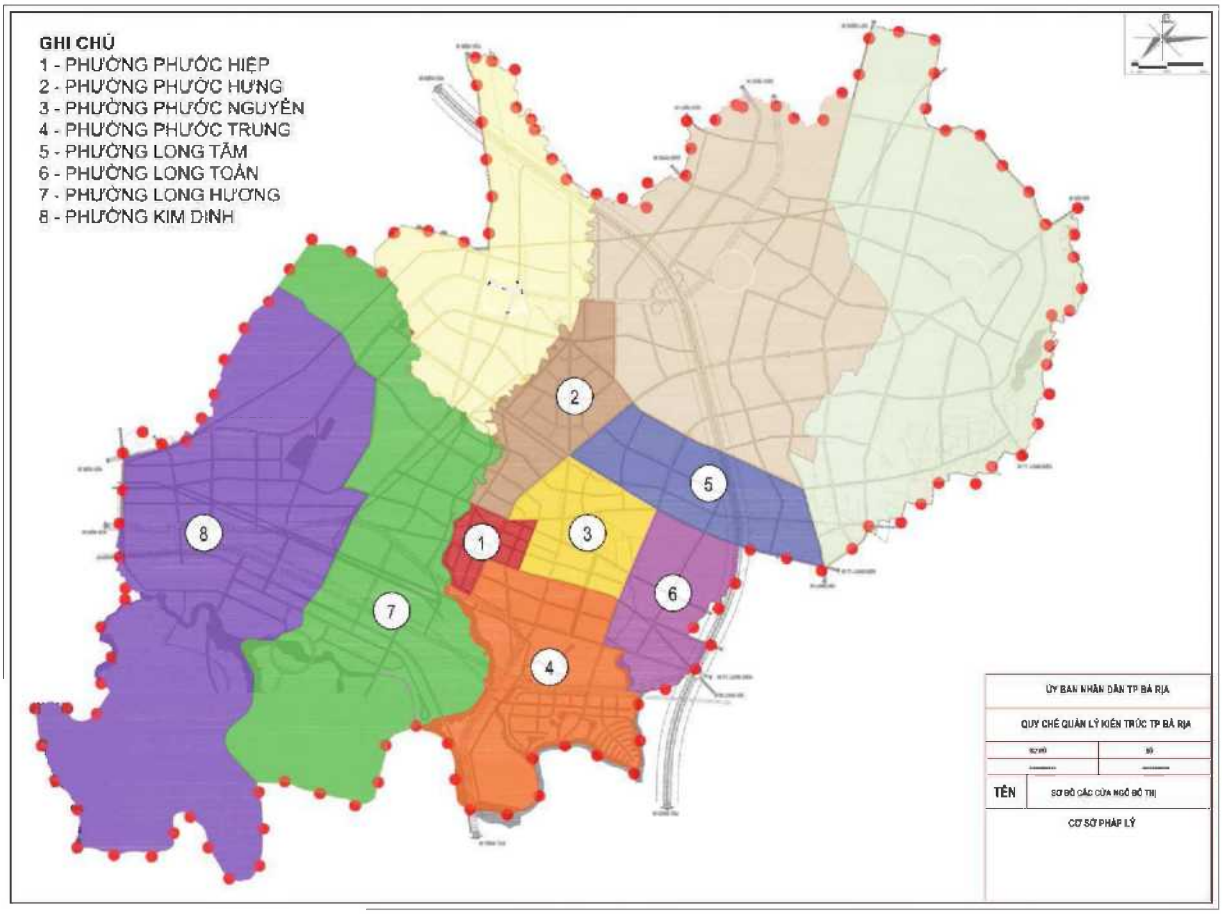
Hình 6-3: Sơ đồ các khu vực trung tâm trung tâm thành phố Bà Rịa

2. Khu vực điểm nhấn cảnh quan đô thị thành phố Bà Rịa (cũ)



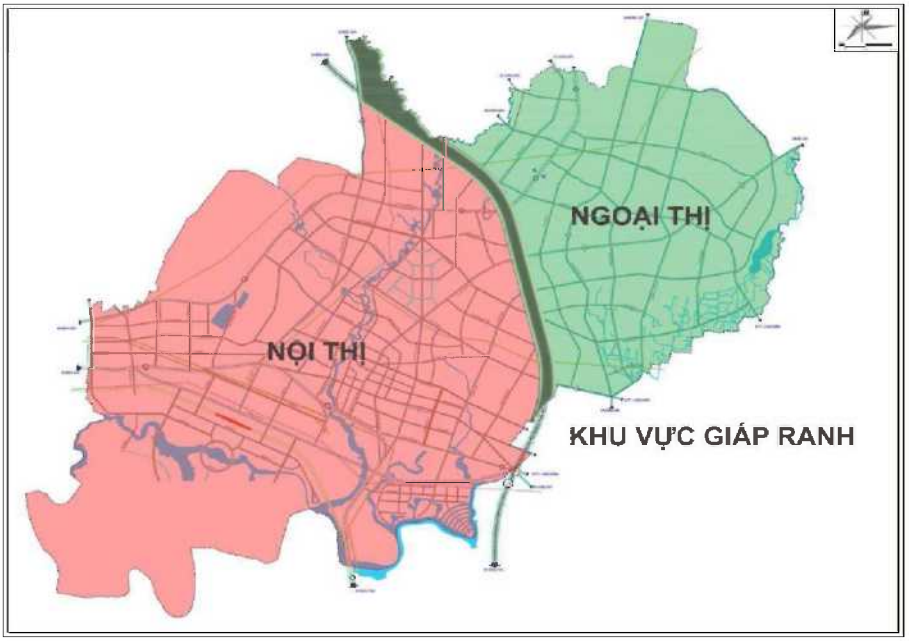
Hình 6-4: Sơ đồ các khu vực điểm nhấn cảnh quan

3. Vị trí các phường thuộc thành phố Bà Rịa (cũ)



Hình 6-5: Sơ đồ thành phố Bà Rịa theo phường

4. Khu vực giáp ranh nội thị và ngoại thị thành phố Bà Rịa (cũ)



Hình 6-6: Sơ đồ các khu vực giáp ranh nội thị và ngoại thị

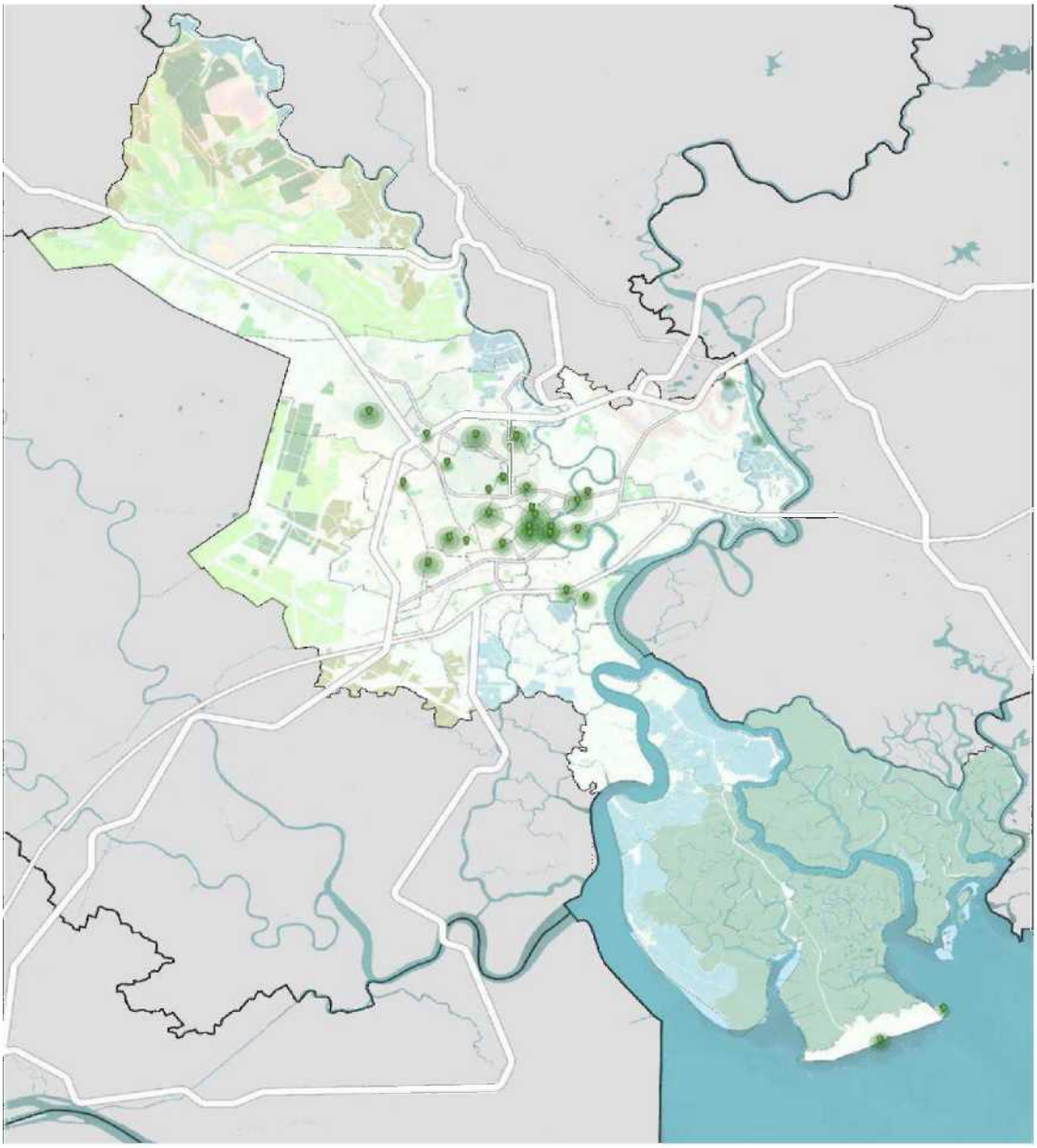
Phụ lục VII

CÁC KHU VỰC CÔNG VIÊN LỚN

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

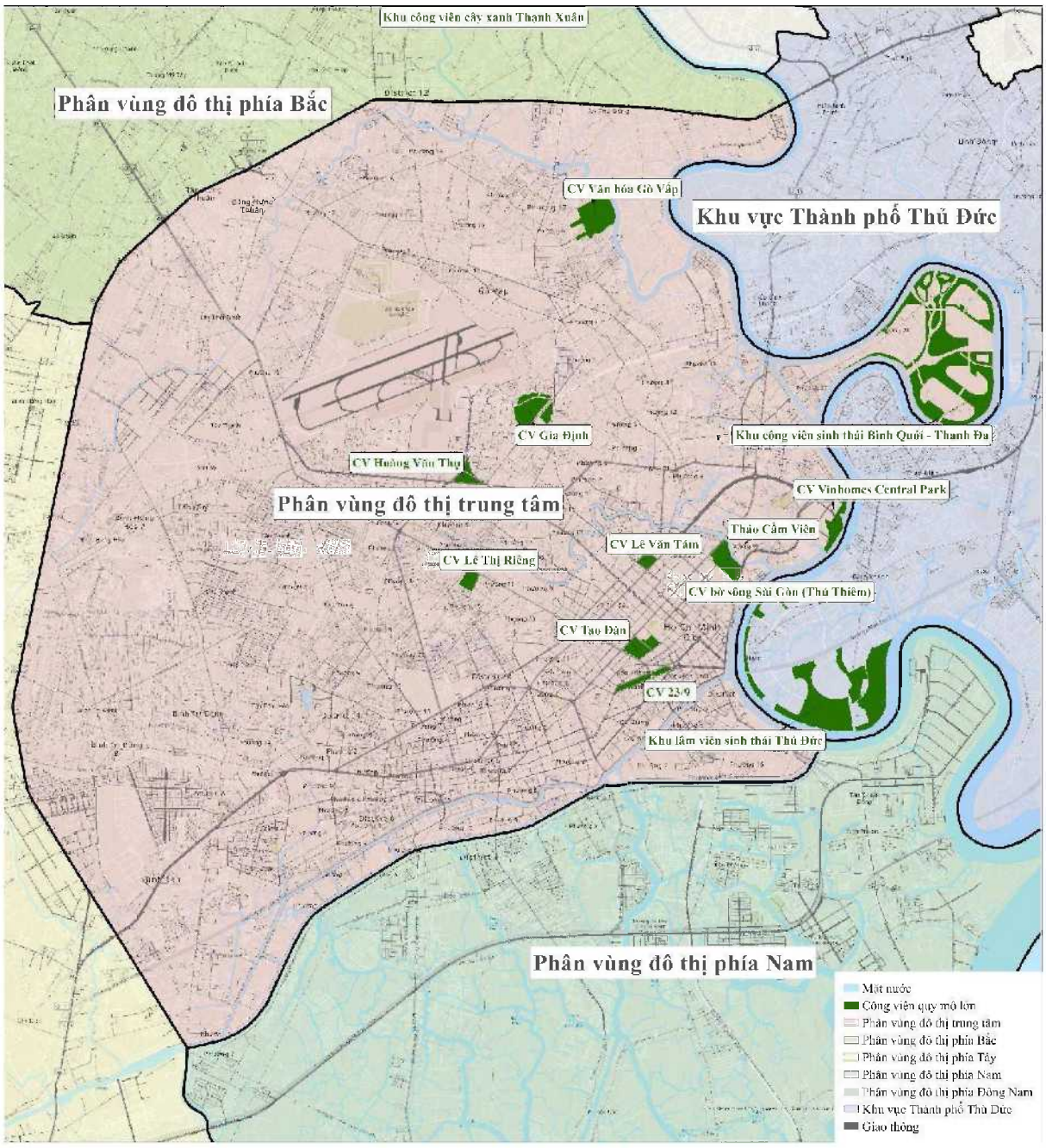
*Ghi chú: *Vị trí và ranh giới cụ thể các khu vực được xác định tại các pháp lý quy hoạch hiện hành. Việc bổ sung các khu vực theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này khi ranh thiết kế cơ sở công viên được xác định và phê duyệt*

I. KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (CŨ)



Hình 7-1: Sơ đồ tổng hợp các công viên quy mô lớn có quy hoạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

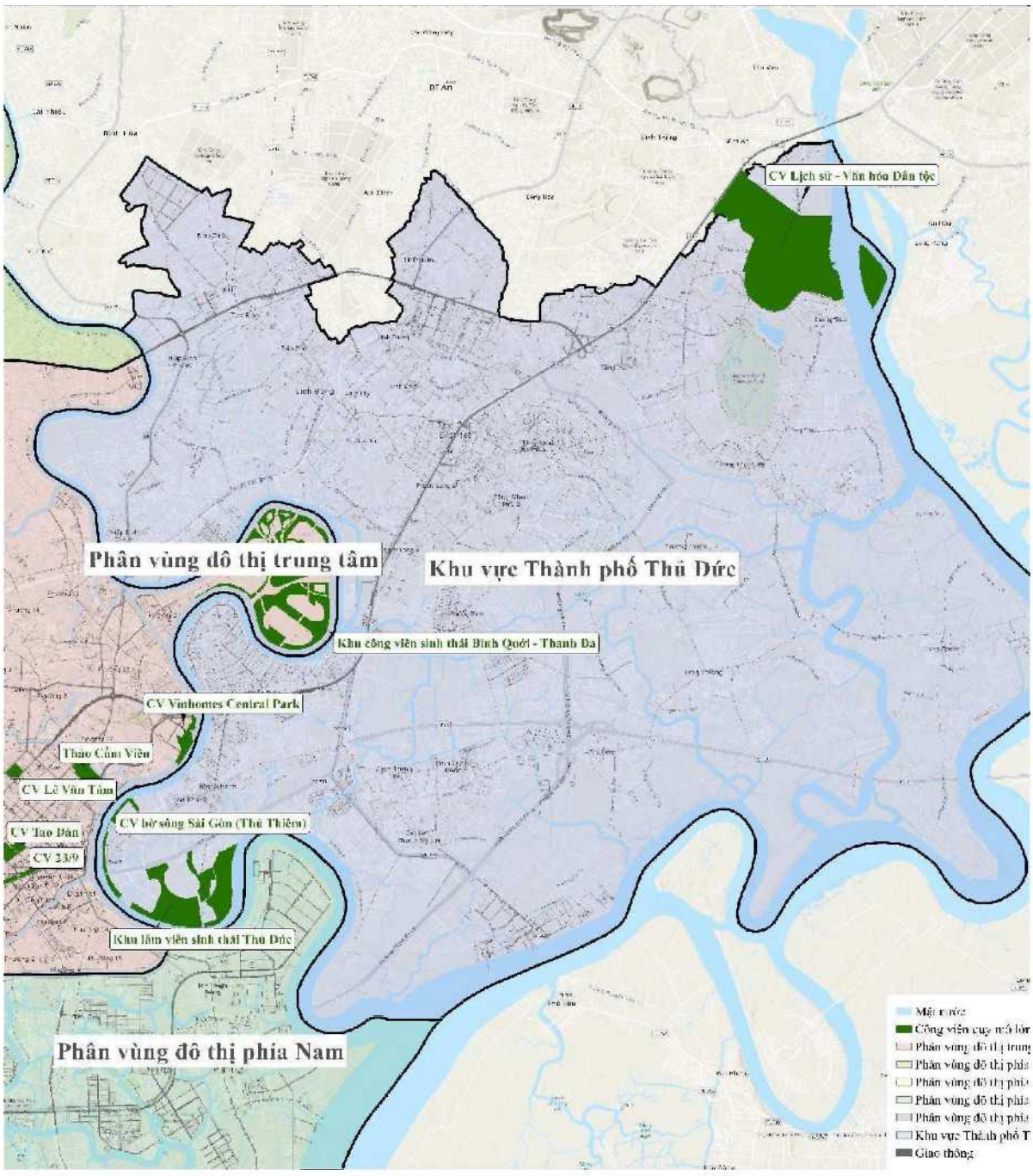
1. Các khu vực công viên lớn thuộc Phân vùng đô thị trung tâm



Stt	Tên công viên	Stt	Tên công viên
1	Thảo Cầm Viên Sài Gòn	6	Công viên bờ sôngVinhomes
2	Công viên Tao Đàn	7	Công viên Gia Định
3	Công viên Lê Văn Tám	8	Công viên Hoàng Văn Thụ
4	Công viên 23/09	9	Công viên Gò Vấp
5	Công viên Lê Thị Riêng	10	Công viên sinh thái Bình Quới Thanh Đa

Hình 7-2: Sơ đồ vị trí và danh mục các công viên lớn thuộc Phân vùng đô thị trung tâm

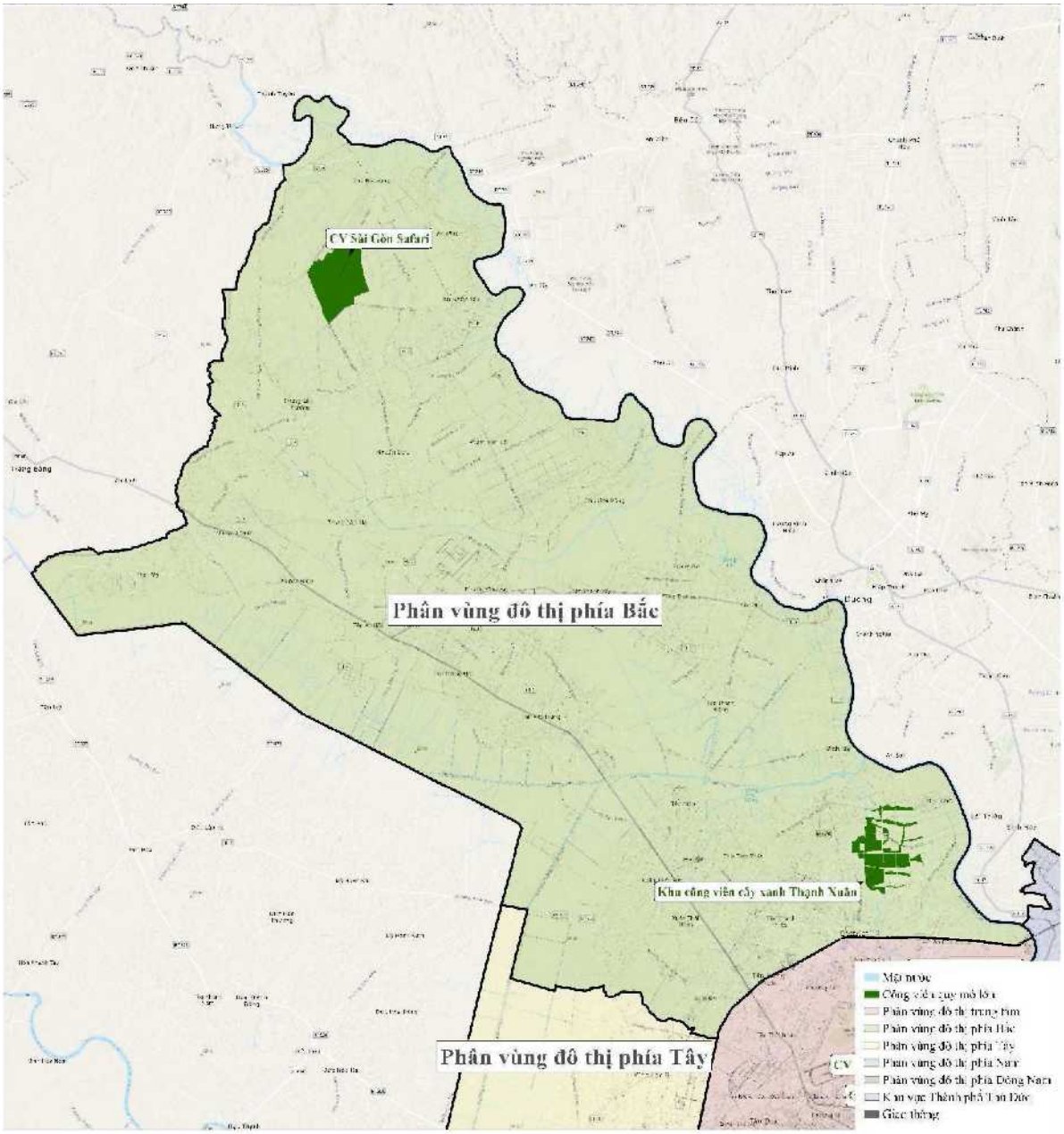
2. Các khu vực công viên lớn thuộc Phân vùng đô thị phía Đông



Stt	Tên công viên	Stt	Tên công viên
1	Công viên bờ sông Sài Gòn Thủ Thiêm	3	Công viên lịch sử văn hóa dân tộc
2	Khu lâm viên sinh thái Thủ Đức	4	Khu thể thao Rạch Chiếc

Hình 7-3: Sơ đồ vị trí và danh mục các công viên lớn thuộc Phân vùng đô thị phía Đông

3. Các khu vực công viên lớn thuộc Phân vùng đô thị phía Bắc



Stt	Tên công viên	Stt	Tên công viên
1	Khu công viên cây xanh Thạnh Xuân	2	Công viên Sài Gòn Safari

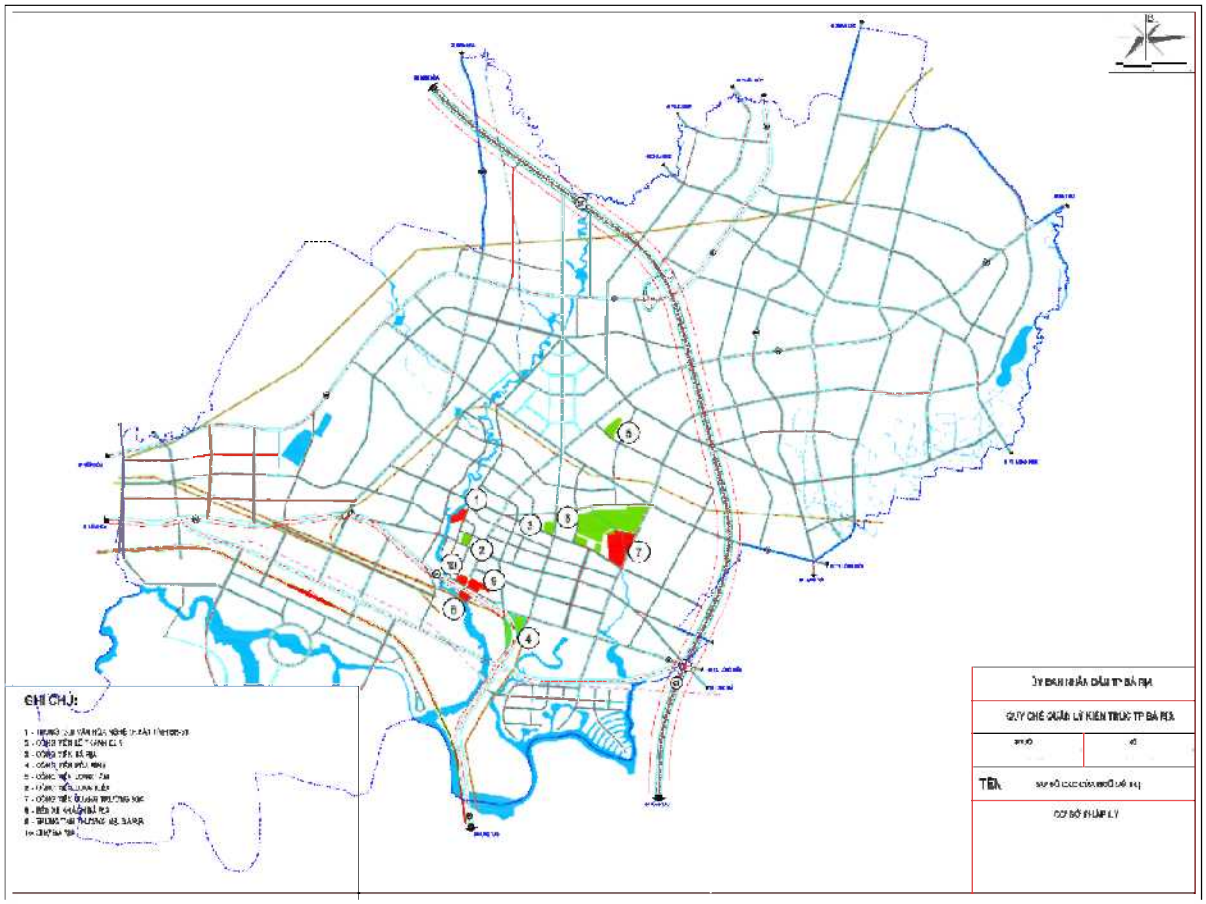
Hình 7-4: Sơ đồ vị trí và danh mục các công viên lớn thuộc Phân vùng đô thị phía Bắc

II.KHU VỰC TỈNH BÌNH DƯƠNG (CŨ)

Thực hiện theo Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) về phê duyệt Đề án cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

III.KHU VỰC THÀNH PHỐ BÀ RỊA (CŨ)

Các quảng trường và công viên lớn



Hình 7-5: Sơ đồ vị trí các quảng trường và công viên lớn khu vực thành phố Bà Rịa (cũ)

Phụ lục VIII

CÁC KHU VỰC XUNG QUANH ĐẦU MỐI GIAO THÔNG CÔNG CỘNG, NHÀ GA ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

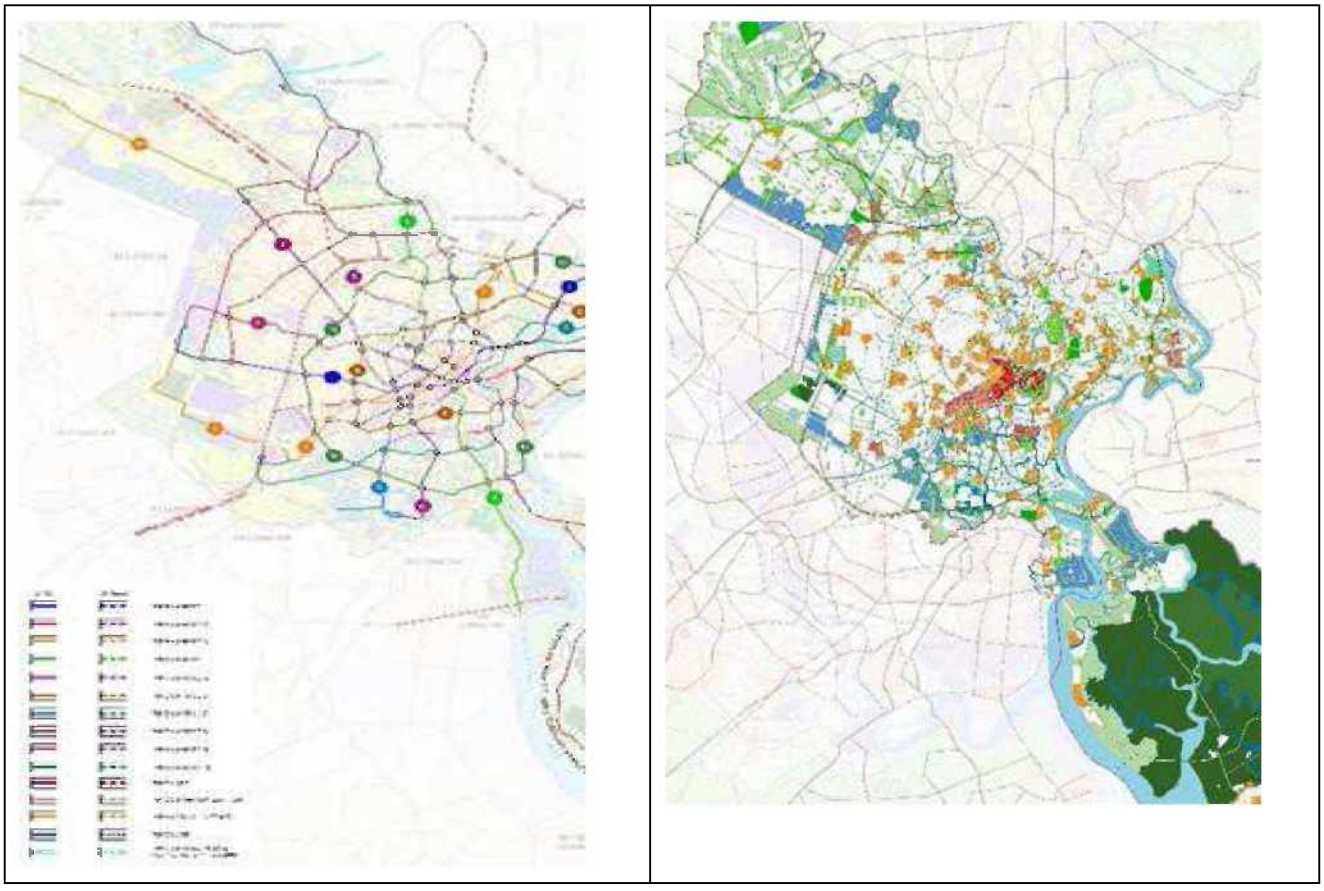
(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*Ghi chú:

- *Vị trí và ranh giới cụ thể các khu vực được xác định tại các pháp lý quy hoạch hiện hành. Việc bổ sung các khu vực theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này khi ranh thiết kế cơ sở khu vực nhà ga trên các tuyến đường sắt đô thị được xác định và phê duyệt.*

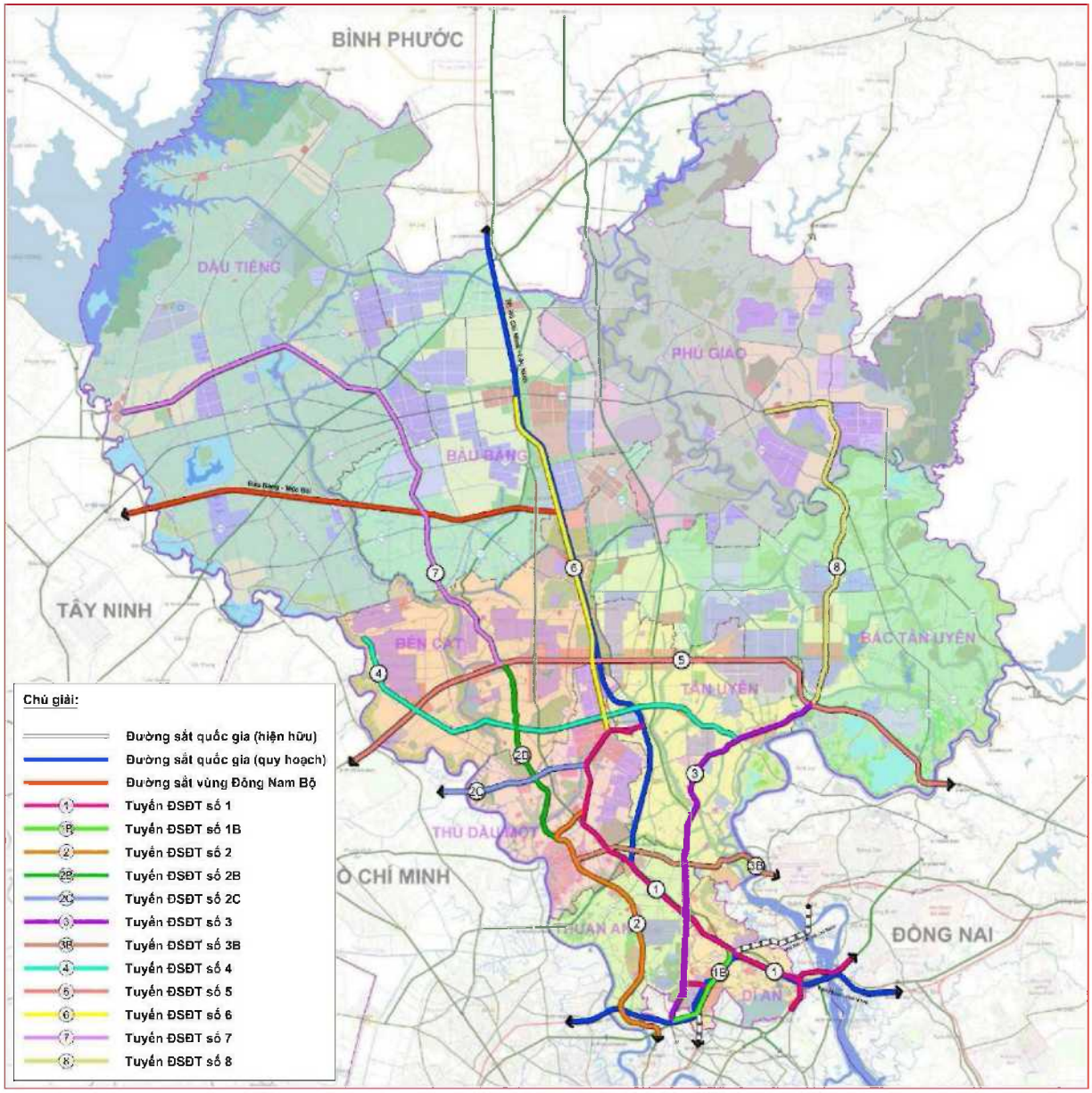
- *Danh mục các khu vực xung quanh nhà ga đường sắt có thể thay đổi theo phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị hiện sẽ được rà soát điều chỉnh phù hợp.*

I. CÁC KHU VỰC XUNG QUANH ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, CÔNG CỘNG NHÀ GA ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ QUY MÔ LỚN KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (CŨ)



Hình 8-1: Sơ đồ quy hoạch hệ thống giao thông công cộng quy mô lớn	*Hình 8-2: Sơ đồ hệ thống trung tâm đa chức năng*

II. CÁC KHU VỰC XUNG QUANH ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, CÔNG CỘNG NHÀ GA ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ QUY MÔ LỚN KHU VỰC TỈNH BÌNH DƯƠNG (CŨ)



Hình 8-3: Sơ đồ quy hoạch hệ thống giao thông đường sắt đô thị tỉnh Bình Dương

1. Là các khu vực xung quanh ga các tuyến đường sắt đô thị:

- Tuyến số 1: TP mới Bình Dương - Suối Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tuyến số 1B: Tân Đông Hiệp - An Bình - Gò Dưa;

- Tuyến số 2: Thủ Dầu Một - Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tuyến số 2B: Thủ Dầu Một - TP Bến Cát;

- Tuyến số 2C: Tp Thủ Dầu Một - Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tuyến số 3: Bắc Tân Uyên - Thành phố Hồ Chí Minh (Đoạn 1: Tân Uyên - Thành phố Hồ Chí Minh, Đoạn 2: Tân Uyên - Bắc Tân Uyên);

- Tuyến số 3B: Thủ Dầu Một - Biên Hòa;

- Tuyến 4: Tân Uyên - TP mới - TP Bến Cát;

- Tuyến 5: Cầu Thủ Biên, Bắc Tân Uyên - TP mới - cầu Phú Thuận, TP Bến Cát;

- Tuyến 6: TP mới Bình Dương - Bến Cát - Bàu Bàng;

- Tuyến 7: Bến Cát - Dầu Tiếng;

- Tuyến 8: Bắc Tân Uyên - Phú Giáo.

2. Là các khu vực xung quanh ga đường sắt quốc gia:

- Ga đầu mối An Bình (phường Dĩ An, An Bình);

- Trạm khách Tân Bình (phường Tân Đông Hiệp);

- Trạm khách Nghĩa Sơn (phường Bình Thắng);

- Ga Vĩnh Phú (phường Vĩnh Phú);

- Ga Bình Chuẩn (phường Bình Chuẩn);

- Ga Bình Dương (xã Phú Chánh);

- Trạm khách Tân Vĩnh Hiệp (xã Tân Vĩnh Hiệp);

- Ga Chánh Lưu (phường Chánh Phú Hoà);

- Ga Bàu Bàng (xã Lai Uyên).

3. Là các khu vực xung quanh các bến xe:

- Thành phố Thủ Dầu Một: 03 bến xe: Bến xe Bình Dương (nâng cấp, bến loại 1); Bến xe Phú Chánh (nâng cấp, bến loại 1); Bến xe Định Hòa (mở mới, bến loại 1).

- Thành phố Thuận An: 03 bến xe: Bến xe Vĩnh Phú (mở mới, bến loại 3); Bến xe An Phú (giữ nguyên); Bến xe Bình Dương mới (bến loại 1, kết hợp với TOD).

- Thành phố Dĩ An: 01 bến xe: Bến xe Miền Đông mới (bến loại 1).

- Thành phố Tân Uyên: 04 bến xe: Bến xe Quang Vinh 3 (loại 4); Bến xe Thái Hòa (mở mới, bến loại 4); Bến xe Tân Uyên (bến loại 3); bến xe khách tại Hội Nghĩa (Giai đoạn 2030-2040).

- Thành phố Bến Cát: 02 bến xe: Bến xe Bến Cát (bến loại 2); Bến xe An Tây (bến loại 2).

- Huyện Bàu Bàng: 01 bến xe: Bến xe Bàu Bàng mới đạt tiêu chuẩn loại 2.

- Huyện Bắc Tân Uyên: 02 bến xe: Bến xe Tân Thành (bến xe loại 3 trở lên); Bến xe Tân Bình kết hợp làm trạm trung chuyển.

- Huyện Phú Giáo: 01 bến xe. Bến xe Phú Giáo (mở mới).

- Huyện Dầu Tiếng: 05 bến xe. Bến xe Dầu Tiếng mới (bến loại 4)

- Các bến xe đạt loại 6 gồm: Bến xe Minh Hòa, Bến xe Long Hòa, Bến xe Bến Súc, Bến xe Minh Thạnh.

4. Là các khu vực xung quanh các cụm cảng hành khách và bến hành khách:

- Cảng Bà Lụa (TP. Thủ Dầu Một);

- Cảng Bạch Đằng (TP. Tân Uyên);

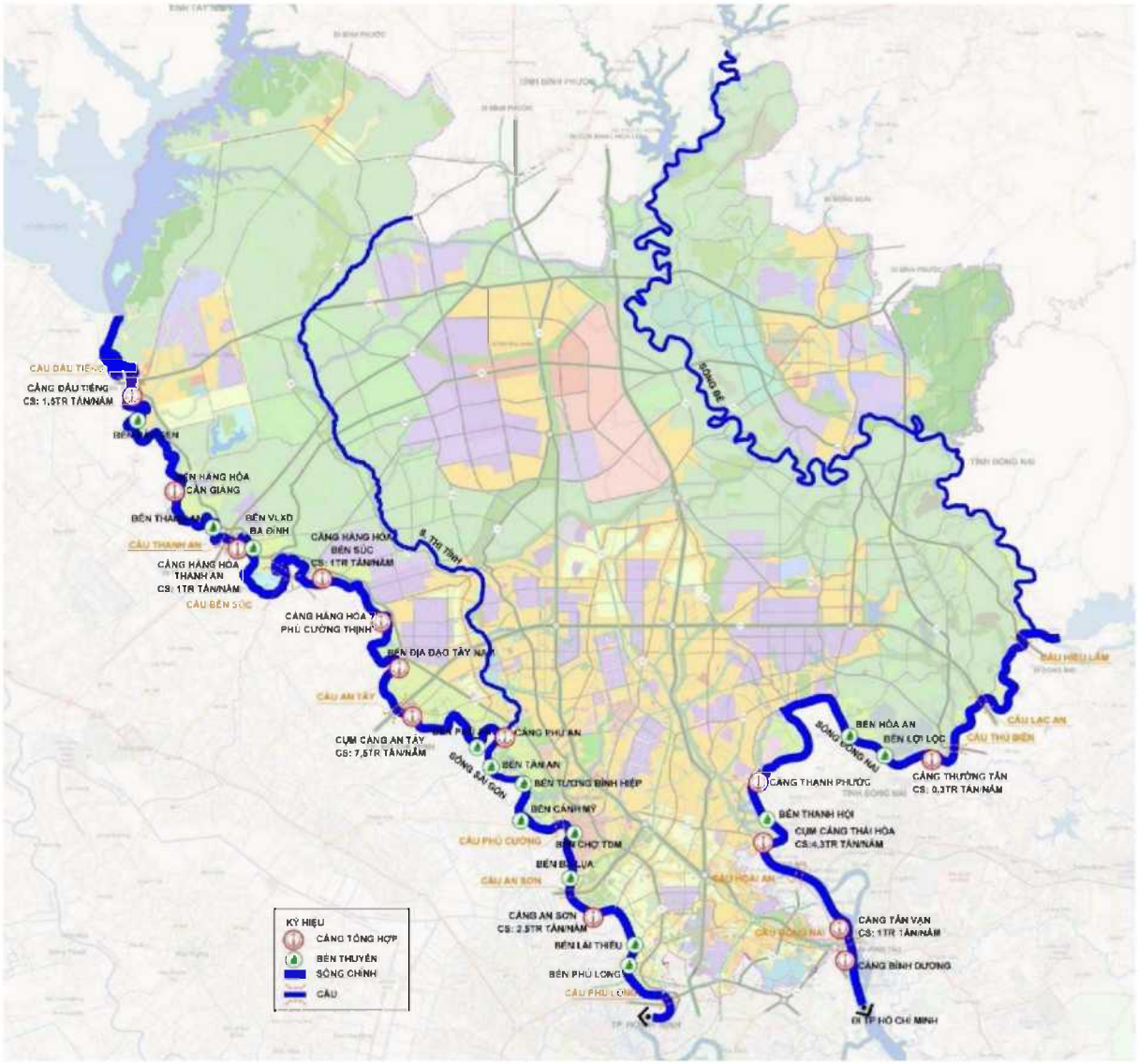
- Trên địa bàn tỉnh có 32 bến hành khách, trong đó:

+ Trên sông Sài Gòn có 21 bến; 01 bến trên rạch Vĩnh Bình;

+ Sông Đồng Nai có 04 bến;

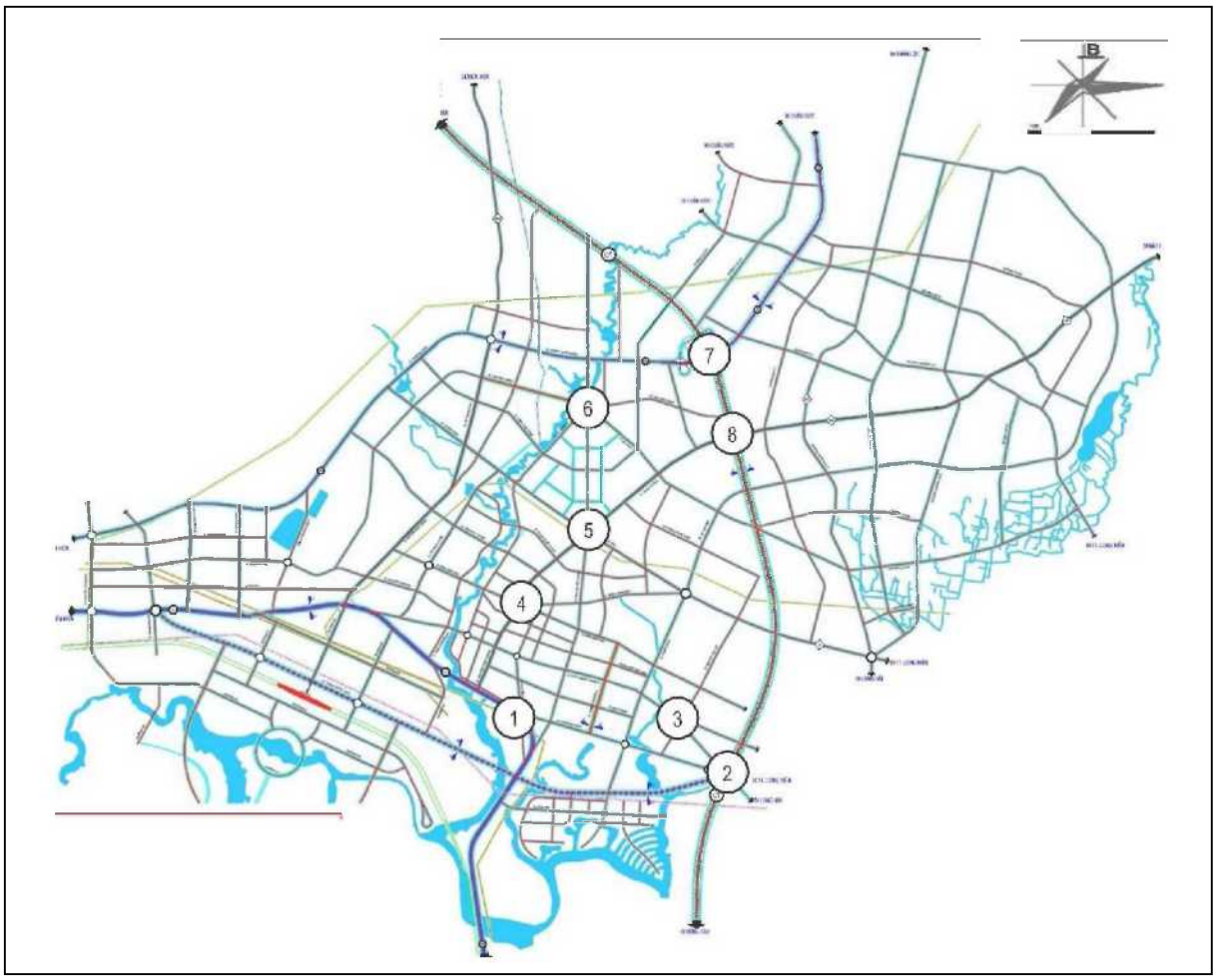
+ Sông Thị Tính có 05 bến;

+ Nhánh cù lao Bạch Đằng có 01 bến.



Hình 8-4: Sơ đồ hệ thống giao thông đường thuỷ nội địa tỉnh Bình Dương

III. KHU VỰC THÀNH PHỐ BÀ RỊA (CŨ)



Hình 8-5: Sơ đồ khu vực các nút giao quan trọng

Phụ lục IX

CÁC KHU VỰC CỬA NGÕ ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*Ghi chú: *Vị trí và ranh giới cụ thể các khu vực được xác định tại các pháp lý quy hoạch hiện hành. Việc bổ sung các khu vực theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này.*

5. Các khu vực cửa ngõ đô thị theo đường hàngkhông:

1.1. Cửa ngõ sân bay LongThành;

1.2. Cửa ngõ sân bay Tân Sơn Nhất.

6. Các khu vực cửa ngõ đô thị theo cảng thủy tàu quốc tế:

2.1. Cửa ngõ Bến tàu du thuyền quốc tế Mũi đèn đỏ;

2.2. Cửa ngõ Bến tàu thủy Bạch Đằng.

7. Các khu vực cửa ngõ đô thị theo ga đường sắt:

3.1. Cửa ngõ ga đường sắt cao tốc Thủ Thiêm;

3.2. Cửa ngõ ga đường sắt Hiệp Bình Chánh;

3.3. Cửa ngõ ga đường sắt Tân Chánh Hiệp;

3.4. Cửa ngõ ga đường sắt Tân Kiên;

3.5. Cửa ngõ ga đường sắt Bàu Bàng;

3.6. Cửa ngõ ga đường sắt An Bình;

3.7. Cửa ngõ ga đường sắt Nghĩa Sơn;

3.8. Cửa ngõ ga đường sắt Vĩnh Phú.

8. Các khu vực cửa ngõ đô thị theo bến xe khách liên tỉnh:

4.1. Cửa ngõ bến xe Hóc Môn;

4.2. Cửa ngõ bến xe Miền Đông- Suối Tiên;

4.3. Cửa ngõ bến xe Bus Thủ Đức;

4.4. Cửa ngõ bến xe bus Miền Tây (Tân Túc);

4.5. Cửa ngõ bến xe bus phía Nam (Qui Đức).

4.6. Cửa ngõ bến xe Bình Dương (Thủ Dầu Một);

4.7. Cửa ngõ bến xe Định Hòa (Thủ Dầu Một);

4.8. Cửa ngõ bến xe Phú Chánh (Thủ Dầu Một);

4.9. Cửa ngõ bến xe Bình Dương mới (Thuận An);

4.10. Cửa ngõ bến xe Miền Đông- Suối Tiên mới (Dĩ An);

4.11. Cửa ngõ bến xe Phú Chánh (Tân Uyên).

9. Điểm nhấn đô thị ngoại vi:

5.1. Điểm nhấn tại Khu đô thị Biển Cần Giờ;

5.2. Điểm nhấn tại Khu đô thị cảng Hiệp Phước;

5.3. Điểm nhấn tại Khu đô thị Phú Xuân;

5.4. Điểm nhấn tại Khu đô thị Mũi Đènđỏ;

5.5. Điểm nhấn tại Khu đô thị chuyển đổi TânThuận;

5.6. Điểm nhấn tại Khu đô thị TâyBắc.

10. Vùng đô thị - cảnh quan cửa ngõ

6.1. Khu di tích địa đạo Củ Chi và khu nông nghiệp công nghệ cao ở phía Bắc;

6.2. Rừng Lê Minh Xuân ở phía Tây;

6.3. Vùng đô thị sinh thái Long Phước ở phía Đông;

6.4. Vùng lõi bảo tồn sinh quyển Cần Giờ;

6.5. Khu đô thị Cần Giờ;

6.6. Khu vực điện gió ngoài khơi Tây Nam đô thị biển Cần Giờ;

6.7. Khu cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (dự kiến) ở phía Nam;

6.8. Khu vực phát triển đô thị Tân An (thành phố Thủ Dầu Một cũ);

6.9. Khu vực phát triển đô thị Chánh Mỹ (thành phố Thủ Dầu Một cũ);

6.10. Khu vực phát triển đô thị Phú Thọ (thành phố Thủ Dầu Một cũ);

6.11. Khu vực phát triển đô thị trên đường Vành Đai 3 tại cửa ngõ thành phố;

6.12. Thuận An cũ giáp với Thành phố Hồ Chí Minh);

6.13.Khu vực phát triển đô thị trên đường Vành Đai 3 tại cửa ngõ thành phố Dĩ An cũ giáp với Thành phố Hồ Chí Minh);

6.14.Khu vực phát triển đô thị trên đường Vành Đai 4 tại cửa ngõ thành phố Bến Cát cũ giáp với Thành phố Hồ Chí Minh);

6.15.Khu du lịch sinh thái Cù Lao Thạnh Hội (thành phố Tân Uyên cũ);

6.16.Khu du lịch sinh thái Cù Lao Bạch Đằng (thành phố Tân Uyên cũ);

6.17.Khu du lịch sinh thái di tích địa đạo Củ Chi mở rộng (xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng cũ);

6.18.Khu dịch vụ - du lịch sinh thái nghỉ dưỡng giải trí bán đảo Thala (xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng);

6.19.Vùng du lịch sinh thái ven hồ Dầu Tiếng;

6.20.Rừng phòng hộ núi Cậu ở phía Bắc;

6.21.Khu đô thị sinh thái vườn gắn với vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên cũ.

11. Cửa ngõ kết nối cao tốc - cầu

7.1. PhíaĐông:CầuLongThành(cửangõcaotốcđiLongThành-DầuGiây);

7.2. Phía Bắc: Cầu vượt Gò Dưa (cửa ngõ đi đường tỉnh 743 và cao tốc đi Thủ Dầu Một - Chơn Thành);

7.3. Phía Tây Bắc: Cửa ngõ Cao tốc đi Mộc Bài- Tây Ninh;

7.4. Phía Tây: Nút giao vành đai 3 và Cao tốc Bến Lức -Long Thành);

7.5. Phía Nam: Cầu Phước Khánh vượt sông Soài Rạp và Lòng Tàu (cửa ngõ cao tốc đi Đồng Nai);

7.6. Phía Tây: Cầu qua sông Sài Gòn (cửa ngõ cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02) đi từ xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng đến xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng);

7.7. Phía Tây: Cầu qua sông Sài Gòn (cửa ngõ cao tốc CT.40 đi từ nút giao Tân Vạn thuộc TP. Dĩ An cũ đến sông Sài Gòn thuộc TP. Thuận An cũ);

7.8. Phía Đông: Cầu Thủ Biên, cầu Phú Thuận (cửa ngõ cao tốc CT.41 đi từ cầu Thủ Biên, xã Thường tân, huyện Bắc Tân Uyên đến cầu Phú Thuận thuộc xã An Tây, TP. Bến Cát).

12. Cửa ngõ chính đường bộ

8.1. Phía Đông Bắc: Cầu Thị Nại và cầu Đồng Nai mới (cửa ngõ với Bình Dương, Đồng Naicũ);

8.2. Phía Bắc: Cầu Vượt ngã tư Bình Phước, giao lộ đường Quốc lộ 1(nay là đường Đỗ Mười) với Quốc lộ 13 đi Bình Dương cũ;

8.3. Phía Tây Bắc: Cửa ngõ đường tỉnh 15 đi Bình Dương- Bình Phước cũ;

8.4. Phía Tây Bắc: Cổng chào Tây Ninh- cửa ngõ đường Quốc lộ 22 (nay là Phan Văn Khải) đi Tây Ninh;

8.5. Phía Tây Nam: Nút giao Bình Trường, đường Quốc lộ 1 (nay là đường Lê Khả Phiêu) với cao tốc Bến Lức - Long Thành;

8.6. Phía Nam: cầu Ông Thìn Quốc lộ 50 (nay là đường Văn Tiến Dũng) kết nối với Cần Giuộc, Long An cũ;

8.7. Phía Bắc: Quốc Lộ 13, Quốc Lộ 13C (cữa ngõ Bình Dương cũ với tỉnh Bình Phước cũ);

8.8. Phía Nam: Quốc Lộ 1, Quốc Lộ 13 (cữa ngõ Bình Dương cũ với Thành phố Hồ Chí Minh);

8.9. Phía Đông: Quốc Lộ 56B qua cầu Hiếu Liêm kết nối xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai qua sông Đồng Nai (cửa ngõ Bình Dương cũ với tỉnh Đồng Nai);

8.10.Phía Tây: Quốc Lộ 56B (cửa ngõ Bình Dương cũ với tỉnh Tây Ninh).

13. Cửa ngõ phụ

9.1. Phía Đông: Cầu Long Thuận (đường Long Thuận nối dài đi Đồng Nai);

9.2. Phía Bắc: Cầu Bình Mỹ, Vành đai 3 đi Thuận An, Bình Dương cũ;

9.3. Phía Bắc: Cầu Phú Cường, đi Thủ Dầu Một, Bình Dương;

9.4. Phía Tây Bắc: Nút giao Vành đai 4 với Kênh Xáng đi Long An cũ;

9.5. Phía Tây: Nút giao đường Trần Văn Giàu với Kênh Xáng đi Thị trấn Đức Hòa, Long An cũ;

9.6. Phía Tây: Nút giao đường Võ Văn Kiệt nối dài với Vành đai 3 đi huyện Bến Lức, Long An cũ;

9.7. Phía Nam: Nút giao đường Nguyễn Văn Tạo với Vành đại 4;

9.8. Phía Nam: Cầu theo đường Đặng Như Lâm sang Phan Văn Đáng, Đồng Nai cũ;

9.9. Phía Nam: Phà Cát Lái đi Nhơn Trạch, Đồng Nai cũ;

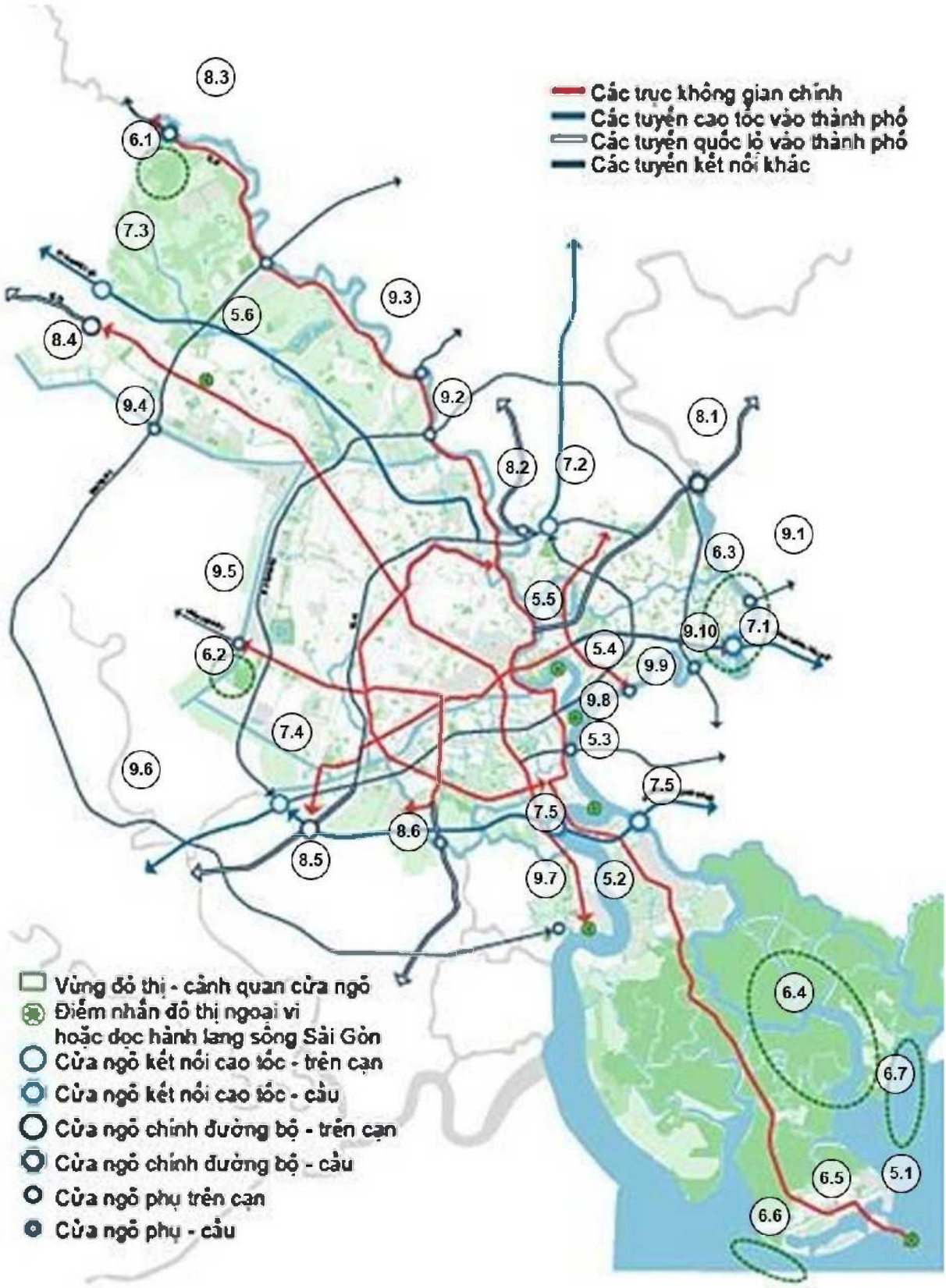
9.10. Phía Đông Nam: Cầu Nhơn Trạch, Vành đai 3 đi Nhơn Trạch, Đồng Nai cũ;

9.11.Phía Bắc: ĐT.744B, ĐT.748, ĐT.749B, ĐT.748C, ĐT.748B, ĐT.741C, ĐT.750E, ĐT.750F;

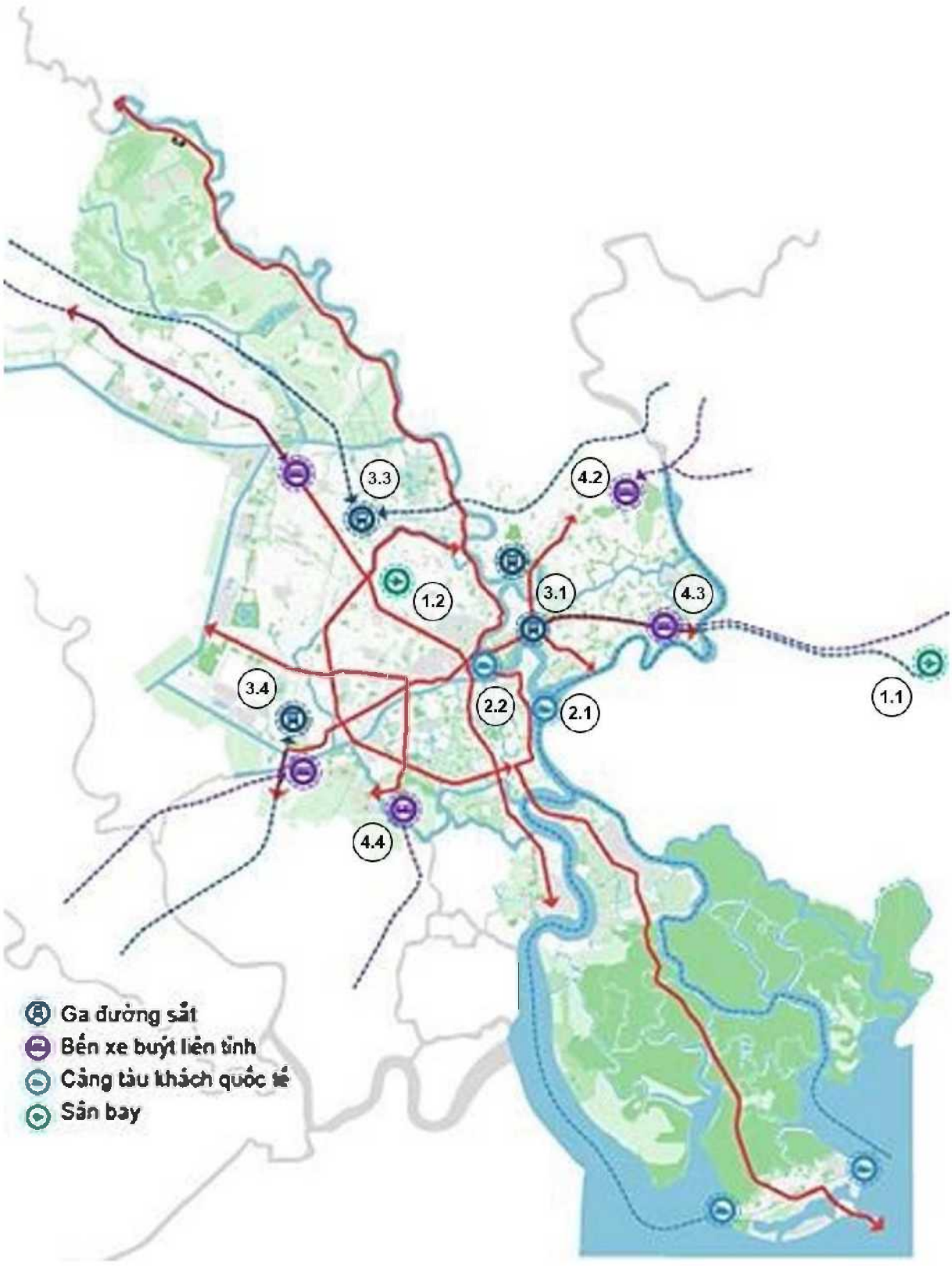
9.12.Phía Nam: Quốc Lộ 1K, ĐT.743B (cữa ngõ Bình Dương cũ với Thành phố Hồ Chí Minh);

9.13.Phía Đông: Quốc Lộ 1K, Vành Đai 3.5, ĐT.743, ĐT. 746G (cửa ngõ Bình Dương cũ với tỉnh Đồng Nai);

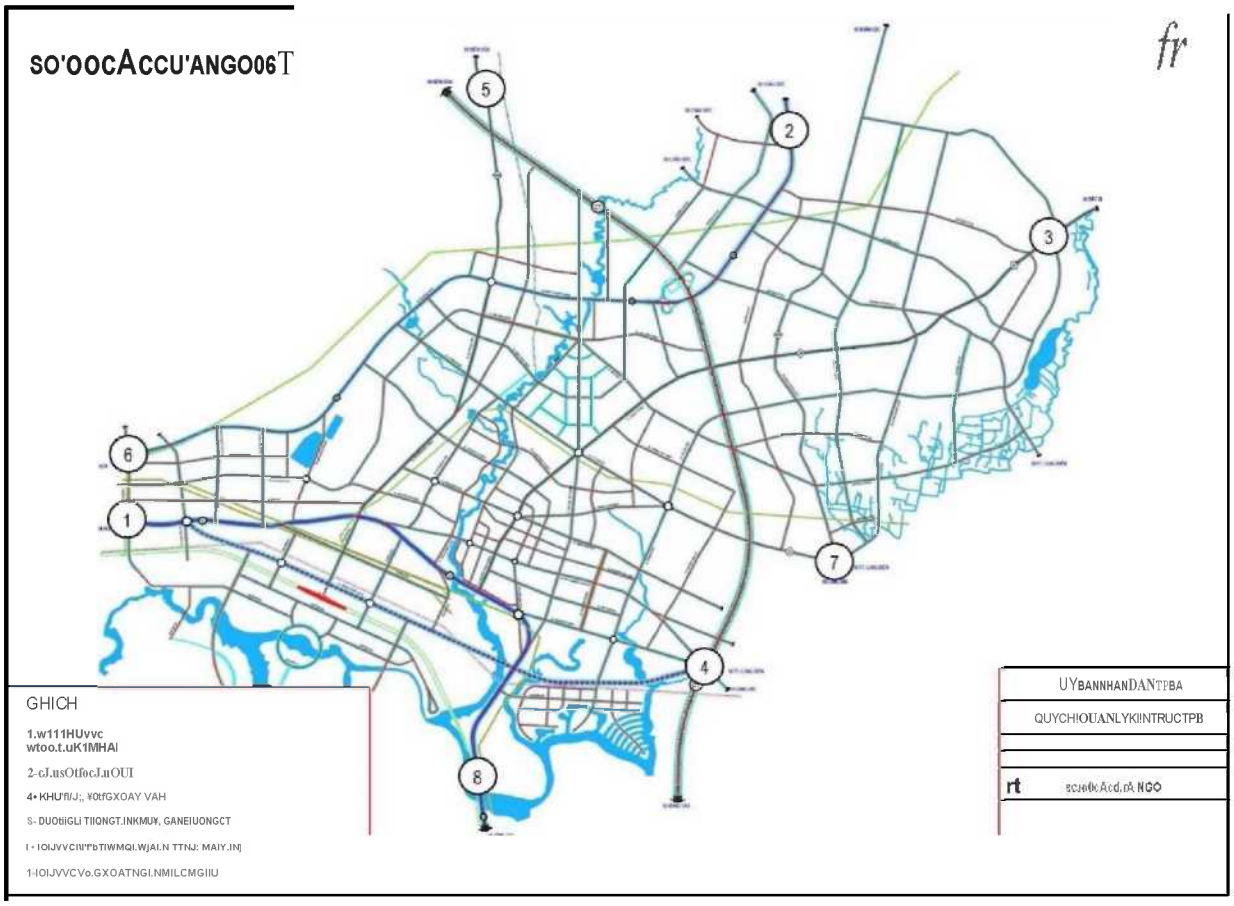
9.14.Phía Tây: ĐT.746, ĐT.479E, ĐT.749F, ĐT.750 (cửa ngõ Bình Dương cũ với tỉnh Tây Ninh).



Hình 9-1: Sơ đồ vị trí các khu vực cửa ngõ đô thị



Hình 9-2: Các cửa ngõ đường bộ và các cửa ngõ giao thông công cộng (trích tại trang 391- Thuyết minh Điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh, Tập 1, Không gian- Sau BCTD)



Hình 9-3:Sơ đồ vị trí các cửa ngõ khu vực thành phố Bà Rịa (cũ)

Phụ lục X

CÁC KHU VỰC DỰ KIẾN LẬP THIẾT KẾ ĐÔ THỊ RIÊNG

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*Ghi chú: *Vị trí và ranh giới cụ thể các khu vực dự kiến lập Thiết kế đô thị riêng được xác định tại các pháp lý quy hoạch hiện hành. Việc bổ sung các khu vực theo yêu cầu quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này.*

I.KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (CŨ)

1. Dọc 4 tuyến Bắc- Nam hình thành khung đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (*Hình 10-1*):

a) Hai bên Tuyến ven sông - hướng biển:

Từ Địa đạo Củ Chi - dọc sông Sài Gòn - đến Huỳnh Tấn Phát- dọc đường Rừng Sác- Khu đô thị biển Cần Giờ.

Là hành lang đặc biệt quan trọng dọc sông Sài Gòn, định hình hình ảnh phát triển mới của Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

b) Hai bên Tuyến di sản trung tâm:

Quốc lộ 22 - Trường Chinh - Cách mạng tháng 8 - Nguyễn Hữu Thọ. Kết nối các trung tâm ngoại thành Củ Chi và Nhà Bè về phía Bắc và phía Nam, xuyên qua lõi đô thị lịch sử.

c) Tuyến nội đồng:

Dọc theo Tỉnh lộ 10 - Vành đai 2 - trục qua Long An (song song Quốc lộ 50).

Kết nối các khu vực cảnh quan nông nghiệp và đô thị trên nền nông nghiệp về phía Tây. Với đặc trưng trên, có thể kết hợp thiết kế đô thị đường phố với hạ thống hạ tầng xanh ở dải phân cách, phục vụ thoát nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và song song đó tạo ra cảnh quan đặc trưng riêng.

d) Tuyến sáng tạo:

Quốc lộ 13 - Vành Đai 2 - trục động lực phát triển mới phía Tây Cần Giờ.

Kết nối các trung tâm mới của thành phố Thủ Đức cũ, là cơ hội để phát triển một hành lang sôi động với các chức năng đô thị kết hợp với giáo dục - đào tạo, và sản xuất ngay trên mặt tiền tuyến phố.

2. Dọc 3 tuyến Đông- Tây hình thành trục xanh cảnh quan của đô thị (*Hình*

10-1):

a) Hai bên trục Đại lộ Nguyễn Văn Linh

b) Dọc đại lộ Mai Chí Thọ - Võ Văn Kiệt - nối vào Vành Đai 3

Dọc theo đại lộ Võ Văn Kiệt và Mai Chí Thọ, song song với Kênh Đôi và Rạch Chiếc. Tuyến Đông-Tây, gắn liền với các con kênh lịch sử có độ rộng vừa phải, gắn liền với trải nghiệm con người, tuyến chính là hành lang vận tải đường thủy lịch sử vận chuyển hàng hóa nông nghiệp của cả vùng đồng bằng rộng lớn đến Sài Gòn - Chợ Lớn, làm nên bản sắc "trên bến dưới thuyền".

c) Trần Đại Nghĩa - sân bay Long Thành

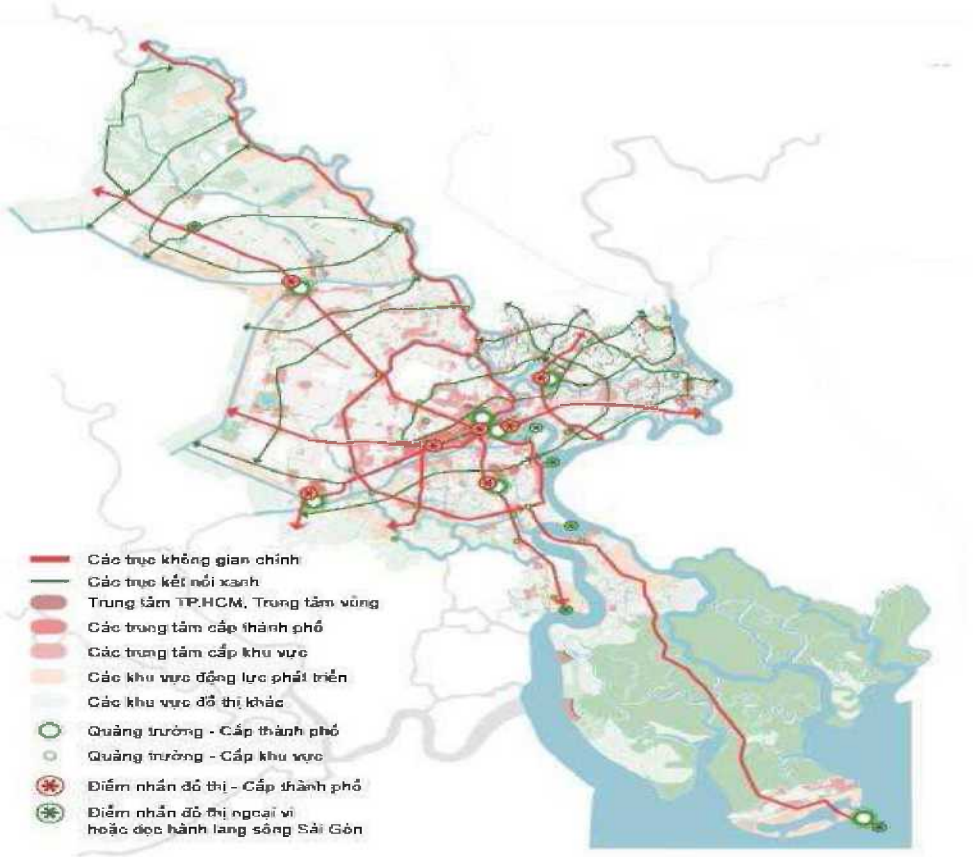
Hình thành trục kết nối mới ven biển phía Nam từ Tiền Giang qua Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh đến Bà Rịa Vũng Tàu - Đồng Nai cũ, phục vụ phát triển kinh tế biển".

3. Dọc 2 tuyến vành đai:

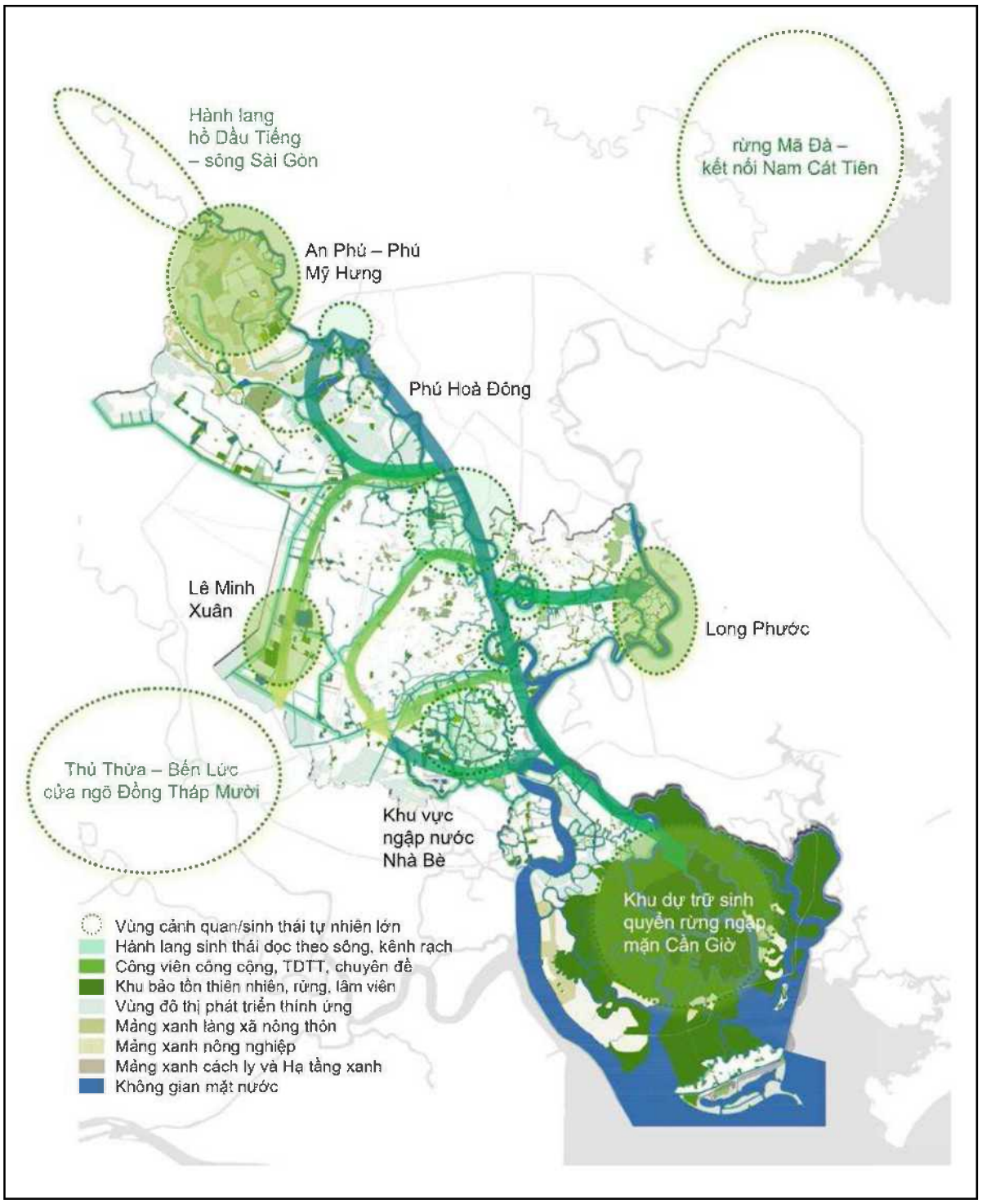
a) Tuyến vòng cung vành đai 1

Dọc trục Quốc lộ1A (xa lộ Đại Hàn).

Đây là trục phân định ranh giới của phân khu đô thị trung tâm hiện hữu.



Hình 10-1:Khung đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)



Hình 10-2:Trục cảnh quan đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)

II. KHU VỰC TỈNH BÌNH DƯƠNG (CŨ)

Tuyến Quốc Lộ 13: Quốc lộ 13 là tuyến giao thông huyết mạch, kết nối Campuchia - Bình Phước - Bình Dương - Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời nối liền Bình Dương với các cảng lớn như Cát Lái và Cái Mép. Đoạn tuyến qua Bình Dương thuộc mạng lưới đường bộ ASEAN (AH17: Đà Nẵng - Vũng Tàu), giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo trục Bắc - Nam, kết nối Bình Dương với vùng Tây

Nguyên và các tỉnh thuộc vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến Mỹ Phước - Tân Vạn: Tuyến đường này đóng vai trò là trục giao thông quan trọng, kết nối các quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị phía Nam tỉnh Bình Dương, hình thành các hành lang đô thị - dịch vụ hỗn hợp cao tầng.

III. KHU VỰC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU (CŨ)

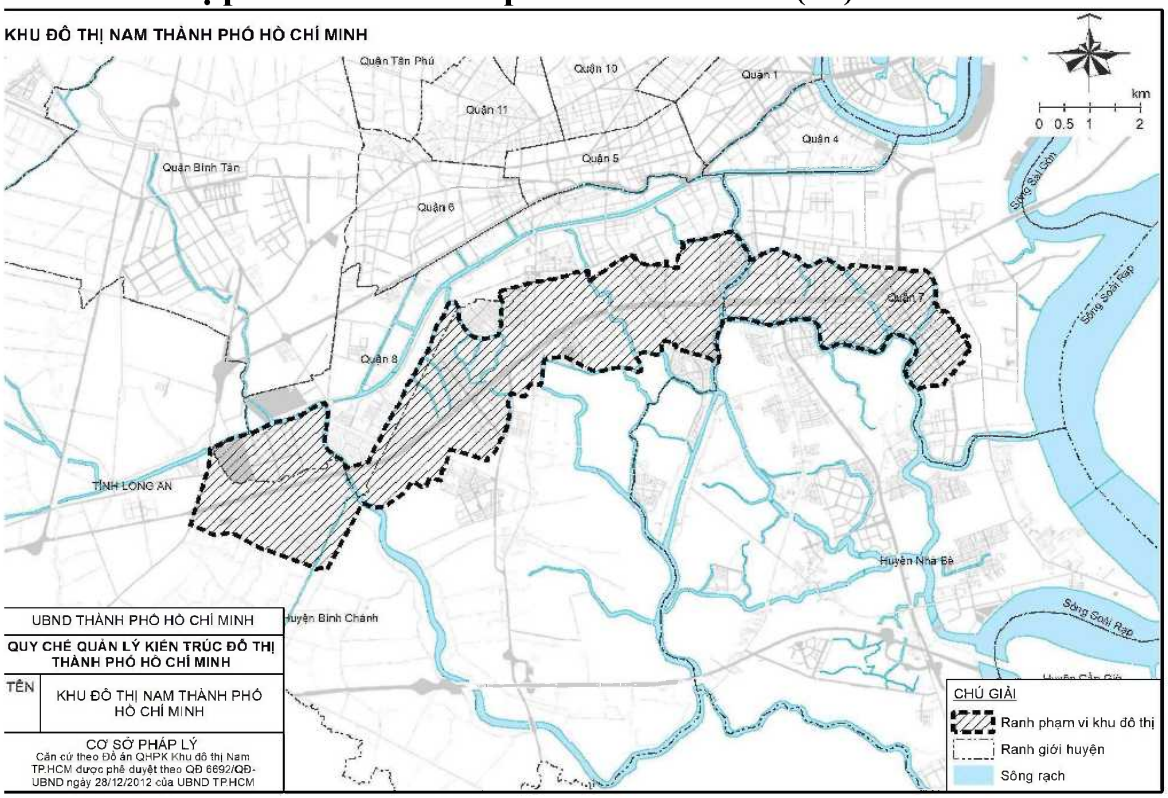
(*Xác định trong các Phụ lục XXVII, XXVIII, XXIX, XXX*)

Phụ lục XI

CÁC KHU ĐÔ THỊ MỚI

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

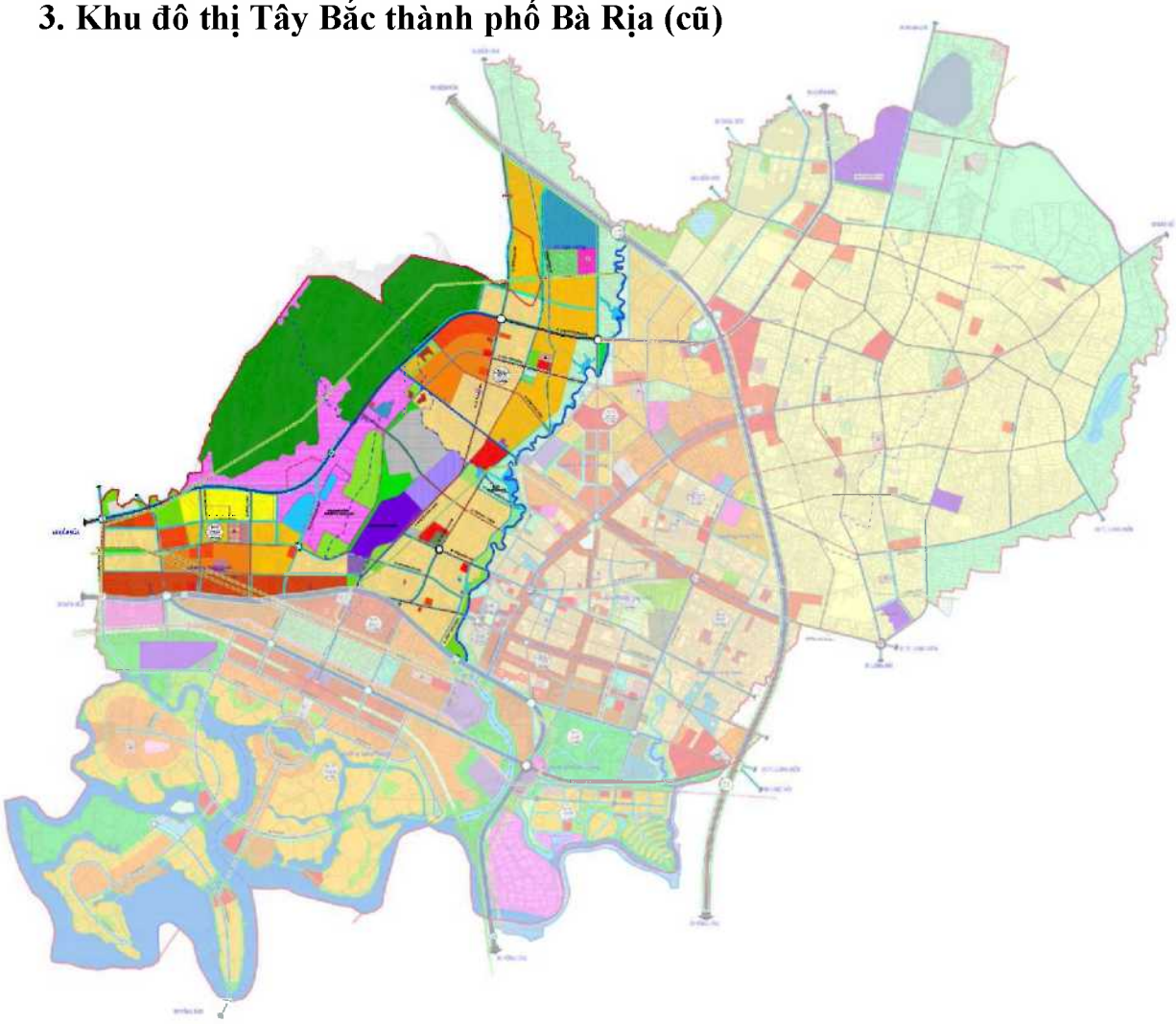
1. Khu đô thị phía Nam Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)



2. Khu đô thị Tây Nam thành phố Bà Rịa (cũ)



3. Khu đô thị Tây Bắc thành phố Bà Rịa (cũ)



Phụ lục XII

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI KHU VỰC KHU NỘI THÀNH CŨ (ĐỊA BÀN QUẬN 1, 3, 4, QUẬN BÌNH THẠNH - KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU THÀNH PHỐ CŨ) CÓ QUY MÔ 930HA

(Kèm theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I.QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khu vực áp dụng

- Phía Đông: sông Sài Gòn;

- Phía Tây: đường Đinh Tiên Hoàng, đường Võ Thị Sáu, đường Cách Mạng Tháng Tám;

- Phía Nam: đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Cống Quỳnh, đường Nguyễn Cư Trinh, đường Nguyễn Thái Học, cầu Ông Lãnh, đường Vĩnh Phước, đường Hoàng Diệu và đường Nguyễn Tất Thành;

- Phía Bắc: đường Nguyễn Hữu Cảnh, rạch Thị Nghè.

(Ranh giới khu vực áp dụng tính đến tim đường và tim sông)

Khu vực quy hoạch có diện tích khoảng 930ha, bao gồm các quận, phường như sau:

- Quận 1: các phường Nguyễn Thái Bình, phường Bến Thành, phường Bến Nghé, phường Phạm Ngũ Lão, một phần phường Cầu Ông Lãnh, một phần phường Đa Kao.

- Quận 3: phường Võ Thị Sáu (Phường 6 và một phần Phường 7 cũ);

- Quận 4: các Phường 9, 12, 13, 18;

- Quận Bình Thạnh: Phường 22 và một phần Phường 19;

2. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc

- Căn cứ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Tỷ lệ 1/2000 (Quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha) được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (UBND Thành phố) phê duyệt tại Quyết định số 6708/QĐ - UBND ngày 29/12/2012.

- Đối với các dự án đã được UBND Thành phố chấp thuận chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc trước khi Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Tỷ lệ 1/2000 (Quy

hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha) được phê duyệt, khi thực hiện đầu tư xây dựng sẽ căn cứ trên các chỉ tiêu đã được chấp thuận, trong trường hợp dự án có thay đổi (về chức năng, ranh đất…) thì áp dụng theo định hướng đã được chấp thuận hoặc xác định theo Đồ án Quy hoạch phân khu Tỷ lệ 1/2000 và quy định tại Phụ lục này, nhằm tạo sự đồng bộ về kiến trúc cảnh quan với các công trình lân cận, các trường hợp này cần báo cáo trình UBND Thành phố xem xét quyết định.

- Đối với các công trình xây dựng trong khu vực đã có định hướng không gian kiến trúc đô thị được UBND Thành phố chấp thuận (dưới hình thức đã ban hành Quy chế trước đây, chấp thuận văn bản đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, đã có các công trình được UBND Thành phố chấp thuận chỉ tiêu theo định hướng kiến trúc trục đường) cần đảm bảo các chỉ tiêu kiến trúc công trình đã nêu tại định hướng như số tầng cao, các khoảng lùi, cao độ chuẩn tại các vị trí chỉ giới xây dựng, cao độ tối đa, hình thức mái, … nhằm tạo sự đồng bộ về kiến trúc cảnh quan. Các chỉ tiêu khác (hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng) phải tuân thủ theo Đồ án Quy hoạch phân khu Tỷ lệ 1/2000 (QHPK) được duyệt và những quy định cụ thể tại Phần II Quy định cụ thể.

II.QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Quy định về Hệ số Sử dụng đất công trình

- Hệ số Sử dụng đất (HSSDĐ) tối đa của từng lô đất (V) được quy định ở Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Tỷ lệ 1/2000 (QHCT XDĐT TL 1/2000) Khu trung tâm hiện hữu Thành phố (930ha) và Phần IV - Quy định cụ thể từng ô phố.

- Các dự án đã được UBND Thành phố chấp thuận chỉ tiêu trước khi Đồ án QHCT XDĐT TL 1/2000 Khu trung tâm hiện hữu Thành phố (930ha) được phê duyệt nếu có thay đổi chức năng và ranh đất trong trường hợp xác định lại chỉ tiêu theo đồ án QHPK thì hệ số sử dụng đất tối đa lô đất (V) lấy tương đồng với hệ số sử dụng đất quy định (V) của các ô phố lân cận trong đồ án.

- Trong trường hợp dự án xây dựng đạt được một hoặc nhiều điều kiện ưu tiên (được liệt kê cụ thể sau đây) sẽ được cộng thêm phần hệ số sử dụng đất ưu đãi theo từng điều kiện. Tuy nhiên tổng HSSDĐ của một lô đất không quá 10.

- Các điều kiện ưu tiên tăng HSSDĐ bao gồm các trường hợp sau: *(Hình 12-1)*

a) Tạo không gian mở công cộng (áp dụng cho toàn bộ khu vực quy hoạch): Khi một công trình xây dựng phát triển bố trí không gian mở công cộng (dưới dạng quảng trường, công viên… mà người dân có thể tiếp cận vào bất kỳ lúc nào) với quy mô từ 30% diện tích khu đất trở lên, thì HSSDĐ được tăng thêm theo cách tính sau:

HSSDĐ quy định (V) + 1,0 hoặc 0,25V (sử dụng phương án có hệ số sử dụng đất thấp hơn).

Không gian mở do Nhà đầu tư xây dựng như điều kiện ưu đãi cần phải đáp ứng những yêu cầu sau:

- Đảm bảo người dân có thể tiếp cận và thụ hưởng.
- Việc gìn giữ/bảo dưỡng không gian mở thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư.

b) Kết nối đầu mối giao thông công cộng (áp dụng cho toàn bộ khu vực quy hoạch):

Khi trong khuôn viên công trình có bố trí trạm xe buýt (có văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải, nay là Sở Xây Dựng TP.HCM) hoặc công trình xây dựng có kết nối trực tiếp bằng hành lang đi bộ, đường ngầm, cầu đi bộ (đáp ứng được các yêu cầu xây dựng không có rào chắn, thân thiện với người tàn tật) thì HSSDĐ được tăng thêm theo cách tính sau: HSSDĐ (V) +1,0 hoặc 0,25V (sử dụng phương án có hệ số sử dụng đất thấp hơn).

c) Bảo tồn công trình kiến trúc lịch sử (áp dụng cho toàn bộ khu vực quy hoạch):

Khi dự án đầu tư phát triển tiến hành bảo tồn công trình kiến trúc lịch sử (thuộc danh mục theo các Quyết định được UBND Thành phố phê duyệt hoặc được các cơ quan có thẩm quyền thống nhất là công trình cần bảo tồn) nằm trong khuôn viên dự án thì HSSDĐ áp dụng cho công trình xây dựng mới trong khuôn viên dự án đó có thể được xem xét gia tăng như sau: HSSDĐ (V) + 1,0 hoặc 0,25V (sử dụng phương án có hệ số sử dụng đất thấp hơn).

d) Thân thiện với môi trường (áp dụng cho toàn bộ khu vực quy hoạch):

Khi công trình xây dựng mới được thiết kế và xây dựng vận hành với các giải pháp thân thiện với môi trường thì hệ số sử dụng đất được tăng thêm theo cách tính sau: thì hệ số sử dụng đất được tăng thêm theo cách tính sau: hệ số sử dụng đất (V) + 1,0 hoặc 0,25V (sử dụng phương án có hệ số sử dụng đất thấp hơn). Tiêu chí xem xét thể hiện ở Phụ lục XX do cơ quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và Cấp phép xây dựng xem xét, có ý kiến cụ thể.

e) Bố trí thêm công viên trong dự án (áp dụng cho khu vực không có công viên)

Khi dự án đầu tư xây dựng bố trí một không gian để làm công viên công cộng hoặc Không gian có chức năng như công viên (có ít nhất 20% diện tích cây xanh và đảm bảo khả năng tiếp cận của người dân về không gian cũng như thời gian). Đồng thời diện tích công viên đó phải thuộc sự vận hành và quản lý của nhà nước, thì

HSSDĐ được tăng thêm theo cách tính sau:

Tùy vào diện tích không gian của công viên hoặc tương tự công viên được bố trí (G):

- Nếu G từ 1.000m^2 trở lên: (V) + 2,0
- Nếu G từ 500m2 đến dưới 1.000m^2: (V) + 1,0

f) Thuộc Khu vực khuyến khích cải tạo chỉnh trang đô thị (áp dụng cho các ô phố đáp ứng là khu vực khuyến khích cải tạo chỉnh trang đô thị):

Nếu một dự án đầu tư xây dựng chỉnh trang có quy mô từ 1.000m^2 trở lên và phủ ít nhất 50% diện tích *khu vực khuyến khích cải tạo chỉnh trang đô thị trong ô phố* thì HSSDĐ được tăng thêm theo cách tính sau:

- Dự án thuộc Phân khu 1: HSSDĐ quy định (V) + 3,0 hoặc 0,75V (sử dụng phương án có hệ số sử dụng đất thấp hơn);
- Các phân khu khác: HSSDĐ quy định (V) + 2,0 hoặc 0, 5V (sử dụng phương án có hệ số sử dụng đất thấp hơn).

g) Kích thước và hình dáng lô đất phù hợp:

Nếu dự án thực hiện trên lô đất thỏa những điều kiện về hình dạng, kích thước dưới đây:

Có hình dạng vuông vắn, (hình vuông, chữ nhật, có thể là hình thang hoặc hình đa giác nhưng có các cạnh vuông góc với nhau, không có hơn 1 góc nhọn ($\geq$ 60 độ)

Có kích thước có thể bao phủ kích thước tối thiểu dưới đây hoặc đảm bảo kích thước một cạnh và có diện tích khuôn viên tối thiểu bằng diện tích bao phủ:

- Dự án thuộc Phân khu 1: 20 x 25m;
- Dự án thuộc Phân khu 2: 25 x 25m;
- Dự án thuộc Phân khu 4: 25 x 25m;
- Dự án thuộc Phân khu 5: 20 x 25m.

Thì HSSDĐ (V) có thể được gia tăng 1.0 hoặc 0.25V (sử dụng phương án có hệ số sử dụng đất thấp hơn).

Có thể hợp khối xây dựng công trình với lô đất kế cận để đạt chuẩn hình dáng lô đất phù hợp (xây dựng thành 01 khối công trình có hình thức kiến trúc thống nhất), nhưng cần đạt điều kiện sau:

- Diện tích của từng lô đất dự kiến hợp khối không nhỏ hơn 50% diện tích lô đất

theo tiêu chí "lô đất có kích thước hình dáng phù hợp". Diện tích của từng lô đất dự kiến hợp khối không được chênh lệch nhau quá 1,5 lần. Hình dáng và diện tích của khu đất sau khi kết hợp các khu đất đề nghị hợp khối phải đảm bảo tiêu chí "lô đất có kích thước hình dáng phù hợp";

•Cần có phương án sơ bộ tổng mặt bằng và mặt đứng hợp khối;

•Các chủ sở hữu quyền sử dụng đất phải có cam kết chính thức thống nhất việc hợp khối và phương án hợp khối nêu trên.

h) Lô đất giáp đường có lộ giới lớn:

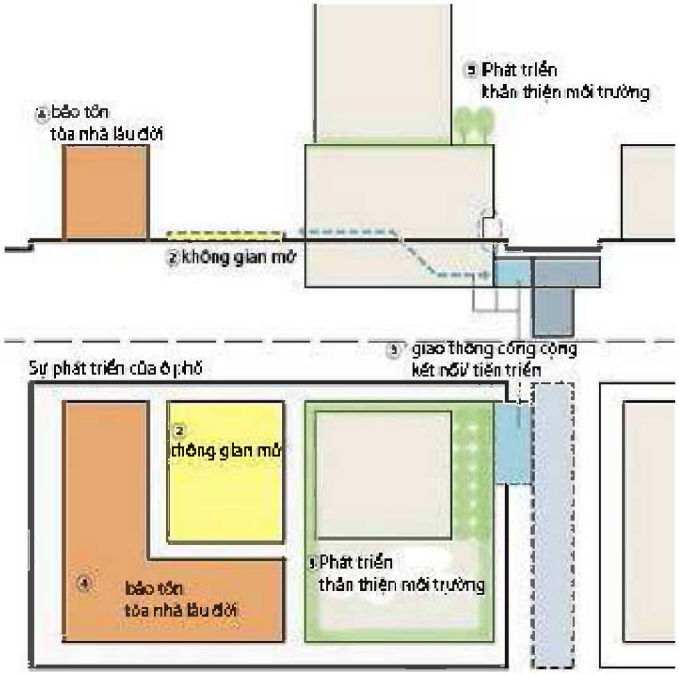
Nếu một lô đất tiếp giáp đường có lộ giới ≥ 16m (đảm bảo điều kiện kết nối giao thông), có chiều cao xây dựng thấp hơn 4 lần so với chiều rộng công trình, không vượt quá chiều cao tối đa quy định theo Quy chế hoặc Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất (trường hợp dự án bao gồm cả ô phố hoặc 1 phần ô phố), thì HSSDĐ (V) có thể được gia tăng thêm 0,5.

Nếu một lô đất tiếp giáp đường có lộ giới ≥ 20m (đảm bảo điều kiện kết nối giao thông), có chiều cao xây dựng thấp hơn 4 lần so với chiều rộng công trình, không vượt quá chiều cao tối đa quy định theo Quy chế hoặc Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất (trường hợp dự án bao gồm cả ô phố hoặc 1 phần ô phố), thì HSSDĐ (V) có thể được gia tăng thêm 0,75.

Nếu một lô đất tiếp giáp đường có lộ giới ≥ 30m (đảm bảo điều kiện kết nối giao thông), có chiều cao xây dựng thấp hơn 4 lần so với chiều rộng công trình, thì HSSDĐ (V) có thể được gia tăng thêm 1,0.

i) Hợp thửa các lô đất dạng nhà liên kế:

Các lô đất dạng nhà liên kế có diện tích tối thiểu 200m^2 và bao gồm tối thiểu 02 căn nhà phố mặt tiền đường trở lên (tổng bề ngang tối thiểu 10m), đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho một tổ chức, cá nhân xây dựng thành một công trình thì HSSDĐ (V) có thể được gia tăng 1.0 hoặc 0.25V (sử dụng phương án có hệ số sử dụng đất thấp hơn).



Hình 12-1 Minh họa một số trường hợp được gia tăng HSSDĐ

Ví dụ một lô đất thuộc Phân khu 1, có HSSDĐ tối đa quy định theo ô phố (V) là 3,0. Nếu dự án không có điều kiện ưu tiên nào thì HSSDĐ tối đa của dự án là 3,0.

Trường hợp dự án này có diện tích khu đất 1200m^2, ranh giới dự án phủ lên hơn 50% diện tích Khu vực khuyến khích chỉnh trang đô thị (trường hợp ưu tiên 6); đồng thời dành ra 400m^2 tạo quảng trường công cộng (trường hợp ưu tiên 1), khu đất có hình chữ nhật vuông vắn, kích thước là 30x30m (trường hợp ưu tiên 7). Khi đó HSSDĐ tối đa dự án được xác định như sau: HSSDĐ = 3,0(V) + 2,25 (trường hợp ưu tiên 6) + 0,75 (trường hợp ưu tiên 1) + 0,75 (trường hợp ưu tiên 7) = 6,75.

2. Quy định về chiều cao công trình

- Chiều cao tối đa tại chỉ giới xây dựng và chiều cao tối đa công trình không được vượt quá chiều cao quy định tại phần IV Quy định cụ thể cho từng ô phố và đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (bản vẽ thiết kế đô thị và bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất).

- Ngoài quy định trên, chiều cao công trình còn phải đảm bảo các điều kiện sau (diện tích, kích thước lô đất, lộ giới đường, hẻm):

+ Chiều cao tối đa ≥ 100m: trường hợp chỉnh trang toàn ô phố hay một phần ô phố, diện tích khu đất tối thiểu ≥ 1.000m^2, chiều rộng lô đất ≥ 25m, tiếp giáp trục đường chính lộ giới ≥ 20m.

+ Chiều cao tối đa 70m diện tích lô đất tối thiểu ≥ 500m^2 chiều rộng lô đất ≥ 20m, tiếp giáp trục đường chính lộ giới ≥ 20m.

+ Chiều cao tối đa 50m diện tích lô đất tối thiểu ≥ 300m^2 và chiều rộng lô đất ≥ 16m, tiếp giáp trục đường lộ giới ≥ 16m.

+ Chiều cao tối đa tại chỉ giới xây dựng theo bản vẽ các ô phố đính kèm tại phần IV Quy định cụ thể cho từng ô phố:

+ Chiều cao tối đa tại chỉ giới xây dựng 25m áp dụng cho tất cả các lô đất có diện tích không nhỏ hơn 36m^2, có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng không nhỏ hơn 3,0m, nằm trên các trục đường có lộ giới ≥ 16m.

+ Chiều cao tối đa tại chỉ giới xây dựng 20m áp dụng cho tất cả các lô đất có diện tích không nhỏ hơn 36m^2, có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng không nhỏ hơn 3,0m, nằm trên trục đường hoặc hẻm có lộ giới L≥12m.

+ Chiều cao tối đa tại chỉ giới xây dựng 17m áp dụng cho tất cả các lô đất thuộc hẻm ≥ 7m, diện tích lô đất không nhỏ hơn 36m^2, có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng không nhỏ hơn 3,0m.

+ Chiều cao tối đa tại chỉ giới xây dựng 15m áp dụng cho tất cả các lô đất thuộc hẻm từ ≥ 4,0m đến nhỏ hơn 7m, diện tích lô đất không nhỏ hơn 36m^2, có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng không nhỏ hơn 3,0m.

+ Chiều cao tối đa tại chỉ giới xây dựng 13m áp dụng cho tất cả các lô đất thuộc hẻm < 4,0m, diện tích lô đất không nhỏ hơn 36m^2, có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng không nhỏ hơn 3,0m.

- Trường hợp các lô đất nhỏ hơn 36m^2 khuyến khích điều kiện hợp khối kiến trúc (đạt đủ chuẩn diện tích) các khu đất lân cận. Trường hợp không đủ chuẩn hợp khối kiến trúc được phép sửa chữa theo quy mô số tầng hiện hữu hoặc xây dựng với chiều cao công trình tối đa 13m.

- Trường hợp lô đất nằm trong vùng có chiều cao quy định (tại phần IV Quy định cụ thể từng ô phố) khác so với các điều kiện trên thì sử dụng chiều cao nào thấp hơn.

- Trường hợp dự án không có nhu cầu xây dựng đến chiều cao cho phép thì sử dụng các mức thấp hơn kế tiếp.

- Trường hợp dự án cải tạo toàn ô phố hoặc có diện tích > 3.000m^2, chiều rộng lô đất ≥ 30m thì dự án có thể đạt được chiều cao tối đa của ô phố quy định tại bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

- Các công trình thuộc khu vực quy hoạch xây dựng cao tầng, trường hợp chủ đầu tư muốn xây dựng thấp tầng thì cần có phương án kiến trúc phù hợp kiến trúc

cảnh quan khu vực và cần phải được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

- Các ô phố ưu tiên chỉnh trang thực hiện dự án cao tầng, những công trình trong ô phố này nếu có nhu cầu xây dựng chỉ xem xét cải tạo xây dựng theo quy mô hiện trạng.

- Đối với dạng công trình có khối đế và khối tháp, chiều cao khối đế được quy định tại phần IV Quy định cụ thể từng ô phố hoặc các khu vực đặc biệt. Tại các ô phố không có quy định cụ thể về chiều cao khối đế và khối tháp, nếu xây dựng dạng công trình này, chiều cao khối đế là 25m trên các trục đường có lộ giới ≥ 16m, 20m trên các trục đường có lộ giới ≥ 12m, trường hợp công trình nằm kế cận một nhóm công trình liên kế để có chiều cao đồng bộ chiều cao khối đế xác định tương đương chiều cao quy định cho nhóm công trình kế cận, đảm bảo tạo nên dãy phố có chiều cao đồng bộ, nhưng không vượt quá 25m. Chiều cao khối tháp tối đa không vượt quá chiều cao ô phố quy định tại đồ án.

3. Quy định về khoảng lùi

Khoảng lùi công trình so với lộ giới:

- Phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Phù hợp với quy hoạch đường giao thông.

- Tuân thủ chỉ giới đường giao thông đã được phê duyệt tại các quyết định.

Khoảng lùi so với ranh đất trước sau và so với ranh đất bên:

- Đối với dạng nhà liên kế:

+ Tại các trục đường thương mại dịch vụ, nhà liên kế xây dựng sát với lộ giới được thiết kế có khoảng lùi tại tầng trệt, nhằm tăng diện tích công cộng và tiếp cận dịch vụ thương mại. Khoảng lùi tại trệt tối thiểu 3m so với ranh lộ giới (hoặc tùy thuộc đặc điểm thiết kế đô thị khu vực), trong khoảng lùi này không được xây dựng các vật kiến trúc khác ngoại trừ cột đỡ kết cấu sát lộ giới.

+ Lô đất có chiều dài L≥16m, không có khoảng lùi phía trước: lùi phía sau tối thiểu 2m.

+ Lô đất có chiều dài 9m ≤ L < 16m, không có khoảng lùi phía trước: lùi phía sau tối thiểu 1m.

+ Lô đất có chiều dài L< 9m khuyến khích có khoảng lùi phía sau nhưng không bắt buộc.

+ Các trục đường, khu vực tập trung phần lớn hình thức nhà liên kế thì áp dụng

theo khoảng lùi quy định nêu trên.

- Đối với dạng công trình độc lập, bán độc lập ngoài khoảng lùi so với ranh lộ giới còn có khoảng lùi so với ranh bên và ranh sau được quy định như sau:

a) Khu CBD:

- Cách ranh đất bên: 2m

- Cách ranh đất sau: 3m.

b) Khu Trung tâm Văn hóa Lịch sử và Khu lân cận lõi trung tâm, Khu vực giới hạn độ cao 100m dọc theo đường Nguyễn Thị Minh Khai và xung quanh Công Trường Quốc tế:

- Cách ranh đất bên: 2m

- Cách ranh đất sau: 2m.

c) Khu thấp tầng:

- Cách ranh đất hai bên: 2m.

- Cách ranh đất phía sau: 2m.

- Đối với các công trình có khối đế và khối tháp, khoảng lùi so với lộ giới của khối đế, khối tháp được quy định cụ thể từng ô phố. Trường hợp dạng công trình xây dựng tại các ô phố chưa có quy định khối đế, khối tháp, khoảng lùi khối đế được xác định theo quy định về khoảng lùi tại ô phố. Khoảng lùi khối tháp so với lộ giới tối thiểu phải đảm bảo theo quy chuẩn. Khoảng lùi khối đế, khối tháp so với các ranh đất sau và ranh bên cần đảm bảo tối thiểu theo quy định của công trình độc lập nêu trên tại điều này

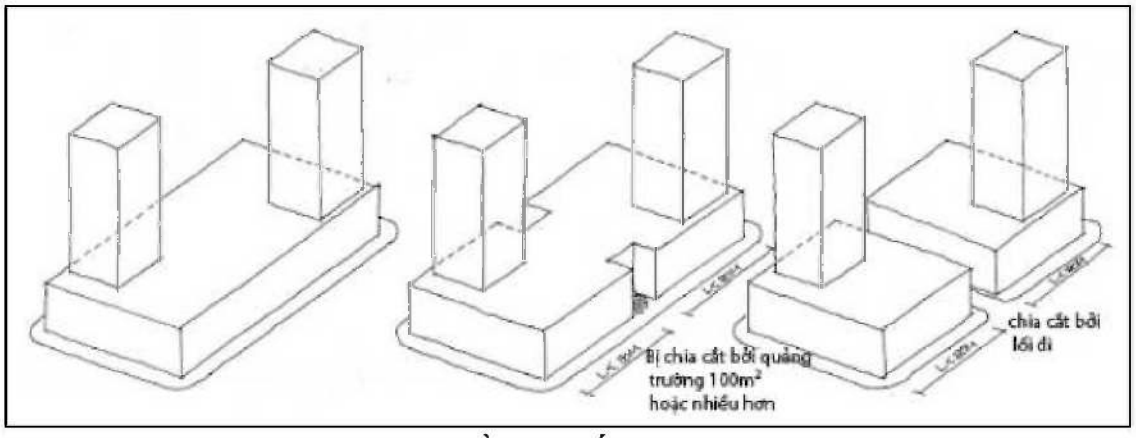
4. Quy định về mật độ xây dựng

Diện tích lô đất	$\leq 50m^2$	$\leq 80m^2$	$\leq 200m^2$	$\leq 300m^2$	$\leq 500m^2 \div 1000m^2$	$> 1000m^2$
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100%	90%	80%	75%	65 ÷ 70%	50-60% (khối tháp tối đa 40%)

Ngoài ra mật độ xây dựng cần đảm bảo các quy định khác tại Quy chế này về khoảng lùi công trình, về mật độ xây dựng theo kích thước, diện tích lô đất và loại hình kiến trúc, chức năng công trình theo quy chuẩn xây dựng.

5. Chiều dài tối đa của một dãy công trình

Chiều dài mặt tiền tối đa của một dãy công trình không được vượt quá 80m. Ở những vị trí mà mặt tiền khối nhà dài hơn 80m, cần phải tổ chức một không gian đệm với quy mô lớn hơn 100m^2, chẳng hạn như hẻm, lối đi, giếng trời hoặc quảng trường để làm giảm chiều dài dãy công trình. Diện tích không gian đệm này có thể nhỏ hơn 100m^2 nếu bố trí các khoảng ngắt rộng ≥ 4m để phá vỡ tính liên tục của dãy công trình. *(Hình 12-2)*



Hình 12-2 Chiều dài tối đa của một dãy công trình

6. Mái che, ban công, ô văng

- Các tòa nhà nhìn ra công viên hoặc quảng trường phải được thiết kế hành lang đi bộ.

- Nếu công trình nằm trên đường trục chính phải thiết kế mái đua che lối đi.

- Khu vực vỉa hè đi bộ trong các khu công trình tập trung hoặc khu vực xây dựng quy mô lớn phải có các sảnh đi bộ.

- Các thiết kế này nếu bố trí bên trong tòa nhà thì mặt tiền của lối vào phải sử dụng vật liệu kính.

- Độ vươn ban công, ô văng nhô ra trên không gian lộ giới phụ thuộc vào chiều rộng của lộ giới.

- Trên phần ban công vươn ra trên không gian lộ giới không được phép xây dựng thành phòng. Các hình thức trang trí mặt tiền (lam trang trí, ô kính, lan can, tay vịn, bản sàn ban công, …) không vượt quá 50% diện tích bề mặt các tầng có ban công.

- Mặt dưới ban công, ô văng phải cao hơn mặt vỉa hè hiện hữu ổn định tối thiểu 3,5m.

- Trường hợp đường (hoặc hẻm) có hệ thống đường dây điện đi nổi có quy định hành lang an toàn, việc cấp phép xây dựng ô văng, ban công phải bảo đảm các quy

định về hành lang an toàn đối với hệ thống đường dây điện.

7. Bảo tồn, cải tạo các công trình kiến trúc có giá trị

- Nghiêm cấm việc phá dỡ hoặc cải tạo không đúng cách các công trình có giá trị bảo tồn, nhằm bảo vệ tính xác thực nguyên bản và sự toàn vẹn của chúng.

- Các quy định về bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị được áp dụng cho mặt ngoài các công trình, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt. Nếu nội thất có giá trị vẫn còn tồn tại, thì chủ sở hữu được khuyến khích cố gắng bảo tồn nội thất nguyên gốc càng nhiều càng tốt.

- Bất kỳ sự tác động nào đối với các công trình có giá trị bảo tồn đã được liệt kê cũng như việc xây dựng mới trong các khu vực có giá trị lịch sử đều phải được nghiên cứu kỹ lưỡng và tiến hành dưới sự xem xét của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- Chủ sở hữu của các công trình phải thực thiện các công tác duy tu bảo trì cần thiết để tránh làm cho di tích bị hư hại. Bất kỳ báo cáo nào về sự hư hỏng của công trình do thiếu bảo dưỡng bởi chủ sở hữu sẽ không được coi là hợp lệ.

8. Quy định về điều chỉnh, bổ sung đối với các công trình bảo tồn và xây dựng trong khuôn viên công trình bảo tồn

Những nguyên tắc chung:

Bảo tồn là hành động hoặc quá trình áp dụng các biện pháp nhằm lưu giữ hình thái, sự nguyên trạng và vật liệu của một công trình hoặc cấu trúc, hình thức hiện hữu cũng như cây xanh của khuôn viên. Bất kỳ một thay đổi nào đối với các công trình có giá trị bảo tồn và việc xây dựng mới trong khu vực có tầm quan trọng về mặt lịch sử cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chức năng nguyên thủy hay chức năng mới cần được lựa chọn cho các công trình bảo tồn phải đảm bảo không gây ra bất kỳ thay đổi nghiêm trọng.

- Đảm bảo không phá hủy đặc tính lịch sử đặc trưng hoặc tính chất của công trình, khuôn viên hoặc môi trường khu vực. Không được tháo dỡ hoặc thay đổi bất kỳ chi tiết kiến trúc đặc trưng nào của công trình.

- Lưu giữ được tính tổng thể về thị giác của thiết kế bên ngoài của công trình.

- Các phần xây thêm vào các di tích văn hóa và lịch sử không được nổi bật hơn về mặt tỷ lệ, khối tích và độ cao, và đồng thời phải tương thích với công trình chính về thiết kế, màu sắc và vật liệu. Các phần cũ và mới phải kết hợp như một công trình hài hòa nhưng phải đảm bảo sự khác biệt có thể phân biệt được. Không chọn Việc

sao chép nguyên bản di tích làm thiết kế cho phần xây thêm.

- Công trình xây dựng mới nằm trong khu vực có tính lịch sử phải tương thích với không gian lịch sử của khu vực xung quanh và không sao chép lại công trình hiện hữu nào.

Quy định cho việc sửa chữa cụ thể:

Đặc điểm hình ảnh của lớp phủ mặt tường ngoài, khuôn mẫu các ô cửa sổ trên mặt đứng, các chi tiết đắp nổi dùng để trang trí tường ngoài đóng vai trò rất quan trọng và là các bộ phận cấu thành thiết kế của các công trình lịch sử. Ba đặc điểm này được kết hợp một cách cẩn thận để định hình phong cách kiến trúc và đặc điểm của tòa nhà. Do đó, cần phải duy trì sự toàn vẹn về mặt hình ảnh của các mặt tường ngoài, khuôn mẫu điển hình của các ô cửa sổ và các chi tiết trang trí khác.

- Tháo dỡ các chi tiết trang trí, đắp nổi:

+ Cấm tháo dỡ các yếu tố này của tòa nhà.

- Sửa chữa, thay thế cửa sổ:

+ Cửa sổ đóng vai trò quan trọng tạo nên sự toàn vẹn của thiết kế các công trình. Trong hầu hết các công trình lịch sử, viền cửa sổ, khung cửa và các chi tiết kiến trúc xung quanh cửa sổ được thiết kế cẩn thận như là một phần gắn kết của phong cách, tỷ lệ và đặc điểm cửa công trình. Vì vậy cần phải giữ lại kết cấu, vật liệu chi tiết và hoàn thiện, cấu tạo vận hành của cửa sổ nguyên gốc cũng như giữ gìn kích thước của ô cửa, bệ cửa, các chỉ trang trí và các viền cửa sổ. Việc sửa chữa, phục hồi được hết sức khuyến khích hơn là thay thế. Trường hợp cửa sổ đã bị hư hại không thể phục hồi thì việc thay mới phải đảm bảo các điều kiện sau:

•Chỉ thay thế khi có sự chấp thuận của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và cơ quan có thẩm quyền về văn hóa/lịch sử của TP. HCM. Để có thể tiến hành, chủ sở hữu công trình phải chuẩn bị báo cáo tình trạng hiện hữu để chứng minh khả năng sửa chữa, cải tạo không thể thực hiện được.

•Cửa sổ mới phải phù hợp với cửa sổ hiện hữu về cấu trúc, hoạt động, các cấu kiện, vật liệu và hoàn thiện.

- Thiết bị ngoài trời của hệ thống điều hòa không khí:

Khi lắp đặt các thiết bị ngoài trời của hệ thống điều hòa không khí tại phía ngoài mặt tiền của công trình có giá trị lịch sử và công trình nằm trong khu vực lịch sử đặc biệt, cần tuân theo các nguyên tắc sau:

+ Các thiết bị ngoài trời không gây cản trở về mặt thị giác đến công trình di tích

và nét đặc trưng của khu vực lịch sử.

+ Không được phép tháo dỡ các vật liệu nguyên gốc của công trình di tích. Trong trường hợp bất khả kháng, phải đảm bảo phần vật liệu bị tháo bỏ là nhỏ nhất.

- Bảng hiệu:

Bảng hiệu mới không được che phủ phần lớn mặt tiền của công trình kiến trúc lịch sử cũng như các công trình khác trong đặc khu lịch sử. Màu sắc và chất liệu của bảng hiệu phải tương thích với mặt đứng của công trình di tích và không gian của khu vực lịch sử.

- Phần bổ sung trên mái:

Không cho phép bố trí bất cứ chi tiết bổ sung nào trên mái công cộng có thể nhìn thấy được.

- Hàng rào:

+ Hàng rào là yếu tố cảnh quan quan trọng. Nếu cần phải lắp đặt hàng rào, thiết kế và màu sắc của chúng phải đảm bảo hài hòa với đặc điểm của công trình kiến trúc lịch sử hoặc Đặc khu lịch sử.

+ Các hàng rào ở ranh trước và hai bên công cộng có thể nhìn thấy được phải thiết kế đơn giản và không cản trở tầm nhìn.

+ Có thể sử dụng sắt rèn, sắt đúc, nhôm và cọc gỗ với màu sắc phù hợp để làm hàng rào ở phía trước và hai bên. Nên dùng các màu đậm như đen, nâu đậm và xanh lá đậm.

+ Cấm sử dụng dây xích hoặc dây thép gai làm hàng rào ở phía trước và hai bên. Bờ rào bằng cây xanh thấp có thể được dùng làm hàng rào cho các khu nhà ở.

+ Chiều cao tối đa của hàng rào là 2,6m, hàng rào thấp được khuyến khích sử dụng, đặc biệt cho các khu biệt thự. Nếu hàng rào có bệ tường thì chiều cao phần bệ không vượt quá 0,6m.

9. Nguyên tắc xây dựng mới trong khu vực lịch sử

Các công trình thuộc khu vực lịch sử nhưng đã được thực hiện phân loại thuộc Nhóm 3 được tháo dỡ và xây dựng công trình mới phù hợp với các đặc điểm của khu vực lịch sử đó.

Thiết kế công trình xây dựng mới phải tuân thủ quy định như độ cao, khoảng lùi, hướng, tỷ lệ, khối tích, sự thẳng hàng, khuôn mẫu cửa sổ, màu sắc, vật liệu của mặt đứng, các modun và yếu tố cảnh quan.

Các chi tiết và họa tiết trang trí hiện hữu có thể được sử dụng làm cơ sở để thiết kế công trình mới nhưng không được sao chép nguyên mẫu. Việc hiện đại hóa các chi tiết, họa tiết của công trình lịch sử được khuyến khích. Việc sao chép nguyên mẫu sẽ làm cho sai lệch kiến trúc đương đại, làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động thiết kế kiến trúc của thành phố

Chủ đầu tư dự án nằm trong khu vực lịch sử cần phải tiến hành nghiên cứu kiến trúc điển hình cũng như khuôn mẫu phát triển của khu vực một cách cẩn thận. Chủ đầu tư được khuyến khích tìm các hình ảnh lịch sử của công trình hay có thể tham khảo các tài liệu nghiên cứu được thực hiện bởi các chuyên gia lịch sử và kiến trúc trong thành phố.

10. Quy tắc xây dựng công trình/kết cấu mới trong lô đất có biệt thự lịch sử bảo tồn

Trường hợp lô đất chứa các biệt thự cần bảo tồn vẫn còn HSSDĐ chưa dùng đến hoặc khu đất bị chia thành các lô đất nhỏ. Khi đó, không được phép xây dựng công trình hoặc kết cấu ở sân trước của biệt thự đó và trong vùng đệm 5m ở hai phía của biệt thự, đảm bảo không cản trở tầm nhìn công cộng đến biệt thự bảo tồn.

Đối với việc xây dựng trên các lô đất có nguồn gốc từ khuôn viên các biệt thự cũ xây dựng trước năm 1975 đã bị chia cắt, ngoài việc tuân thủ chiều cao quy định cụ thể đối với từng ô phố, cần đảm bảo sự tương đồng với chiều cao các công trình có loại hình kiến trúc tương tự trong khu vực lân cận. Nếu đa số các lô đất lân cận đã không còn hình thái biệt thự, có thể xây dựng đến chiều cao tối đa quy định. Trường hợp đa số các lô đất lân cận còn hình thái biệt thự, cần đảm bảo chiều cao xây dựng không vượt quá chiều cao quy định cho biệt thự.

11. Quy định về thiết kế không gian mở

Không gian mở phải nằm tại vị trí mà phía trước có đủ vỉa hè đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng thuận tiện. Ít nhất 50% vỉa hè phía trước phải được thông thoáng, chẳng hạn không được bố trí hạng mục nội thất, cây cối hay các chi tiết trang trí.

Không gian mở cần đảm bảo an toàn và dễ dàng tiếp cận. Không có chênh lệch cao độ lớn giữa mặt đường và không gian mở. Trường hợp sử dụng bậc thềm để kết nối mặt đường và không gian mở, phải đảm bảo tiếp cận thuận tiện và an toàn.

Không gian mở phải được nhìn thấy từ các tuyến đường lân cận để đảm bảo tính chất ‘mở’.

Không gian mở buộc phải tổ chức lối tiếp cận không rào cản, thân thiện với người tàn tật.

Ánh sáng sử dụng cho không gian mở phải thích hợp, cho phép sử dụng 24/24 và đảm bảo an toàn.

Thùng rác cần được đặt trong không gian mở và vệ sinh thường xuyên.

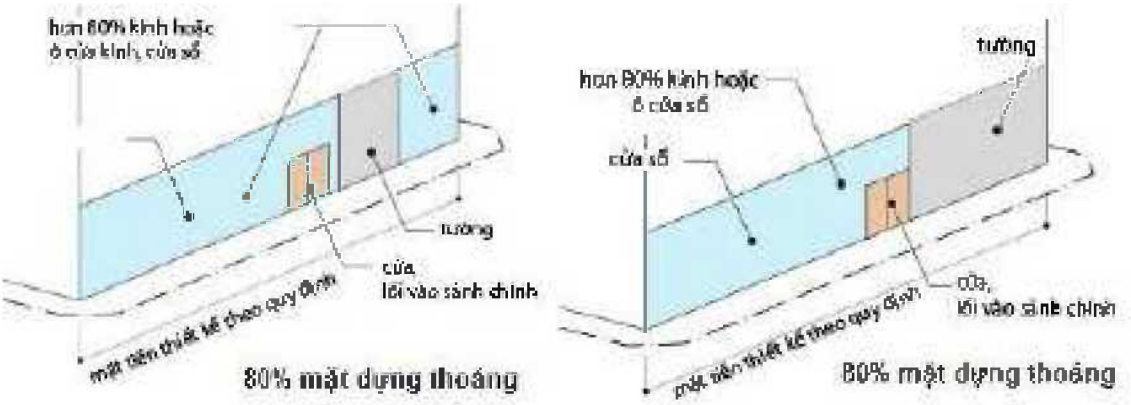
Tất cả các công trình xây dựng mới có bố trí không gian mở cần phải tính toán kích thước bãi đậu xe hai bánh đầy đủ.

Về nguyên tắc, không gian mở được mở 24/24, tuy nhiên, có thể được đóng vào ban đêm nếu có sự thống nhất cơ quan quản lý của Thành phố.

12. Quy định về mặt dựng thoáng (Fenestration):

Yêu cầu tỷ lệ Mặt dựng thoáng tối thiểu bằng 80%: Hơn 80% mặt tiền công trình phải có cửa sổ, cửa ra vào hoặc tiền sảnh tại tầng trệt. *(Hình 12-3)*

Yêu cầu Mặt dựng thoáng tối thiểu bằng 50%: Hơn 50% mặt tiền công trình phải có cửa sổ, cửa ra vào hoặc tiền sảnh tại tầng trệt.



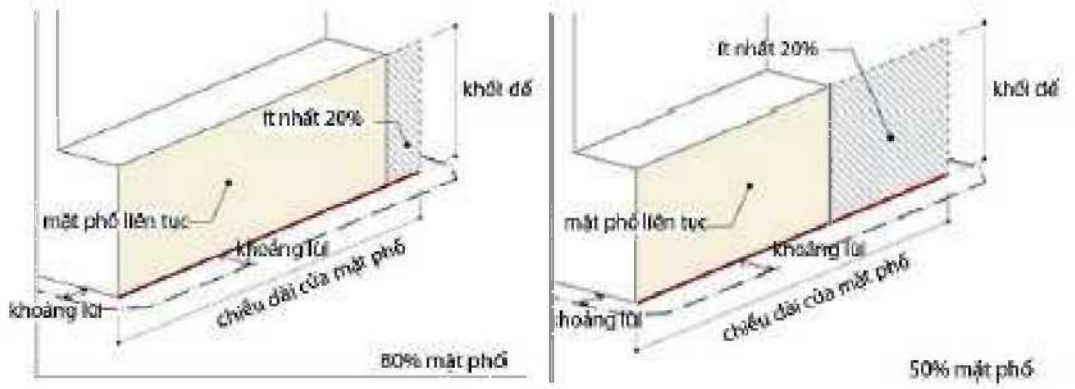
Hình 12-3 Mặt dựng thoáng

13. Quy định về mặt phố liên tục:

Có loại 2 Mặt phố liên tục: *(Hình 12-4)*

- Loại yêu cầu ít nhất 80% Mặt phố liên tục: Hơn 80% diện tích mặt mặt tiền ở khối đế phải được xây dựng theo hình thức Mặt phố liên tục tại ranh đất hoặc chỉ giới xây dựng theo quy định.

- Loại yêu cầu ít nhất 50% Mặt phố liên tục: Hơn 50% diện tích mặt tiền ở khối đế phải được xây dựng theo hình thức Mặt phố liên tục tại ranh đất hoặc chỉ giới xây dựng theo quy định.



Hình 12-4 Hai loại Mặt phố liên tục

14. Quy định về phát triển không gian ngầm

a) Quy định đảm bảo an toàn cho thương mại ngầm và đậu xe ngầm

HẠNG MỤC	NỘI DUNG
Chức năng bị cấm	1. Nhà ở, căn hộ, ký túc xá, khách sạn. 2. Xưởng. 3. Kho hoặc nhà máy xử lý chất độc hại, chẳng hạn thuốc nổ, khí ga, amiăng.
Khu vực thương mại ngầm	Khu vực thương mại ngầm bao gồm 'hành lang ngầm' và 'các tiện ích' đặt tại một hay hai bên hành lang.
Hành lang ngầm	1. Tất cả các công trình tiện ích phải đặt gần hành lang ngầm, độ rộng mỗi tiện ích là 2m hoặc hơn. 2. Khoảng cách từ bất kỳ điểm nào trong công trình tiện ích tới cửa thoát hiểm gần nhất tại hành lang ngầm phải ngắn hơn 30m. 3. Chiều rộng tối thiểu là 5m. 4. Chiều cao tới trần tối thiểu là 3m; chiều cao đáy tối thiểu của thiết bị treo máy hút khói là 2,5m. 5. Không cho bố trí thềm, tỷ lệ dốc phải thấp hơn 8%. 6. Tất cả các lối ra vào phải có thang bộ với chiều rộng lớn hơn hành lang ngầm; chiều rộng cho phép bổ sung thêm thang bộ.
Cầu thang bộ	1. Từ bất kỳ điểm nào trong hành lang ngầm, khoảng cách tới cầu thang bộ hay dốc kết nối trực tiếp với phần nổi (đường, công viên, quảng trường, v.v...) phải ngắn hơn 30m. 2. Nếu kết nối xuống tầng B3F hay thấp hơn, phải tách thang bộ ra các khu vực khác bằng tường hoặc cửa chớp cứu hỏa.
Phòng cháy	1. Từng hạng mục tiện ích phải được bố trí tường hoặc cửa chớp cứu

HẠNG MỤC	NỘI DUNG
	hỏa. 2. Mỗi 500m^2 diện tích thương mại ngầm phải được bố trí tường hoặc cửa chớp cứu hỏa. 3. Khu thương mại ngầm phải được tách khỏi các kết cấu ngầm khác, như bãi đậu xe ngầm, kết nối sang phần ngầm công trình lân cận... bằng cách bố trí tường hoặc cửa chớp cứu hỏa.
Hút khói	1. Mỗi 500m^2 diện tích thương mại ngầm phải được bố trí thiết bị hút khói hoặc tường ngăn khói. 2. Lỗ hút khói sẽ được đặt trên trần theo khoảng cách dưới 30m tại bất kỳ điểm nào trong từng gian hàng. 3. Hệ thống hút khói cơ học phải có công suất hút khói hơn 120cu.m/phút và 1cu.m/1m^2 diện tích sàn.
Thông gió	Toàn bộ khu vực thương mại ngầm phải được thông gió cơ học bằng nguồn cung cấp khí tự nhiên với công suất theo tỷ lệ 30cu.m/giờ/1m^2 diện tích sàn.
Thiết bị dịch vụ xây dựng	1. Đèn báo động có hệ thống điện dự phòng. 2. Thiết bị thoát nước có hệ thống dự trữ và bơm nước mưa.
Phòng điều khiển trung tâm	1. Cần thiết đối với khu thương mại ngầm có diện tích sàn từ 1.000m^2 trở lên. 2. Kiểm soát thiết bị hút khói, máy điều hòa không khí, và các thiết bị phòng cháy chữa cháy khác.
Kết cấu	Tường, cột, sàn và xà phải chống cháy.
Hoàn thiện	Vật liệu hoàn thiện và vật liệu tường hay trần phải chống cháy.
Kho và bãi đậu xe ngầm	1. Cần có từ hai cầu thang bộ thoát hiểm riêng. 2. Khoảng cách từ bất kỳ điểm nào tới cầu thang bộ gần nhất không được bố trí dưới 50m.

(Tham khảo Luật tiêu chuẩn xây dựng ở Nhật và Sắc lệnh an toàn xây dựng choVùng đô thị Tokyo)

b) Nguyên tắc xây dựng và kết nối không gian thương mại ngầm:

Nếu một công trình có diện tích xây dựng lớn hơn 5.000m^2 nằm kế cận phần nổi của trung tâm thương mại ngầm này, chủ đầu tư công trình phải tuân thủ các yêu cầu dưới đây để không gian thương mại đó được hoàn thiện một cách thuận tiện theo định hướng của các ban ngành có liên quan.

- Phải bố trí lối đi kết nối trực tiếp với trung tâm thương mại tại tầng hầm công

trình.

- Phải chấp nhận tháp thông gió đến/từ trung tâm thương mại và bố trí ống thu/thải trong công trình.

Chi tiết kỹ thuật và vị trí các hạng mục này sẽ do ban ngành có liên quan hướng dẫn, chủ đầu tư phải chịu chi phí xây dựng và được nới lỏng một số quy định hoặc chỉ tiêu xây dựng.

(Khối lượng thông gió cho công trình thương mại ngầm ước tính khoảng10m^3/m^2/giờ. Số lượng và vị trí các tháp thông gió sẽ được xác định tùy vào độ sâu của công trình thương mại thể hiện trên bản vẽ chi tiết).

c) Kết cấu hỗ trợ công trình ngầm (cầu thang bộ và các cấu trúc thông gió) Một kết cấu phải được tích hợp nhiều chức năng hỗ trợ đến mức có thể. Việc sử dụng vật liệu trong suốt và phủ xanh mặt đứng nhằm giảm thiểu khối lượng xây dựng và áp lực của nó (*Hình 12-5*)



Hình 12-5 Minh họa một số kết cấu nổi đặc trưng

III. QUY ĐỊNH CÁC KHU VỰC ĐẶC BIỆT

1. Các đặc khu áp dụng các quy chế xây dựng phát triển đặc biệt

Khu vực quy hoạch có các đặc khu được áp dụng các quy chế xây dựng phát

triển đặc biệt như sau *(Hình 12-6)*:

a) Phân khu 1 (Khu Lõi Trung tâm Thương mại - Tài chính) - quy định chung:

- Đường Đồng Khởi.
- Khu vực Chợ Bến Thành.
- Ô phố trước Chợ Bến Thành.
- Khu vực xung quanh Công viên 23/9.
- Khu vực xung quanh Nhà hát Thành phố.
- Khu vực đường Lê Lợi.
- Khu vực xung quanh đường Lê Lợi nối dài.
- Đường Nguyễn Huệ.
- Đường Huỳnh Thúc Kháng.

b) Phân khu 2 (Khu Trung tâm Văn hóa - Lịch sử) - quy định chung:

- Khu vực phía trước Dinh Thống Nhất.

c) Phân khu 3 (Khu Bờ Tây sông Sài Gòn) - quy định chung:

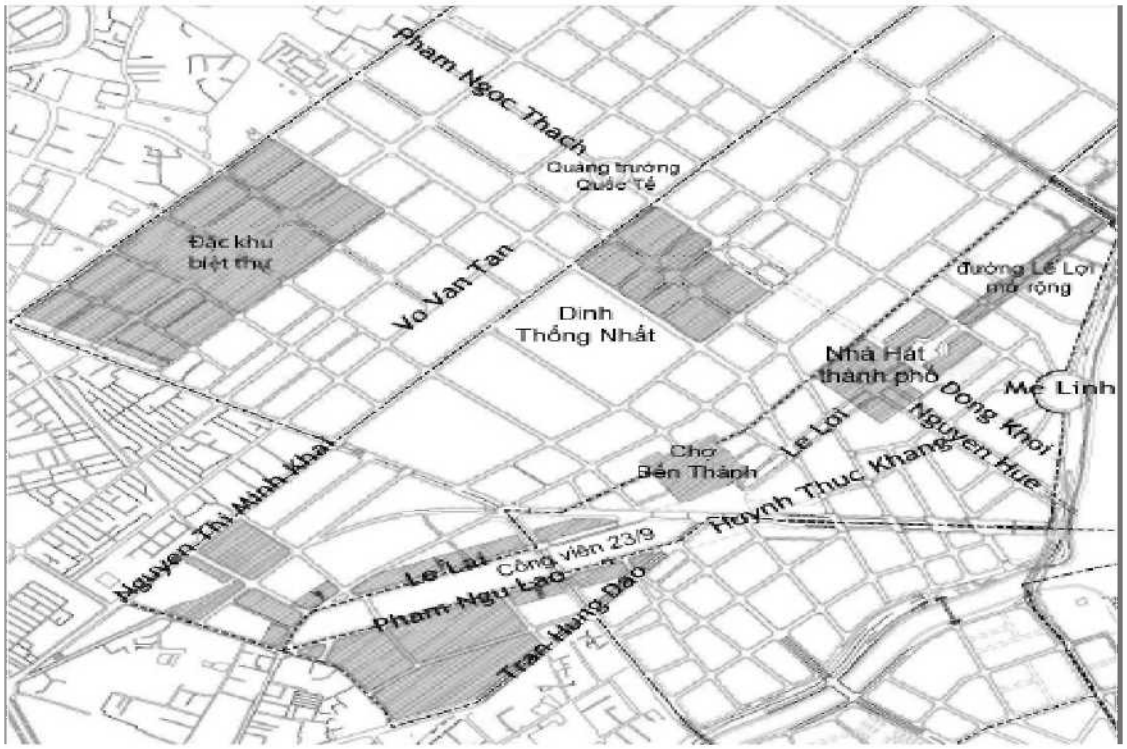
- Khu Bờ Tây sông Sài Gòn.
- Khu Tân Cảng.
- Khu Ba Son.
- Khu Công viên Bến Bạch Đằng.
- Khu Cảng Quận 4.

d) Phân khu 4 (Khu thấp tầng):

- Khu Biệt thự.
- Khu Biệt thự đường Phạm Ngọc Thạch / Võ Văn Tần.
- Công trường Quốc tế (Hồ con Rùa).
- Đặc khu biệt thự.
- Khu lân cận CBD.
- Khu giao lộ Hai Bà Trưng - Nguyễn Đình Chiểu.
- Trục đường Tú Xương từ Cách Mạng Tháng Tám đến Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

e) Phân khu 5 (Khu kế cận lõi trung tâm):

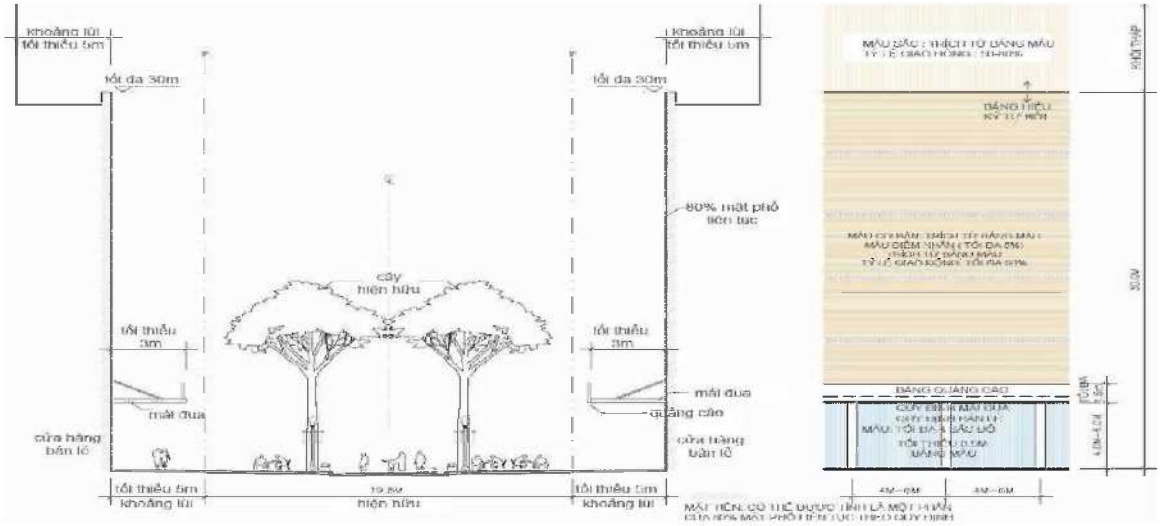
- Các ô phố cần tập trung chỉnh trang đô thị.



Hình 12-6 Vị trí các Đặc khu

2. Nguyên tắc chung cho khu CBD:

Về nguyên tắc chung, công trình cần có khoảng lùi 3m từ lộ giới, với chiều cao công trình trên 30m cần lùi thêm 5m để có ánh sáng và khoảng không cho đường phố. *(Hình 12-7)*

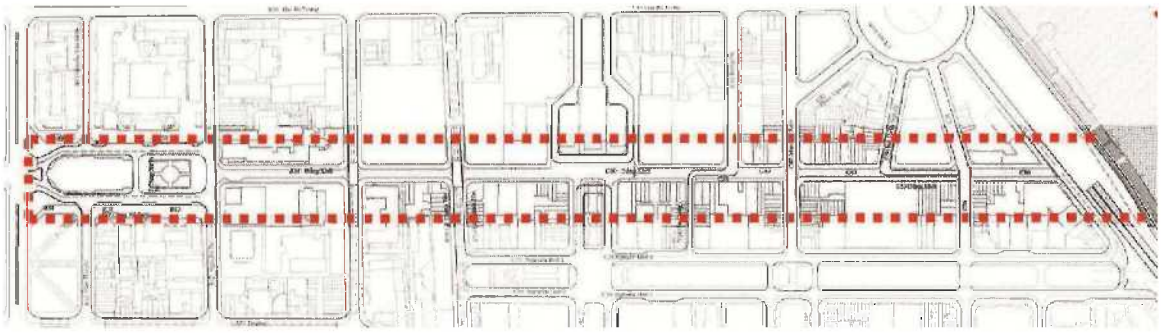


Hình 12-7

3. Đường Đồng Khởi (Các ô phố: PA-1, PA-2, PA-4, PA-6, P2, P3, P6, P7, P12, PP-1, PP-2, PP-3, LC-2, L13, L14, L15, L17, L18, L19,PR-1, PR-2, PE-2,

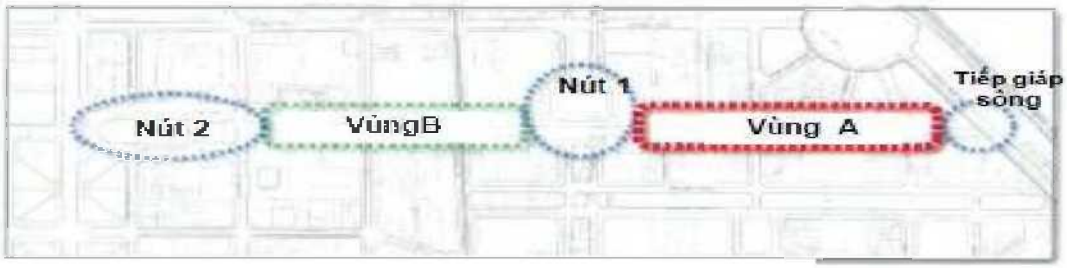
L20, L21, L22, L23, L24, LP-6)

Đường Đồng Khởi từ Sông Sài Gòn đến Nhà thờ Đức Bà (*Hình 12-8)*



Hình 12-8 Ranh giới đường Đồng Khởi

Được phân chia thành các vùng, Bao gồm khu vực bờ sông, hai nút và hai khu, cụ thể theo Hình 12-9 dưới đây:



Hình 12-9 Ý tưởng quy hoạch tuyến Đồng Khởi

a) Khu A *(Hình 12-10)*

- Công trình được bố trí mái đua từ 1m đến 2m tính từ mặt tiền.

- Tầng trệt có chiều cao 4m và khoảng lùi tối thiểu là 1,5m.

- Chiều cao khối bệ là 15m. Phần tháp cao trên 15m phải có thêm khoảng lùi ít nhất là 10m.

- Tỷ lệ Mặt phố liên tục tại mặt tiền khối đế phải chiếm ít nhất 80%.

- Ngoại trừ tầng trệt, mặt tiền của khối đế phải có tỷ lệ rỗng dưới 50% và tỷ lệ rỗng của khối tháp phải từ 50-80%.

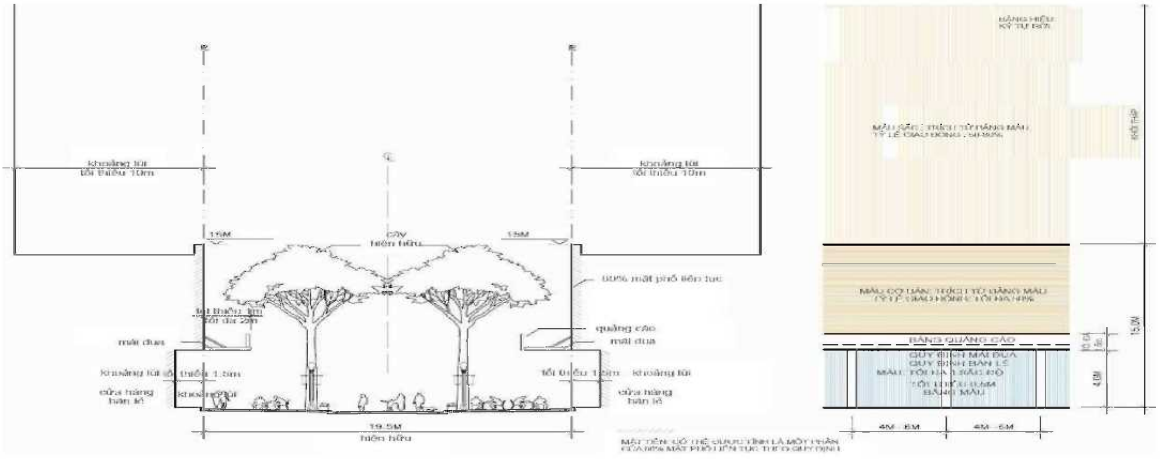
- Mặt tiền của tầng trệt phải được phân đoạn bằng các cột hoặc cạnh tường (kết cấu hoặc trang trí) kích thước 4m-6m. Chiều rộng nhìn thấy được của các cột hoặc bờ tường ít nhất phải là 0,5m.

- Tầng trệt được sử dụng cho chức năng buôn bán lẻ.

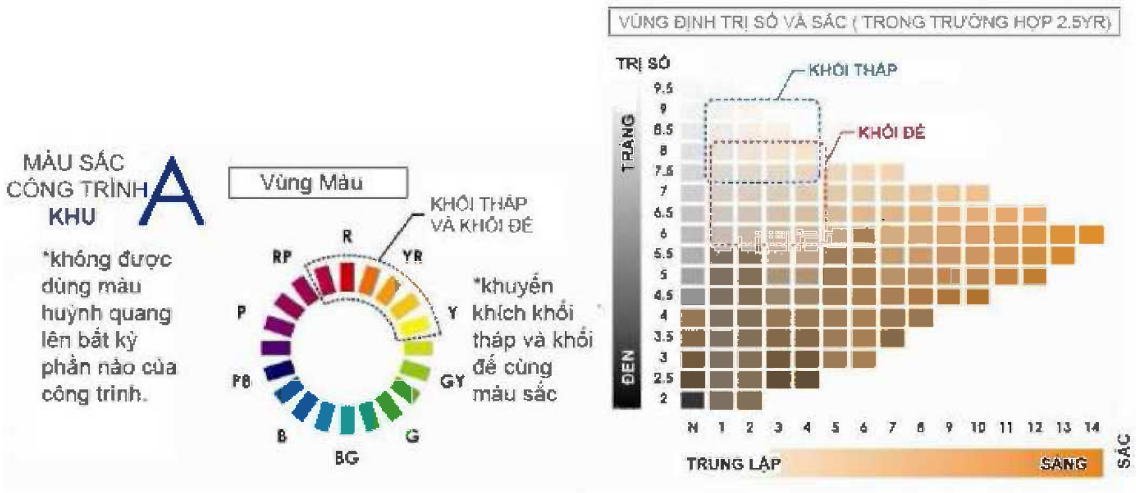
- Bảng hiệu công trình phải được đặt ở vị trí trên cùng của khối tháp theo quy định.

- Các biển quảng cáo nếu có phải được đặt trên thành mái đua với chiều cao không vượt quá 1,5m.

- Màu sắc của mặt tiền phải tuân thủ theo bảng tại Hình 12-10. Tường của tầng trệt phải sử dụng sắc độ màu 4 hoặc thấp hơn. Khối đế và khối tháp phải sử dụng màu và sắc độ theo Hình 12-10, và khuyến khích khối đế và tháp nên có chung tông màu.



Hình 12-10 Mặt cắt và cao độ tiêu biểu của Khu A



Hình 12-10 Màu sắc sử dụng cho công trình trong Khu A

b) Khu B *(Hình 12-11)*

- Công trình được bố trí mái đua vươn ra ít nhất 3m tính từ mặt tiền.

- Tầng trệt có chiều cao từ 4m-6m và khoảng lùi tối thiểu 5m.

- Chiều cao khối đế không vượt quá 30m. Phần tháp cao trên 30m phải có thêm khoảng lùi ít nhất là 5m.

- Tỷ lệ mặt phố liên tục của mặt tiền khối đế phải chiếm ít nhất 80%.

- Cao độ tầng trệt phải từ 4,0 đến 6,0m và sử dụng cho chức năng buôn bán lẻ.

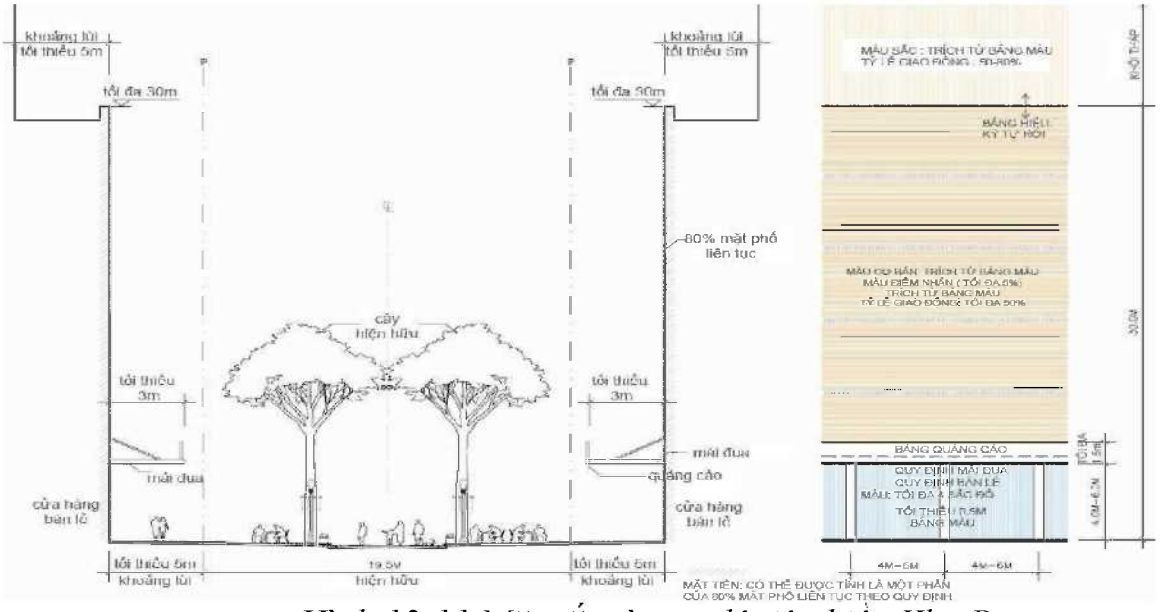
- Mặt tiền phía trên tầng trệt phải có tỷ lệ rỗng trên 50% và tỷ lệ rỗng của khối tháp phải từ 50-80%.

- Mặt tiền của tầng trệt phải được phân đoạn bằng các cột hoặc cạnh tường (kết cấu hoặc trang trí) kích thước 4m-6m. Chiều rộng nhìn thấy được của các cột hoặc bờ tường ít nhất phải là 0,5m.

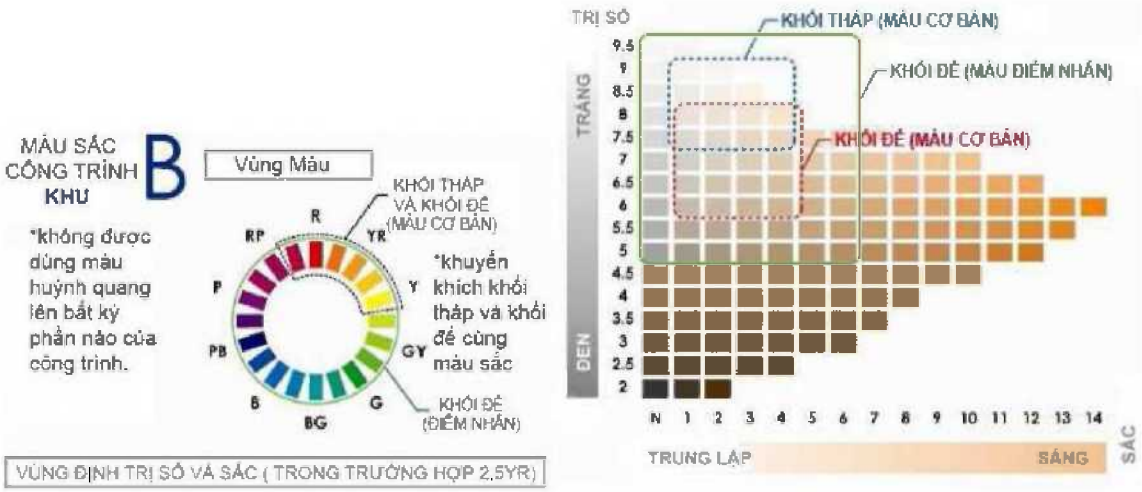
- Bảng hiệu công trình phải được đặt ở vị trí trên cùng của khối tháp hoặc khối đế theo quy định.

- Các biển quảng cáo nếu có phải được đặt trên thành mái đua với chiều cao không vượt quá 1,5m.

- Màu sắc của mặt tiền phải tuân thủ theo bảng tại Hình 12-11. Tường của tầng trệt phải sử dụng sắc độ màu 4 hoặc thấp hơn. Khối đế và khối tháp phải sử dụng màu và sắc độ theo Hình 12-11, và khuyến khích khối đế và tháp nên có chung tông màu. Đối với khối đế, màu nền và màu nhấn phải được chọn trong Hình 3-8 và phần diện tích sử dụng màu nhấn phải chiếm dưới 5% tổng diện tích.



Hình 12-11 Mặt cắt và cao độ tiêu biểu Khu B



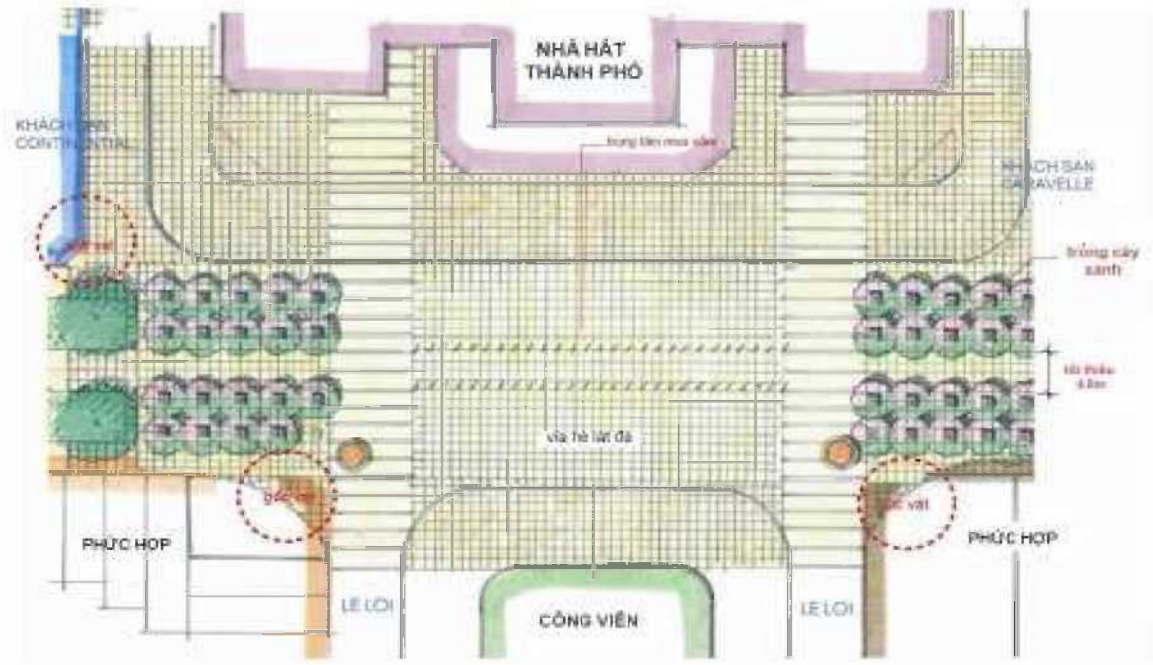
Hình 12-11 Màu sắc sử dụng cho công trình trong Khu B

c) Nút 1 *(Hình 12-12)*

- Thiết kế các góc công trình đối diện với nút này phải tính toán đến sự giao tiếp với không gian công cộng. Ở mỗi góc công trình phải bố trí một lối vào. Thiết kế của công trình không được ảnh hưởng hay tác động đến không gian của khu vực Nhà hát Thành phố.

- Vật liệu lát đường và các không gian công cộng phụ trợ là các phiến đá lớn có thể chịu được tải trọng của lưu thông cơ giới.

- Khoảng trống kết thúc của dải cây xanh đường phố trên đường Đồng Khởi tại vị trí giao với đường Lê Lợi cần được bổ sung các bồn cây di động hoặc các chậu lớn để tạo thêm mảng xanh thẳng hàng tại ngã tư Lê Lợi với khoảng cách giữa các cây không quá 4,5 m.



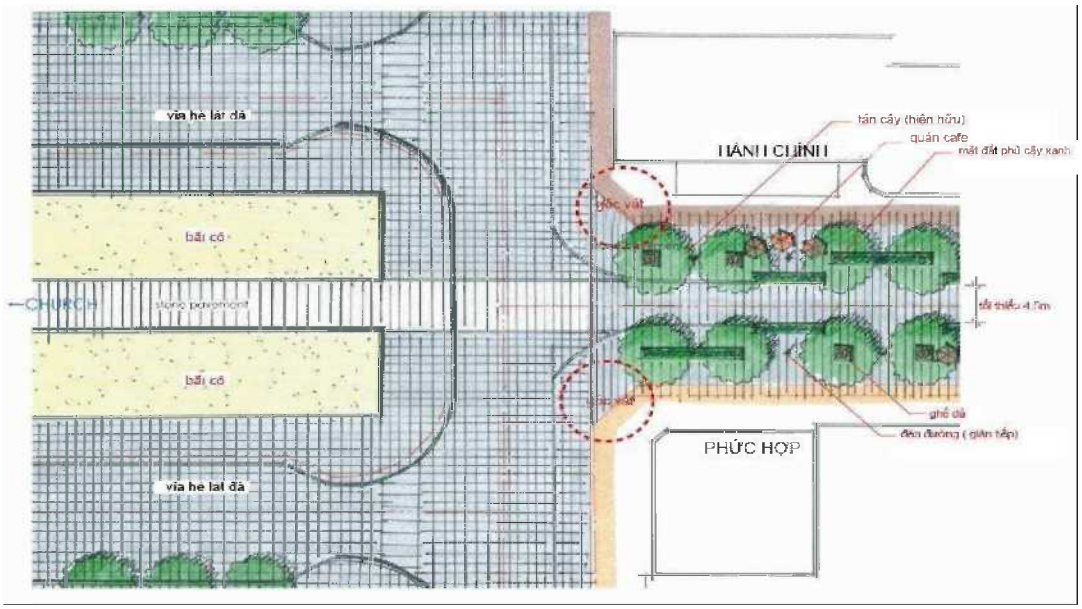
Hình 12-12

d) Nút 2 *(Hình 12-13)*

- Các góc công trình đối diện với nút này phải được thiết kế sao cho gia tăng khả năng giao tiếp với không gian công cộng. Ở mỗi góc công trình phải bố trí một lối vào.

- Thiết kế của công trình không được ảnh hưởng đến không gian khu vực Nhà thờ Đức Bà.

- Vật liệu lát đường và các không gian công cộng phụ trợ là các phiến đá lớn có thể chịu được tải trọng của lưu thông cơ giới. Màu sắc xám chìm làm nổi bật Nhà thờ Đức Bà.



Hình 12-13

(Xem tiếp Công báo điện tử số 362 + 363)